

打 控

催 又 狃
慌 夕 齡
之 調 生 事 辱 輸 辱 些

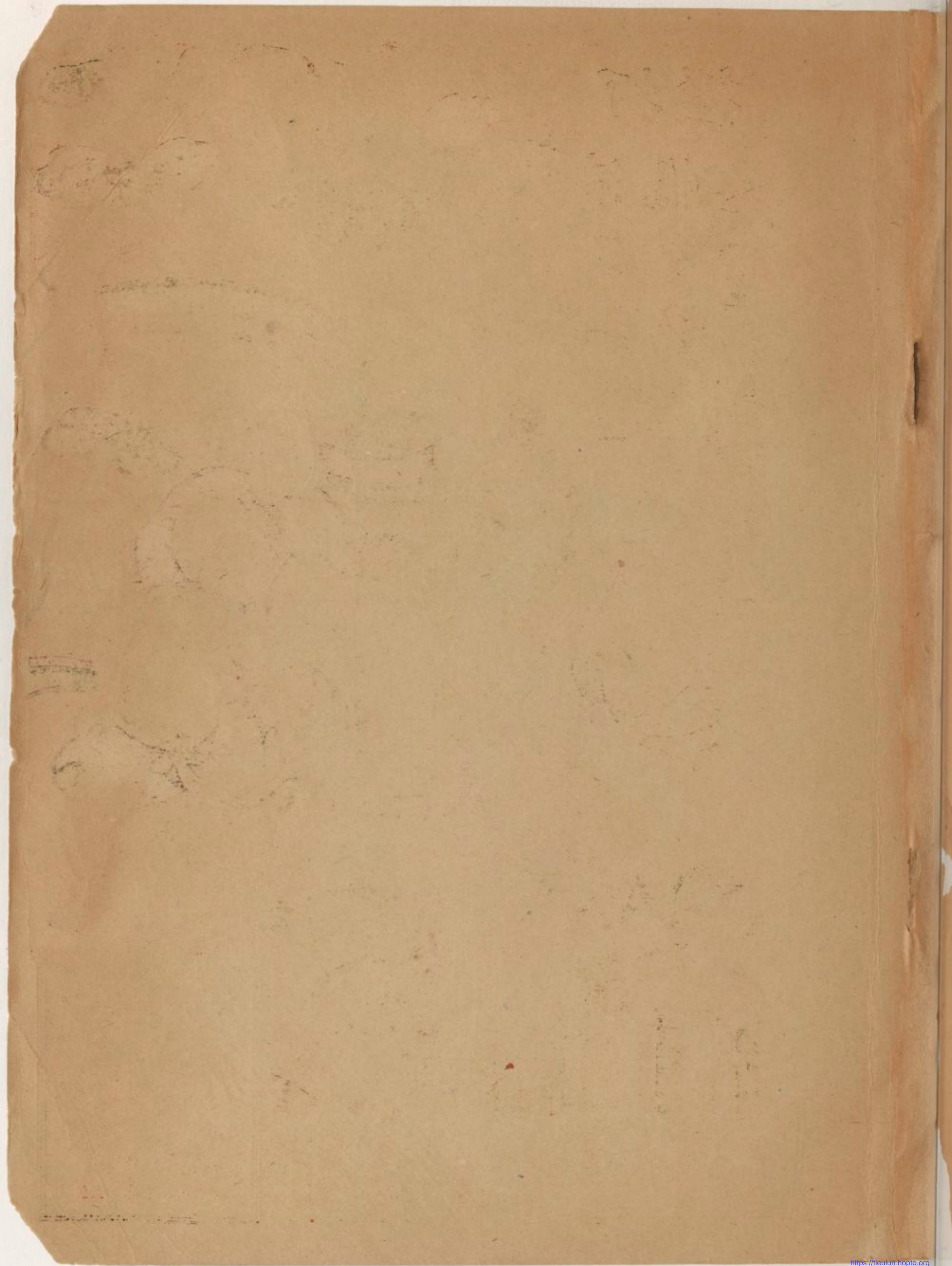
NOT LEGAL
INDOCHINE
N° 18987



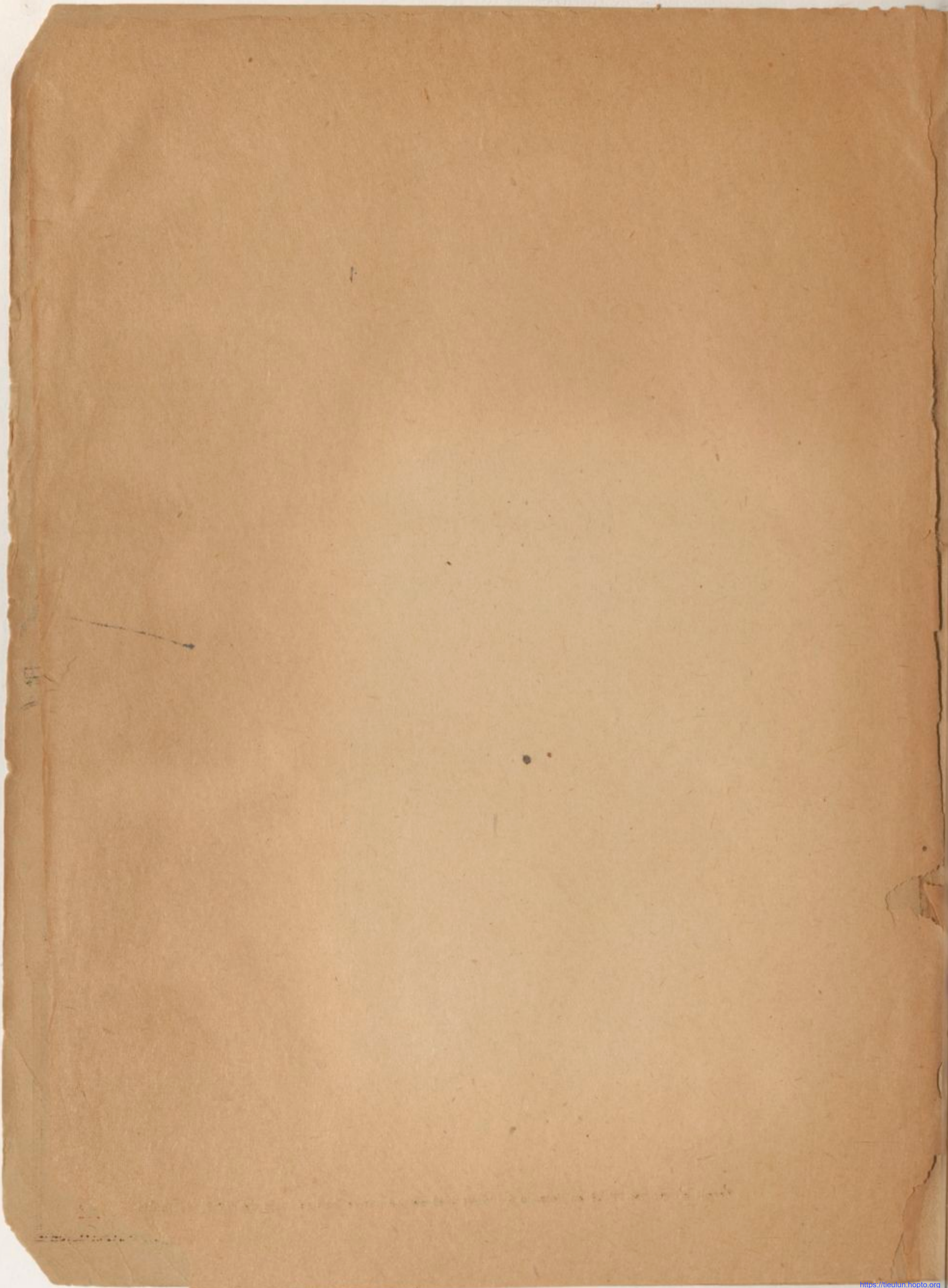
GIAP PHAM

40
Indoch.
115

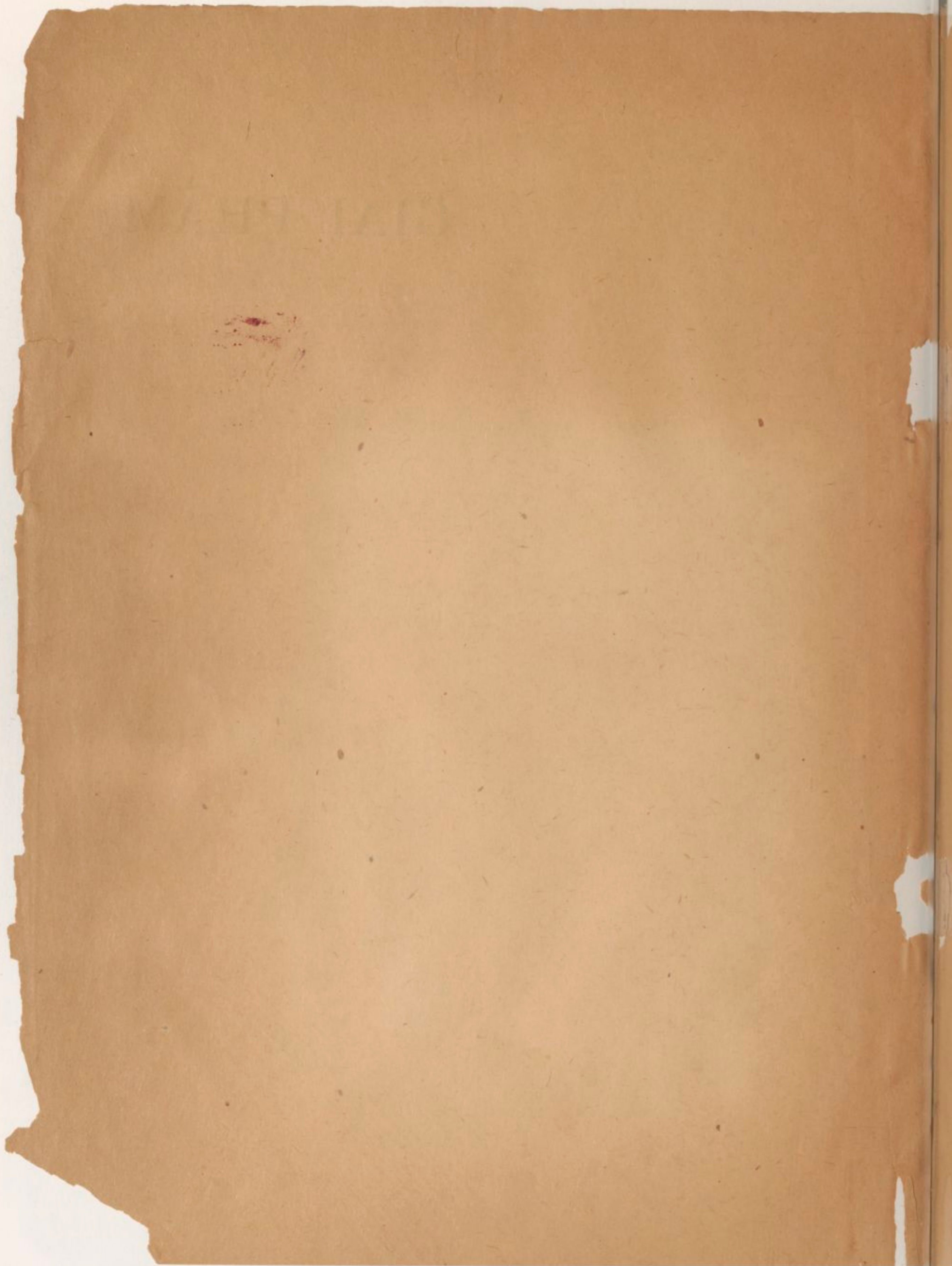
40 Indoch.
116

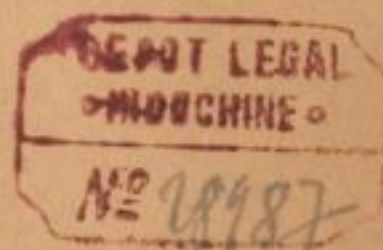


Permis d'imprimer N° 98 en date du 6 Janvier 1943 délivré par le Service Local de l'I.P.P. du Tonkin



GIAI PHẨM





TÁC PHẨM CỦA
TRẦN TIÊU, NGUYỄN TUÂN,
BÙI HIỀN, THANH TỊNH, HỒ
DZẾNH, THẾ LỮ, TÚ MỠ,
TƯỜNG BÁCH, VŨ HOÀNG
CHƯƠNG, HUYỀN KIÊU,
ĐÌNH HÙNG, TÔ NGỌC VÂN.
PHỤ BẢN CỦA NG. GIA TRÍ
BÌA CỦA TÔ NGỌC VÂN

NHÀ XUẤT BẢN
ĐỜ I N A Y
NHÀ IN NGÀY NAY

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

THE KILL

Lời nói đầu

Ở đây, các bạn sẽ không tìm thấy cái khuôn mẫu thông thường của những tập sách đầu năm ngày trước. Cuốn « Giai Phẩm » này có một tinh cách riêng biệt, tao nhã và cao quý hơn.

Trong tập này, bao nhiêu tác phẩm đã hội hợp : truyện ngắn, kịch ngắn và thơ của nhiều văn tài cùng gắng sức. Nhiều nhà văn đối với bạn đọc đã quen rồi nhiều tên khác có vẻ mới lạ hơn ; nhưng tác phẩm nào cũng là một công trình chọn lọc, cũng biểu lộ được vẻ đặc sắc riêng của mỗi người. Chủ định ấy, các bạn sẽ còn thấy rõ rệt ở cách trình bày của các họa sĩ ; dáng hỗn độn của những tập sách qua biết không còn nữa, nhường chỗ cho một vẻ trang nghiêm hơn, thích hợp hơn với toàn thể một cuốn sách xứng đáng với cái tên « Giai Phẩm ».

Một tặng phẩm nhỏ nhưng thanh nhã, một vài ánh sáng đơn sơ trên đường văn chương và mỹ thuật, đây là kết quả của sự gắng sức chung mà chúng tôi muốn hiến độc giả.

ĐỜI NAY

100

NHỮNG DƯA CON HOANG

của NGUYỄN TUÂN

« Có những sự thực không tiện nói ra »

Đây là một tiếng cười thâm. Lặng lẽ và nhũn nhặn để che biết bao nhiêu chua chát trong ý nghĩ của một nhà văn. Bạn đọc tác giả «Chiếc lư đồng mắt cua» lại gặp một lúc ở đây cái người lãng-tử nghệ-sĩ rất lễ phép vì hoài nghi, con người yêu mê những cái đẹp ở đời một cách trang trọng dẫn đo vì lòng quá ngạo nghệ. Mấy nhân vật ông phác vẽ trong này tuy mỗi người một cảnh đời khác nhau, song cũng thuộc vào một loại người đặc biệt mà chúng ta muốn biết rõ tâm sự. Những tâm sự ấy, nhân một đêm ngẫm nghĩ liền miên trong cuộc vui cuối năm ông diễn tả ra với một giọng văn hoặc đỉnh đạc, hoặc đường đột, hoặc mỉa mai, nghịch ngợm, nhưng bao giờ cũng vẫn vít bản khoăn như bao nhiêu ý tưởng súc tích rồi rào.

L.T.S.

AY là một châu hát tất niên mà lại là một châu hát đặt từ hai mươi bốn giờ trước. Xóm chơi thì khu ấy là hạng nhất, nhưng nhà hát thì cũng chỉ vào bậc trung thôi. Tôi mến cái lâu ấy vì mấy lẽ này : 1) chủ nhân vốn là con gái út một vị đề đốc đã bắt đặc kỳ tử tại bãi lau một tỉnh trung du, — nổi tiếng vì cái tính khinh người và lúc đã quý được người nào thì chiều như chiều vong và có lắm lúc lại còn tự đắc thâm về những điều thua thiệt. Thế rồi là lặn vào mà nói chuyện, những buổi cao hứng. Truyện của chủ nhân nhiều đoạn có thừa giá trị của những trang đã sử về lớp người cũ gần đây. 2) con em trong nhà biết tuân theo

gia pháp ; mỗi lúc các cô cười nhiều quá làm bận đến câu chuyện riêng của quan khách thì chủ nhân chỉ lừ mắt một cái là họ phải đi chơi hết, lúc nào có cho gọi về thì mới dám bén mảng đến. Bao giờ tôi quên được cái kiêu ngạo nhai trầu của người lão kỹ — già vì đời sống chứ không phải già về tuổi — mặc cái áo bông, đỉnh đạc ngồi bên sập, sai bảo các «dì nó» toàn bằng mắt. Chừng như chủ nhân hiểu rằng, ở một ca nhi, giọng tiếng chỉ nên dành cho lúc hát. 3) ở đây có một n. già — nguyên là nàng hầu một vị lệnh doãn đã thất lộc — biết nấu nướng đúng cái sở thích của tửu đồ, coi cá thịt ở mâm chỉ là một cái có làm vui cho riêng mắt và mũi thôi.

Ấy vào một đêm của một năm đang ngả màu (1), chúng tôi đã bát một châu tất niên ở một nhà hát có những mùi vị cũ kỹ như thế. Thời tiết cuối năm, đã hẳn là đêm dài tha hồ mà thức với nhau, nhưng chúng tôi vẫn chưa cho là đủ và đã kéo nhau xuống từ trước lúc sương chiều thả giọt. Qua các phố, nhiều hiệu buôn đã nghỉ hàng — nơi những tấm cửa lụa kín mít đã dán sẵn vuông giấy yết ngày khai trương sang năm. Trên hai xe trước song song nhau, Lũy hỏi sang Mệnh rằng có lẽ giờ ở khắp các phủ huyện, người ta đã làm lễ hạ ấn cả rồi đấy nhỉ. Ở nhiều đầu đường lấm trề, thoảng bay mùi diêm sinh của pháo đưa năm.

— Lạy ba ông ạ. Con bày mâm trên gác xong xuôi cả rồi.

À, cái u già của nhà hát hôm nay lại mặc một cái áo cánh bông mới.

— Sao nhà vắng chơ thế này hở u ?

— Bà con vội lên chợ Đồng Xuân mua thủy tiên chưa về ; buổi sáng bà con quên mất. Còn các cô con thì đều đi sắm tết hết. Các cô bảo rằng có các ông xuống hát, các cô ấy đều khó nói khó cười quá ; có ngồi đấy thì cũng là thừa, các ông cũng đến cho đi chơi hoặc xem hát cả thôi. Đề con đi quạt cái hỏa lò than, các ông pha nước lấy thì phải với ý các ông hơn.

Lũy và Mệnh đã ôm những gói xinh xinh lên gác trước. Tôi lên cầu thang rất chậm, đầu còn bần những sung sướng. Tôi dừng lại ở từng bậc thang. Vào ngày này của năm hết tôi tưởng chừng như chỉ có tôi là người biết sung sướng thôi. Lòng tôi tràn ngập vì ý thỏa thuê của tình bạn đem lại. Lòng tôi thừa ấm trong đêm đông cuối mùa này. Cảnh tôi, tôi đang có hai người bạn thân. Đứng trước cuộc sống đầy hóc hiểm,

— (1) mấy chữ « năm ngả màu » là mượn tạm của ông Nguyễn Lương Ngọc (Xuân Thu nhã tập).

lắm lúc chỉ có một mình tôi chơ ra với tôi thôi mà tôi cũng có đủ can đảm đề đương đầu rồi. Huống hồ giờ lại có thêm Lũy và Mệnh đi bên nữa thì tôi còn coi cuộc sống trong đây phút này ra gì nữa. Bất giác nghĩ mà lại xót xa cho những tấm linh hồn cô đơn vật vờ trong không gian giữa khoảnh khắc thời gian này. Năm cùng, đêm lạnh lẽ, không một chút tình bạn.

Rồi không hiểu tại sao tôi lại thấy bần lòng vì điều chết — những lúc tôi sung sướng quá độ, ý nghĩ chết thường chen vào tâm tưởng. Giá lúc đang lên thang này, trúng một đợt gió độc, mạch sống đứt phụt, được đặt hai cánh tay xuôi vào lòng hai anh bạn Lũy và Mệnh, tôi cho là đẹp lắm. Cái chết như vậy đã là xứng đáng. Tôi sẽ không cần đến ai đưa tôi đi ngủ nữa. Đám ma tôi có Lũy và Mệnh đưa tôi về nhà ở cuối cùng là đủ lắm rồi. Mắt tôi còn dờm dờm và đỏ hoe khi tôi bước vào khoảng ánh điện rõ ràng của gác nhà hát. Lắm phút thống khoái quá, nước mắt hay trào theo ra có khéo lắm mới dấp được.

Lũy đang chuyên trà. Mệnh mở lồng bàn dậy mâm rượu, cắm mấy nén hương lên ngọn đĩa sôi. Tôi bỏ thêm thối trầm vào lò đun nước. Hương trầm nhang thơm như hương lòng ba đứa tôi lúc ấy. Tôi cảm thấy phút sống lúc này là một vinh dự, là một sự chịu ơn của ai ở trên đầu mình, ở gần quanh mình. Gác nhà hát rộng và sáng rực và chỉ có ba người đang lặng lẽ nhấp những chén trà nóng, hương bay nùng và vị quện lấy giọng. Chúng tôi đều như đang thông cảm với một cái gì trong khoảng không. Sự đang thầm lặng giữa chỗ phồn tạp đây là đáng nể vì lắm. Không ai nổi cất tiếng nói để phá tan cái chốc lát huyền ảo tình cờ này. Lòng tôi đang tan hòa vào lòng chiếc đĩa dầm bộ đồ trà vẽ Xích Bích. Nơi đáy đĩa, con thuyền hình

như... mà kia ! đang nhẹ nhẹ trôi. Cả mảnh giăng lam nữa.

Chúng tôi giật mình, trở về với sự thực. Chủ nhân đã bước vào, tay đưa một cốc thủy tiên hoa đơn còn hàm tiếu đến quá nửa. Lũy và Mệnh cười, vẻ cười thay một lời chào của những người đã quen nhau quá. « Hoa của chợ chiều đây ». Chủ nhân vừa nói vừa đùa vuốt lá củ hoa và đòi lại cái đĩa vị trà nô, thay ấm trà mới và trách tôi :

— Tưởng là khách lạ, tôi ngại quá. Té ra là ông Lũy và ông Mệnh. Cái ông Nguyễn này đến ốm ở. Hôm qua tạt lại dặn rằng « mai sẽ uống rượu », tôi hỏi là « có những ai » thì lại bảo là khách tỉnh lẻ về chơi. Làm mình ngại quá.

Lũy, giọng điềm đạm :

— Thành ra có đến hai năm tôi mới lại gặp lại chủ nhân đây nhỉ. Sao bảo bà không dọn nhà hát và đã đi lấy chồng rồi. Tôi ở trên rừng, tin tức đưa lên, toàn là nhảm cả.

— Đúng đấy ông ạ. Tôi nộp khoản tái tòng mới chừng có nửa năm nay đây thôi. Cũng là hay. Chứ giá không lộn về dọn nhà lại, thì đâu lại có dịp gần được nhau như vậy nữa. Nhà văn rủ nhau đi hát, hẳn là phải gặp lúc yêu đời lắm hoặc là chán chường lắm. Cho tôi chia cùng. Được chăng ? Hôm nay tôi cũng phải uống. Rồi đóng luôn cửa, ăn tết cho nó sớm hơn mọi năm một chút. Qua năm mới, sẽ nắn lại giọng hát. Đã có sao. Tôi xuống dẫn người nhà ít việc sẽ xin lên ngay đây. Thế vừa nghe hát vừa uống rượu hay là thế nào để cho « sự chủ » còn liệu, hử ? hử cái ông Mệnh đang trầm ngâm kia ?

Để trả lời, bà đưa tôi vẫn lại chỉ cười. Chủ nhân xuống lầu. Chúng tôi lại có dịp được lắng thêm mình vào cuộc đời tiềm tàng của riêng mỗi người đã được trở lại trong

tịch mịch của mái lâu không đàn bà.

Lũy rút bút máy, chẳng rõ đang ghi những gì vào cuốn sổ tay. Mệnh ngồi viết nốt lá thư an ủi một người bạn ở xa. Ban chiều gặp tôi ở nhà in, Mệnh đã chia cho tôi xem lá thư ấy mới vắn vắn có hai giòng « Kinh thành, Nguyên đán tiết, tiền lục nhật. Hà Phu Nhân nhĩ giám ». Tôi nằm, ngửa mặt nhìn cái lá thiên tuế khô trên xà thượng lương. Tôi đang nghĩ về Lũy, ý nghĩ đầy kính yêu. Làng văn xứ sở ngày một đông thêm nhưng rồi ai sau này sẽ được như Lũy ? Chà, dám đo được với đời sống của Lũy thì lại cũng chỉ có những văn phẩm của Lũy thôi. Nhiều bạn cùng nghề ở đây, tạo nên nhiều công trình lạ và quý nhưng cuộc sống riêng thì nghèo nàn và lòng thì hẹp hòi. Có nhiều bạn khác đời sống về tình cảm và trí tuệ rất là phong phú mà những « đứa con tinh thần » tạo ra thì lại rất bo bít và ngờ nghệch. Từ sáng tác đến cuộc đời hằng ngày của từng văn gia, có được sự cân đối, khó vậy thay ! Người Lũy và văn Lũy đã có được sự quân bình ấy. Đời Lũy phơi rộng, lòng Lũy quảng đại về ý văn của Lũy thì có cái hương bao la của tất cả những cái gì của cuộc đời — ngũ quan có thể ký nhận được và tâm óc có thể lượng tưởng đến.

Đến hai năm nay, Lũy không cho in gì cả. Anh lên rừng ở, chăn ngựa nuôi ong, sống với dân Mọi Tây Kỳ. Tin tức của anh năm thì mười họa lọt về chỗ thị thành có bóng bạn, thường chỉ là một chai mật hoặc gói trứng kiến. Hỏi người lão bộc của Lũy về cận trạng chủ y thì tên đầy tớ quắc thước chỉ nói rằng Lũy « vẫn mạnh và gửi gói trứng kiến về để biếu các ông đồ sồi. » Hỏi gắng thêm nữa xem Lũy có hay thức đêm đọc sách như trước thì người đầy tớ già cho hay rằng Lũy đã biếu một đức cha gần vùng đấy cả cái tủ sách. Như tôi còn

nhớ thì đây là một tủ sách triết học và nhân sinh học rất quý. «Chính con bung sách sang cho cụ đạo. Nặng lắm ông ạ. Con không có chữ, nhưng lúc ông con đem cho hết đi, con cũng thấy tiêng tiếc thế nào ấy. Lắm quyền vàng son đẹp như câu đối.»

Có một lần — phải, Lũy có viết về — anh gửi chung cho mấy đứa tôi một bức thư. Có nhiều câu tôi nhớ như chôn vào lòng : «Nghệ thuật là gì ? Nghệ thuật là một sự khổ hạnh. Chúng ta đều hiểu như thế cả và đều vui vẻ nhận lấy cái định thức ấy như nhận lấy một định mệnh. Nhưng có cái gì trong đó vẫn không cho tôi chịu phục. Tôi vui lòng với khổ hạnh, lúc ngồi bút đề xuống trang. Chỉ những lúc bút đề xuống trang thôi. Còn ngoài ra, lúc đụng cánh với quanh mình, mình phải đủ những điều kiện vật chất đề mà sáng tỏ, dầu có phải cháy bùng bằng những ánh đuốc xa hoa thì cũng không cần phải tính đếm đến kia, thế mới là phải. Có khi người ta thường tự an ủi rằng kẻ nghèo thường làm thơ hay. Tầm bậy. Đây là những câu tiêu cực của những kẻ nguy cảnh ngộ. Viết đề làm gì, nếu tâm hồn mình không cất được cánh lên. Cái dầu bọn văn sĩ đã là nặng rồi, cái hồn trong ấy lại cũng không bồng nhẹ được nữa thì nói gì đến nhiệm vụ.

«Bây giờ, cung cách trong đời sống đã đổi khác cả. Có những cái xe chạy trên giới nhanh như con tinh lặc tốc lực mỗi giờ tính cứ hằng trăm dặm một. Sao chúng ta lại cứ an với cái phận người bộ hành. Mình cũng phải ngồi lên một cái máy cho nó chạy chứ. Nếu có phải đi bộ, thì những lúc ấy mình chỉ nên coi là lúc cần phải thông cảm với tạo vật, với tự nhiên và cần phải nhận nha như thế đề cho ngũ quan kịp ký nhận sự tung bùng của cây cỏ mây nước quanh mình.

«Thần hoặc, vẫn có nhiều tập thơ chan hòa những lời cao quý rộng thoát của những nhà văn nghèo, vui với hoàn cảnh thiếu thốn, không cho thiếu thốn bằng ngày dự vào lời viết và, trong lúc phụng sự tiếng mẹ đẻ, trong lúc sống với quanh mình, lòng vẫn rộng rãi như lòng đức Phật. Nhưng đây là những bậc á thánh, đây là một thiểu số. Mà còn chúng ta thì vẫn chỉ là người.

«Các anh liệu lấy phận. Thôi, chào các anh, tôi lên rừng đây. Chưa rõ là làm nghề gì, nhưng sẽ liệu dần. Bao giờ được ngồi xe hai mươi bốn ngựa, tôi sẽ xuống núi về thăm các anh.»

Cách đây hai tháng, Lũy đã về với Hà Nội chúng tôi, để in một cuốn sách. Ngựa xe anh chưa có, nhưng anh đã dành dụm được thừa một số tiền để tự mình xuất bản lấy sách của mình. Nỗi mừng của tôi gặp lại Lũy về in tập «*Gió Ngàn Thiêng*» không khỏi pha thêm một chút ghen tị. Ra Lũy đã in lấy được sách của Lũy mà mình thì từ trước tới giờ chỉ vẫn có như một anh khách đời Chiến Quốc vác kích múa hết ở nước chư hầu này lại chạy sang ở nhờ với công tử một nước khác, «*giang hồ*» mãi trong đám xuất bản và làng báo. «*Gió Ngàn Thiêng*» vào bìa từ hôm kia và hôm nay Lũy sửa bữa rượu gọi là có cái lễ lạc thành cuốn sách mới. Lũy nhờ tôi đi đặt rượu ở một nhà hát từ hôm qua. Việc lạc thành sách bằng cuộc rượu hồ đã thành một tục lệ không có không xong trong hàng dân chúng tôi.

Lũy đã ngồi dậy mở gói sách, tặng tôi và Mệnh mỗi đứa một bản *Lựa Dó*. Mệnh bỏ bức thư viết dở, chạy lại hỏi Lũy :

— Anh định đề tặng tôi một câu như thế nào ?

— Thì lại cũng chỉ viết tên anh vào và

tôi ký xuống dưới — ký rất đẹp, đẹp đến không giống chữ ký của mình nữa — chứ gì? Chỉ cộc thun lùn có thể. Hay là anh muốn như thế nào thì đọc lên rồi tôi viết thêm.

Chúng tôi tìm tì. Có một tí kỷ niệm vừa quay về. Lũy và tôi nhớ đến cái ngày năm nọ, Mệnh cũng ký sách tặng. Mệnh vừa ký vừa lăm bằm như nguyên rửa một cái gì. Ký sách mới ra, thế mà cũng mệt đáo đề. Mệnh đi nằm. Tôi lần giở những sách đã ký. Cuốn nào cũng như cuốn nào: chỉ gọn thon lỏn có một câu: « Kinh tặng ông (hoặc bà, cô) Mỗ. » Tôi không khỏi ngạc nhiên. Vậy ra Mệnh coi ai cũng như ai thôi. Xưa nay Mệnh vẫn có tiếng là hay chơi chữ. Mỗi lần có sách tặng người quen biết là một dịp tốt để Mệnh đề vào đấy vài giòng rất có duyên, rất yêu đời, chung quanh đóng đến ba bốn cái triện son, triện âm, triện dương, triện lá lật v...v... Lũy và tôi trên Mệnh:

— Mọi khi những lời đề tặng của anh du dương như giòng mở đầu thư tình kia mà.

Mệnh làm như không nghe thấy câu hỏi. Một lúc san, anh mới cất tiếng:

— Dễ các anh cũng đã thấy người ta nuôi trẻ rồi đấy nhĩ. Ừ, khi người ta mới có một đứa con đầu lòng thôi thì người ta quý nó lắm. Nuôi vú. Đưa vú lên đốc-tò phân tích sữa vú, thử máu vú xem có được trong lành không. Nhưng đến lúc người ta đã có con đàn rồi thì sự săn sóc có giảm đi rất nhiều. Có khi thành ra mặc kệ nữa. Các anh há chẳng có dịp thấy những đứa trẻ nhà quê sần sần tuổi nhau — đứa có quần thì lại thiếu áo — bò lê trên những chỏm mả giữa cánh đồng, bốc đất ăn trông như lũ trẻ bồ côi? Khi mà cái gì đã thành ra nhiều quá...

Nghe nhau nói, tôi thương Mệnh vô cùng. Đây là một người sống chẳng được

vừa lòng. Mệnh có tài và lại có sức khỏe nữa. Anh viết rất nhiều, nhiều vì tâm hồn anh phong phú và có những rung động mạnh, chứ nhiều đây không có cái nghĩa là viết quấy. Làng xuất bản tranh nhau mà đặt mua văn Mệnh và họ thường vẫn kháo với nhau rằng văn Mệnh là thứ ruộng nhất đẳng điền. Mệnh kiếm được khá, nhưng tính vốn hoang rộng, anh tiêu cũng nhiều. Nợ như chúa Chồm. Nợ tiền. Nợ tình. Giá tôi mà phải sản xuất tàn nhẫn để đủ giả nợ đời như Mệnh thì tôi tưởng đến quy ngay. Ông Tào Hóa cũng là lạ. Những người như Mệnh, nếu không có nợ, nếu phong lưu thì không bao giờ chịu viết. (Mệnh vẫn thường nói rằng thời giờ viết đâu có bằng được lúc sống trực tiếp ngay với đời sống để mà tận hưởng) Thì ông cho ngay công nợ rất nhiều để mà hiểu đến cần lao. Ông lại cho luôn cả sức khỏe để đủ điều kiện mà phát huy một cái tài rộng. Mệnh càng viết càng hay và càng nhiều người ủng hộ tiền cho tiêu. Cái giá người Mệnh, ở Ngân Thị cuộc sống, có lúc đã vọt lên cao lắm. Và tôi lại càng cầu cho Mệnh nợ nhiều thêm nữa. Đây là cái có tốt cho Mệnh thực hiện cái tài của mình cho đến triệt để. Tôi rõ người bạn kỳ dị của tôi lắm. Nếu Mệnh mà không vương nợ thì chẳng viết tí gì cả, cuộc đời sẽ mất đứt một người làm chứng có lương tâm và văn học sẽ thiếu nhiều tài liệu hùng hồn về nhân sinh hiện đại. Đến nước này thì ai là người có lòng với tiếng mẹ đẻ mà chẳng thiết tha cầu cho Mệnh chung thân vương lấy nợ nần. Có những duyên kiếp nó quái gở như thế đấy.

Riêng về Mệnh, thì ngoài lúc ngồi vào bàn viết gửi tấm lòng cao rộng mình xuống giấy, tôi chưa thấy anh vui lúc nào. Những nhân vật truyện của anh người nào cũng có ít nhiều độ lượng mà cái lối xử thế của

Mệnh thì toàn là giọng khinh bạc chua chát. Đã có nhiều người ngồi rình kỹ Mệnh để viết sẵn tiêu sử.

Nghe anh thủ thi :

— Đời tôi, tôi đã ký nhiều quá. Tôi ký xấu lắm. Từ ngày thành đình, chẳng mấy khi tôi được ký măng-đa. Từ bé, chẳng bao giờ tôi được đi thi đề mà có dịp uốn nắn cái tên ký mình vào một mảnh bằng nào. Lớn lên, toàn là ký văn tự và sồ lấy hàng chịu. Còn đẹp làm sao được nữa. Các anh cũng tha thứ cho khi nhận được sách tôi tặng, chữ ký lèm nhèm. Và thấy lời đề tặng cộc lốc, cũng không nên chê tôi là người ít tình. Bởi tôi đã « đánh đi » chữ ký tôi, bởi tôi đã phải chiều chung quanh nhiều quá đến nỗi làm lạc cả nghĩa thuần túy của lăm danh từ, mà giờ đứng trước nhiều tấm trần thành, tôi không còn biết dùng chữ gì cho sát nghĩa nữa đề mà tặng nhau cho nó thỏa đáng. Chẳng lẽ có sách đưa cho nhau mà lại không đề gì vào đấy. Lắm lúc tôi sắp gửi xuống trang sách tặng một cái gì bông bột thoáng có, thì tôi lại đã ngờ tôi sắp lấy hư văn ra mà giả dối với chỗ tri kỷ đây. Đời sống các anh có kỷ luật quá nên các anh không rõ đến cái luân lý quyền biến của những đời sống hỗn loạn. Các anh đã ký sách tặng chủ hàng cầm, chủ tiệm phở và một bác hàng giấy chưa nhỉ? Quái lắm. Có lần tôi đã tặng một bác cai phá nợ một bản in giấy quý. Một hồi, thất thế lùi về đó, tôi đã phải qua lại luôn trên khúc sông ấy, bác ta đã có vài lần dọn cơm cho tôi ăn. Tôi đã biếu sách đề trả một cái nợ miệng. Được cái ở vùng ấy cũng có người biết của, giảng cho bác rằng « cái này mà người làm sách quá cố đi thì bán ra, cũng được tiền lắm đấy », nên những lần sau gặp lại nhau, bác vui vẻ nhiều hơn. Đấy, sự tặng sách. Chưa nói gì đến lời đề tặng của người

khác gửi mình, giờ tôi không tin được những lời tôi đề tặng bất cứ ai. Tôi đang ở vào tình trạng của một tin đồ đã bắt đầu dám phê bình đến cái giáo lý cả quyết của một đạo. Hòa nên nhiều khi tôi không muốn gửi sách cho các anh nữa. Ta lấy cái khác ra mà đãi nhau còn hơn. Một ý ăn, một nết ở. Cứ gì phải tặng sách mới là thân. Vì chót đã có nhiều sách tặng như thế vào những ngày mưa gió mà tôi đều coi chúng là *những đứa con hoang*. Nhảm quá, các anh ạ. Cả đến những sản phẩm của tôi từ trước đến giờ, tôi cũng cho là *những đứa con hoang*. Tôi đã viết sách trong những trường hợp của thẳng thức, của miễn cưỡng, Không thể hay được. Nếu tôi có định làm sách thì ở đây tôi phải nói đến một cái gì nó bay bổng được kia. Đằng này — đấy các anh xem — từ lúc mới nhập nhĩ nhợ nhợn với các anh cho đến giờ, tôi chỉ tường thuật rất những cái khổ hận của thẳng người nó chỉ kéo rút người ta xuống một cái mặt đất thôi. Thấp nặng lắm. Đã có bao giờ tôi làm nổi một bài thơ thoát trần ! Đã có bao giờ tôi được viết đề ca ngợi những cái gì mà người khác đều gọi là vô ích. Ca ngợi một thân cây to già nhưng hoàn toàn không ứng dụng được vào kỹ nghệ làm đồ gỗ bây giờ, bởi vì cái người thợ sẽ cưa nồi cây cứng ấy vẫn chưa chịu nhập thế. Trên tờ giấy đã có lúc nào tôi được cùng vui với một đám mây luôn luôn thay chỗ và biến hình đổi thế ; hoặc là, trên giòng nước, được cùng ngậm ngùi với đời tình ái của một cái bèo. Trong cái đời soạn sách, người bạn cùng nghề rất đáng tội nghiệp của các anh thực chưa nói được một điều gì cả. Đề tạ lòng những bậc « hải nội chư quân tử » có lẽ tôi đến phải viết một tờ tuyên ngôn đề *chính thức* (1) không nhận những cuốn

(1) Đến chỗ này, Mệnh gần giọng xuống.

sách đã in ra. Phép nhà tôi nghiêm lắm. Một cái luân lý văn nghệ rất chặt chẽ đã buộc tôi đến ngày phải từ những đứa con tinh thần ẻo lả, thiếu cả tiền lẫn hậu thiên và lại còn vị kỷ nữa. Rồi chúng nó sẽ sống cái đời của những đứa con hoang, một sớm, một chiều trên tay người độc giả có lòng. Và cuối cùng, bồ nan người đàn bà mua giấy cân sẽ là một cái phúc đường của những trẻ vương tật nguyên ấy.

Mệnh thành thực tin rằng từ trước đến nay, anh vẫn là người chưa có tài. Trời, tôi muốn chung quanh tôi người ta thấy đều bất tài như cái người bất đắc chí ấy. Thì sẽ cởi được oan cho lũ giấy mực cảm biết bao! Thì tiếng mẹ đẻ có phận nhờ.

Mệnh, chỉ là một người khiêm tốn, Thì ra cũng như đấng hiền giả, bậc nghệ sĩ chân chính chẳng mấy khi chịu hiểu rằng đã có nhiều lúc mình được hài lòng. Thật cũng là một việc trả thù đáng kiếp của một Đấng Sáng Tạo ghét ghen sự ganh gờ mà người tài tử chẳng bao giờ được toại nguyện trong đời sống.

Lũy đã an ủi Mệnh rằng đời sống nghệ sĩ là một sự hy sinh cái đời thẳng người của riêng mình đi, và chúng ta (1) chỉ sống để ghi chép những cái đẹp dờ mờ được cùng là những cái đẹp không nhìn thấy được bằng mắt. Rồi thì chúng ta về.

Gần Lũy và Mệnh rất nhiều, tôi hiểu rõ hai người bạn tôi là những tài liệu bằng xương bằng máu đáng quý, rất có thể đưa vào cái loại tiểu thuyết giải phẫu. Lắm lần tôi muốn mượn ít nhiều đời sống hai người bạn để dùng làm tình cách cho vài nhân vật một tiểu thuyết nào. Tôi thấy ngại ngại, sợ người chung quanh nhận ra Lũy và Mệnh trong truyện in ra và buộc tội mình là người đi buôn bạn, coi những tình cảm thiêng liêng thầm kín của nhau cũng như là một

(1) Lũy ấn mạnh giọng xuống hai tiếng này.

thứ hàng rất hời giá trong cái thế giới đời chác.

Nhưng không, không phải hẳn thế. Nếu đến giờ tôi chưa dẫn được hai người bạn này đi vào cõi văn xuôi của tôi là chỉ vì lòng tôi còn bình dị, còn hẹp lắm mà đời Lũy và Mệnh thì cao rộng quá và nhiều ần quá. Mặc dầu tôi vẫn là người bạn thân của Lũy và Mệnh — thân trong đời viết và cả đời sống —, về những khúc nói trong cuộc sống tình cảm họ, tôi thấy tôi còn lờ mờ lắm. Về hiểm kịch đời Lũy và Mệnh, chẳng qua tôi cũng chỉ biết mới có thế. Chẳng lẽ tả Lũy và Mệnh trong một lúc thêm thường và hấp tấp, thấy văn tắc, ngòi bút cứng hẳn ra, không chịu sức sai khiến thiếu chắc chắn của lòng mình, mà tôi lại hạ xuống một câu rất gọn: « Lòng họ khó diễn lắm. Đời họ phiền phức lắm. Không thể hiểu được. » Ấy, phải đã động đến cái tâm lý giàu có và bừa bãi của một vài vai truyện, nhiều người lười và dốt đã viết những câu liều, ngốc và bất lực như thế để chấm dấu hết cho một động tác đột ngột của người trong truyện. Khi mà Nghệ Thuật đã là một hiện trạng trong đời sống của đời sống, thì không có cái gì mà Nghệ Thuật lại không thể không làm được cả. (Tôi vừa phỏng theo một ý của bậc tiền bối, tôi quên tên). Và đến bây giờ chưa dùng nổi cuộc đời tình cảm của hai người bạn thân, là cũng chỉ vì tôi có chút tự ái của bút tôi, chứ không phải vì cái lẽ tâm thường sợ có người rêu rao là mình buôn bạn. Cứ nói nhằm cho nó quen mồm. Làm gì ra được một chuyện buôn. Tôi không buôn người thân — cả người sơ nữa — tôi không buôn tí nào khi tôi đã hiểu rằng viết là để đi tìm nhân loại, tìm ở trong tôi (tôi là một phần tử của nhân loại) và tìm ở trong các người. Tìm nhau để cho được hiểu nhau trong đời sống đầy mâu thuẫn oan khiên và

tủi khuất này. Chúng ta thấy đều là những cái Muôn-Vàn gồm trong cái Chỉ-Có-Một. Tôi có muốn là gì đi nữa và các người có muốn ở vào cái thứ bậc nào đi nữa, thì chúng ta cũng chỉ là có thể. Đứng trước cái bao la của đời sống, đứng trước cái dang dặc của Thời Gian bánh xe chỉ lạng lẽ lăn có một chiều, đứng trước cái mênh mông tồn tại của Nghệ Thuật, cái màu tâm sự riêng của mỗi người, hỏi đã có nghĩa lý gì. Góp nó vào còn về thay nữa là. Sao lại cứ khur khur giữ lấy làm của riêng. Đi đâu cho thoát được đời sống, Ai đã nói cuộc đời là một chốn mà chúng ta phải ở? Vậy thì nên ở cho sáng suốt rõ về mình như thấu rõ đến quanh mình. Việc gì mà cứ bắt người ta tả mình sùng sính trong một tấm áo gấm khi người ta chỉ nhìn thấy mình suốt đời mặc một manh áo vải cũn cốn. Mà áo vải thì đã sao. Những giá trị vật chất ấy một lần vào lọt của Nghệ Thuật rồi thì nó sẽ hóa đi. Sự trần truồng, hoặc đắp điểm, ở trên thân hình chúng ta, không có chân giá đối với Nghệ Thuật. Cái miếng mụn rách phủ trên thân người ăn mày ở vào một bức họa có nhiều khi đẹp hơn màu áo hàng tơ lạnh của cô gái mới. Trước Nghệ Thuật, chúng ta đã được ngang nhau vì cái phần xót thương mỗi đứa chúng ta đã đóng góp ít nhiều cho cuộc sống.

Hỏi nhau rằng đã nhận ra chưa?

... Và lúc này, tôi mới hiểu tại sao Mệnh đã hết vui trong cái việc tặng sách cho chung quanh.

... Và từ nãy tới giờ, tôi quên hẳn rằng đây là một cái nhà hát. Giá chị Chín — tên chủ nhân — không vội trở lên thì tôi vẫn cứ tưởng đây là một tòa soạn tuần báo nào, là một cái buồng làm việc để cho mình rút đến cái ruột con tằm, để cho mình thò tận — mới có một ít thôi — can tràng. Năm hết,

đi chơi cho được thanh thoi và quên những bồn phận lặt vặt tét sắp gây nên, mà tôi lại thành ra đấu khẩu với một cái công chúng do tôi hình dung ra. Nhưng mà, nói chuyện với người ngu và nhiều tự ái nhảm nhí — mặc dầu họ chỉ là người, chỉ là những hình bóng của một cơn mộng —, thế mà lại còn mệt hơn là lúc phải ký sách để tặng những người tri kỷ gượng ép. Tôi vừa mệt vừa đói. Tôi lả đi. Rồi tôi thiếp đi.

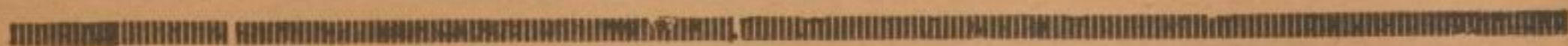
— Tỉnh dậy lạnh, khai trống đi kia.

Mệnh đã dựng tôi dậy bằng một câu nói móc. Tôi nghe thấy tiếng sòng đàn. Tôi nhận lời chào của người kếp đứng tuổi. Chị Chín vút cái bã trầu. Rồi loạc choạc mấy tiếng trống đầu. Tôi vẫn chưa tin rằng tôi đang giải trí với anh em. Nghỉ tay phách, chị Chín phê bình ngay về tôi: «—Trống Nguyễn vẫn không bao giờ hết được những tiếng dẫn dỗi. Ông Mệnh nghe đi. Này, ông Lũy. Phải, lâu lắm mới mới lại đóng phách với ông Lũy. »

Lũy đánh. Tiếng trống thông thả. Nhiều tiếng roi dờ hơi hát hơn là chấm câu hết. Tôi vẫn bảo rằng Lũy là một người quảng đại mà.

Đến Mệnh. Tiếng trống sát phạt quá. Tuy nhiên nhiều tiếng gắt lại có cái hay đột ngột của hốt hoảng, của một lối sống đã nhiều kinh động.

Lại nghỉ phách. Lũy đã rất tự nhiên đưa chị Chín một cuốn « *Gió Ngàn Thiêng* », Cũng bản giấy tốt. Chúng tôi đều chụm đầu trên trang đề tặng: « *Gửi chị Chín một câu này: là từ nghìn cổ đến giờ, danh sĩ với danh kỹ vẫn là cùng một văn trong những áng thơ cao vút như lời hát và dài thẳm như đời những con chữ in* ». Lũy cong ngón tay, bôi tỳ muội đèn dầu lạc vào mặt chiếc nhãn hằn lên một câu tiêu ngữ khắc lối triện, ấn xuống dưới câu văn kênh kiệu.



Faint horizontal line of text at the top of the page.



Faint horizontal line of text at the bottom of the page.

Chị Chín trang trọng đón lấy sách :

— Bao giờ chị em chúng tôi lại có những vật quý như thế này để tạ lại ông Lũy !

— Chúng tôi nợ chị nhiều chứ. Bao giờ mấy đứa tôi lại đánh được đàn đáy để tạ lại chủ nhân !

Hai con người kiêu cách ấy sánh vai nhau mà cười như một đôi nhân tình thân. Mệnh chen vào :

— Cái sức yêu đời sống của Lũy bỏ xa Nguyễn và tôi nhiều. Nay anh Lũy, anh có tin rằng tôi còn có thể để tặng một câu nồng nàn cho ai về sau này không ?

Chị Chín tưởng Mệnh có ý nói mát mình là không đáng chơi văn, có ý tủi. Nhưng rồi lại tươi vui được ngay, vì Lũy đã đứng lên và chậm rãi, ngậm ngùi giảng cho Chín hiểu qua loa rằng Mệnh là một con bệnh đáng kính yêu, là một người ốm của đời sống đáng được kiêng nể nhiều hơn là oán trách. Hết một canh nữa. Người ta càng thêm thân yêu nhau.

— Anh Lũy năm nay phải ăn tết ở Hà Nội chứ ! Nhà vẫn có cái gác xép đấy. Anh không sợ thiếu tỉnh mịch nữa.

— Cám ơn Chín. Anh ở thế nào được. Mai, ở đây anh ra thẳng ga, sau khi tạt qua về buồng trọ lấy mấy bó sách và cái áo ngự hàn.

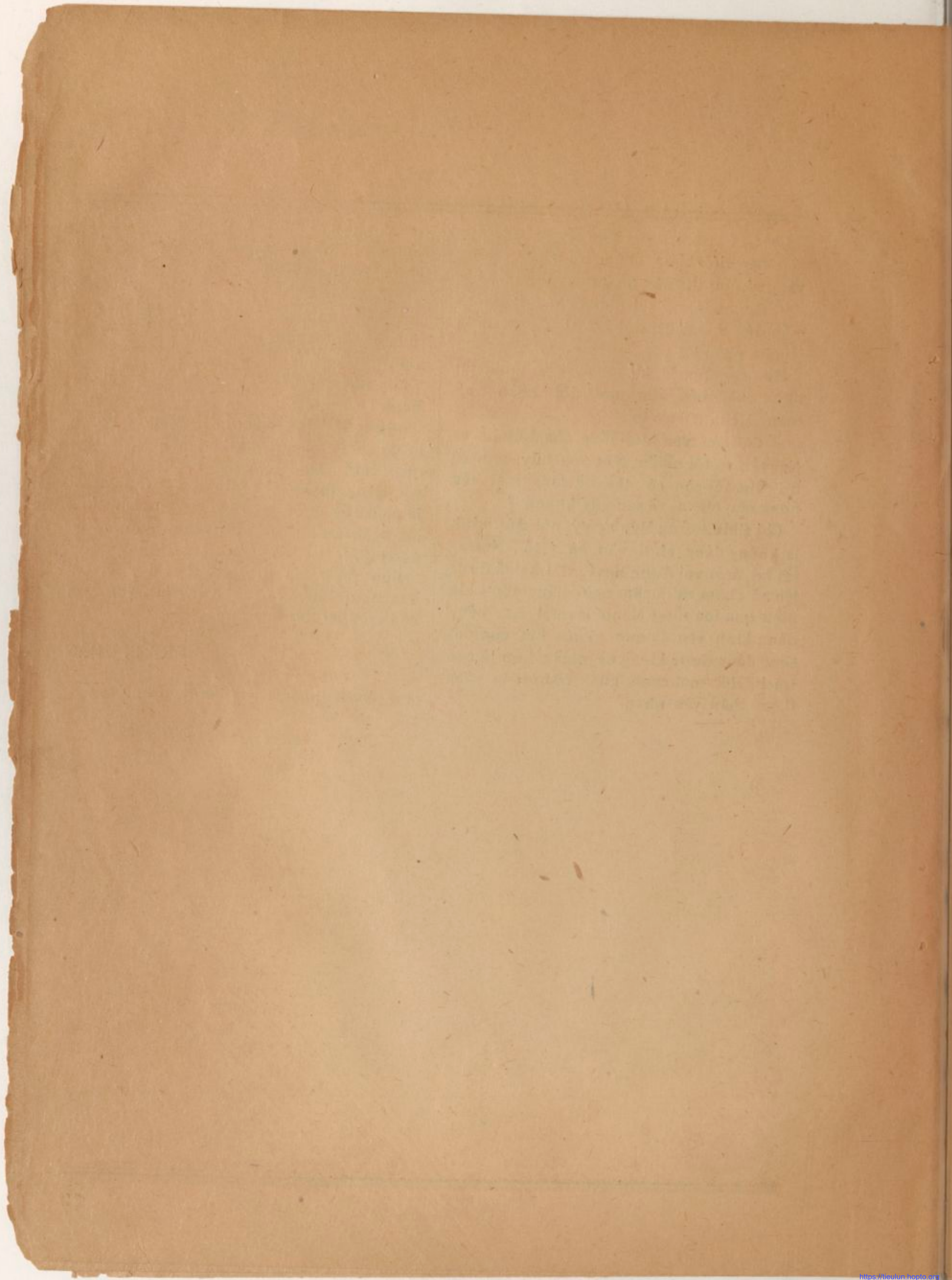
Lũy sóc lại cà - vát, quay sang tôi và Mệnh :

— Lũy không thể chơi đào Nguyễn Đán ở lộ độc bình nữa rồi. Hai năm nay, tôi đã quen chơi đào cả gốc kia. Hằng mấy trăm gốc trên cao nguyên. Rừng xa vẫn là cái lẽ phải của đời Lũy. Hay là các anh cùng lên ngàn ăn tết với tôi ? Cả Chín nữa. Cho nó lạ đi.

Bữa rượu lạc thành sách Lũy, tôi bắt đầu nhận thấy lẫn vào cái mùi đậm đậm của một bài thơ lưu giản.

NGUYỄN TUÂN

Am sông Tô, ngày hết một năm Ngọ



CON SO VỀ NHÀ MẸ

của THANH TỊNH

Kinh lặng hương hồn anh Thạch Lam

Tác giả tập « QUÊ MẸ » mà Thạch-Lam gọi là « người mục đồng ngồi dưới bóng tre thổi sáo để ca hát những đám mây và làn gió lướt bay trên cánh đồng », bây giờ lại cho ta nghe khúc ca thân mật đó một lần nữa. Điều ca bình tịch và man mác, không làm cho ta tê tái, nhưng xui ta rung động một cách dịu nhẹ. Thanh-Tĩnh không lôi kéo, không mời mọc, ông chỉ khe khẽ nhắc ta tưởng nhớ rồi yếu mến sự mộc mạc, giản dị ở thôn quê mà ông đã yêu một cách chân thành.

Phong cảnh, nhân vật cũng như tính tình của lòng người, dưới ngòi bút Thanh-Tĩnh đều nhuộm một sắc êm dịu như màu đồng quê bát ngát dưới sương sớm, và bao giờ cũng giữ một sự hòa đối có ý tứ rất đáng yêu.

TRỜI đã về chiều. Gió thổi trên đồng lúa chín rạt rào nhẹ và khô. Bên kia đồng, tiếng hồ đập nước còn văng vẳng ran lên bóng chiều tàn sắp tắt. Tiếng họ rời rạc và buồn buồn nghe như đàn ve xam thả giọng ngân rền cuối hạ.

Cô Hoa đội một bó lúa nặng trên đầu đã từ từ tiến về làng Mỹ-lý. Cô đi một lúa về. Cô đều đều đếm từng bước một. Thỉnh thoảng cô phải đứng lại đặt bó lúa xuống đất để thở. Rồi cô hấp tấp lên đường, bước mau hơn lên. Đường về nhà cô còn xa lắm, mà cô có mang đã gần ngày sinh, đi nhanh quá không được.

Vật vả như thế mỗi ngày chỉ đủ ăn. Trước cô còn quanh quẩn đi mấy khoảng đồng ở làng. Ở làng họ gặt hái xong, cô lại phải đi xa hơn.

Cô quê ở làng Hiền-lương, nhà nghèo và chị em đông. Chồng cô cũng nghèo nên cô an phận làm ăn không dám than trách gì. Ngày thường, cô gánh rau ra chợ Mỹ-lý bán, đến

chiều tối mới về.

Chồng cô trước có làm xấu, nên người ta thường gọi cô là chị Xấu. Cô nghe thấy cũng hài lòng. Vì người cùng quê vốn sợ và muốn tránh cái tên dân suông.

Quá tháng tư sau, cô Hoa có mang vừa đúng bảy tháng. Cô ta không dám lội xuống ao hồ cắt rau nữa. Nhưng ở nhà cô ta lại thấy vô vị. Vì cơm ăn bữa thiếu bữa no, cô nhin thì được chứ thấy đàn con nhin, lòng cô không nở.

Vì thế tuy mệt nhọc, cô ta cũng chịu khó qua mấy làng lân cận một lúa cho dễ.

Ở vùng quê đã có mùa gặt, thì cùng lúc ấy có mùa mót. Vừa con nhà giàu đầy lúa, thì nỗi con nhà nghèo nhờ đó cũng được đầy cơm.

Ái mạnh chân khỏe tay thì đi làm giúp. Ái yếu ớt thì đi mót lúa. Phần sau này thường dành riêng cho đàn bà con trẻ hay ông già bà lão nghèo đói.

Lúc đang gặt, bọn đi mót phải đứng chờ trên đường giường. Họ gặt xong và bó lại xong xuôi cho con kẻ nghèo xuống mót.

Kể ra bọn nông phu cũng biết thương con kẻ khó. Và cách gặt của họ cũng biết điều chứ không phải vơ vét hết sạch đâu. Họ còn phải để lại ít nhiều cho người nghèo nữa.

Rồi đồng ruộng nào có người mót đông, người ta cho điền chủ ấy là nhân từ. Và đến mùa sau sẽ gặp nhiều điều may mắn.

Họ còn tin nơi con nhà nghèo đến mót đồng là nơi ấy vua Thần-Nông sẽ giắt trâu thần ngự đến. Và mùa sau chắc chắn ở đó được mùa.

Cũng nhờ đức tin ấy mà các điền chủ đua nhau mở lòng, mở ruộng đón người nghèo khó khắp nơi.

Một câu ca dao ở miền Trung đã tả được tấm lòng của người đi mót :

*Tôi đứng trên đường giường
Tôi trơ mắt ếch*

Tôi đây sợ sệt

Sợ họ gặt hết lúa đồng đi!

Tôi đến đây một lượng từ bi!

Một điều nhân đức, chứ một chili lúa ngai.

Cô Hoa vì thai nghén — « Nhất có râu, nhì bầu bụng » — nên được người trong bọn có ý nhường nể.

Nhờ thế mà bó lúa của cô lần nào cũng to và đầy. Vả trên ruộng lạ, người ta ít dành dặt với cô. Người trong làng đãi cô như khách. Họ tưởng không nên để người làng khác trách người làng họ chật hẹp hay rắn lòng. Tuy là bọn khổ rách áo ôm, họ vẫn đề điều nhân nghĩa lên trên tất cả.

Cô Hoa rẽ qua xóm Lá thì gặp ngay chị Bình đi bán rau ở chợ về. Cô đón dãi chào :

— Chị Bình bán buôn ra sao ? Tết nhất có phát tài không ?

Chị Bình mỉm cười :

— Phát tài thật ! Từ tết đến nay lỗ ngót hai đồng rồi đấy. Đó là chưa kể vừa rồi thằng Kết đi lính ở Lào gửi về cho ba đồng tiêu tết. Cũng bỏ vào chuyến buôn bán rồi tiêu tan đi đâu mất.

Cô Hoa nhìn cái áo vải dù mới của chị Bình rồi đùa :

— Đi đâu ? Đi vào trong cái áo mới của chị chứ gì ?

Chị Bình che miệng cười sung sướng rồi nói lảng qua chuyện khác :

— À này, tháng nào năm nơi rồi đó ?

— Tháng năm.

— Thế là một trai hai gái rồi phải không ?

Cô Hoa buồn rầu đáp :

— Có một trai thứ nhì nhưng mất đi.

Thấy cô bạn có dáng buồn, chị Bình an ủi :

— Thôi chuyến này nhờ trời cho thêm một trai bù vào, chuyện gì mà buồn ! Đã là chuyện sanh đẻ tránh thế nào được chuyện « lót ồ ». Người ta « lót ồ » đôi ba đứa mới nuôi được con thì sao ?

Chị Bình nói thế để dỗ cô bạn chứ không biết người ta là ai, và « lót ồ » ba bốn đứa như thế có nhiều không. Vì chị ta chỉ đẻ một đứa con rồi thôi không sinh đẻ nữa.

Đi gần đến am thần Đá, lúc sắp rẽ vào xóm

nhà, cô Bình tự nhiên nói lớn :

— À thím Xâu tôi còn nợ của thím hai hào phải không ?

— Hai hào rưỡi chứ.

— Vâng, tính tiền còn chịu năm bó rau nữa là vừa đúng hai hào rưỡi. Nhưng cho tôi hẹn cuối tháng nhé.

Cô Hoa đứng dừng lại :

— Làm việc làm công gì mà hẹn cuối tháng, đầu tháng. Có sẵn thì chị cho tôi để đóng gạo cho mấy cháu. Tôi mấy lúc này không buôn bán được, nên túng lắm.

Chị Bình biết gặp cô Hoa thế nào cô cũng nhắc đến món nợ, nên tưởng nói trước thì hơn. Nhưng thấy cô Hoa đòi nhẹ giọng nên định tìm cách khất :

Hay tính thế này cho xong chuyện. Tôi trả cho thím một hào, còn hào rưỡi thím cho đến lúc mùa sen sẽ trả.

Cô Hoa biết cậy cũng không ra, nên bằng lòng đưa tay ra nhận tiền.

— Vâng cũng được, Nhưng chị nhớ khi nào có tiền sớm thì cho trước nhé. À ! Chị có cau tươi đó cho xin một miếng.

Chị Bình vừa mở túi khăn lấy gói cau vừa nói :

— Cau độ này đắt như vàng. Một trái hơn hai xu.

Cô Hoa không nói gì, nhận cau xong thì lững thững đi về phía đình làng rồi tạt qua cầu tre.

Trời lúc ấy đã nhá nhem tối. Hai bên xóm người ta đã lên đèn từ lâu.

Cô Hoa vừa đi vừa tính chuyện giấu hào bạc không cho chồng biết. Cô định dành dụm ít nhiều để lúc sinh đẻ thì đem ra tiêu dần.

Vừa đi vừa nghĩ loay hoay, đến trước cổng nhà lúc nào không biết.

Đêm hôm ấy trăng sáng vắng vặc. Ngoài đường xóm những hôm tối trời hay những đêm mưa gó và lúc tiếng mõ điểm canh hai, thì không thấy một bóng người qua lại. Thế mà những đêm trăng sáng, người ta lại tấp nập đưa nhau đi chơi và nói chuyện vang cả đường. Mấy con chó trong xóm cứ đưa mõm ra đường sủa không ngớt.

Thấy ngủ trong nhà nhiều muỗi và nóng, hai vợ chồng cô Hoa liền hi hục rình chiếc giường ra đặt giữa sân.

Phía trước cổng, cách hàng rào tre thưa lá là cánh đồng mông mênh chạy dài đến chân trời xa thẳm. Phía ấy trăng tuôn xuống thành thoi và tràn ngập cả con sông đào đang uốn mình vươn qua đồng lúa ruộng.

Anh Lãm — chồng cô Hoa — thấy người qua lại ngoài đường còn đông nên chỉ ngồi ghé bên giường chứ chưa chịu nằm. Anh sợ người ngoài đường trông thấy được thì ngượng. Một lát sau, anh nghiêng mình về phía cô Hoa nói sẽ :

— Tôi ra sông tắm một chút đã mình nghe.

Cô Hoa lồm cồm ngồi dậy một cách mệt nhọc. Cô cũng chưa ngủ được. Tối nay cô định nói với chồng về nơi « nằm bếp », nhưng thấy chồng cô về nhọc nên cô do dự. Nhân thấy chồng muốn mở chuyện nên cô thừa dịp bàn đến chuyện nhà. Sau khi đã ngồi yên, cô ta liền nói :

— Ra tắm sông làm gì cho đĩa cản. Bên trái sân còn lũ nước đầy, mình ra đó tắm cũng được.

Anh Lãm tưởng đi một lát cho ngoài đường người sẽ ngủ, chứ cũng không cần thiết đến việc tắm cho lắm.

Đêm càng khuya, trăng càng sáng, từ phía sau vườn đưa ra mùi hoa bưởi thơm ngào ngạt.

Không biết nghĩ gì, anh Lãm quay lại hỏi vợ :

— Thằng Hà đẻ tháng mấy nhỉ ?

— Mười hai tháng năm. Nhưng mình hỏi làm gì ?

Anh Lãm sau khi rình đánh được con muỗi cắn trên chân, chậm rãi nói :

— Ban trưa gặp ông Bộ bảo phải khai sinh cho nó gấp, chẳng không nhà nước phạt nặng lắm.

— Chuyện ấy đã đành.

Rồi đột-ngột cô ta bắt qua chuyện khác :

— À mình, năm nay tôi nằm bếp ở đâu mình nhỉ ?

Anh Lãm quay lại nhìn bụng vợ rồi với giọng lo lắng :

— Còn mấy tháng nữa ?

— Chừng non hai tháng,

Ngẫm nghĩ một lát, anh ta nói :

— Mình cố gắng được đến tháng sáu không ?

Cô Hoa phì cười :

— Đứng ngày đứng tháng thì con ra. Gắng thế nào được. Và gắng để làm gì ?

— Nếu mình đẻ tháng sáu thì tôi sẽ có tiền. Và mình sẽ được ấm no luôn.

— Ấm thì chuyện đã đành phận rồi. Vì tháng năm trời nắng như thiêu như đốt, làm gì mà không ấm. Nhưng hỏi mình có đủ tiền nuôi đàn con thay tôi không ? Và cuối tháng sau tiền đâu mà mình có được.

Anh Lãm rung đùi ra vẻ đắc ý :

— Phải cuối tháng sáu tây kia. Vì hôm trước ông lý có bảo góp — cứ năm người một đồng — để đánh số Đông-Pháp. Và cuối tháng sau họ xổ-số. Biết đâu tôi lại không chia được một phần gia tài trời cho. Và năm nay đi coi năm thầy bầy bà họ đều bảo tôi sẽ phát tài lớn.

Cô Hoa mỉm cười hoài nghi, nhưng lòng cô cũng muốn nhóm ít nhiều hy vọng. Và thấy chồng nói chuyện may rủi với giọng say-sưa, cô cũng không muốn đến gieo sự buồn nản.

Anh Lãm thấy vợ có vẻ tư lượng nên nói tiếp :

— Nếu mình đẻ sớm thì mình qua nhờ mẹ một phen nữa. Tôi trúng số được sẽ mua thuyền qua tận làng đưa mẹ con mình về.

Cô Hoa thở dài yên lặng. Cô biết mẹ cô nghèo, làm lưng luôn tay và không đủ nuôi đàn em đại. Và theo tục lệ thì chỉ đẻ con so là về nhà mẹ thôi. Chứ cô sinh đẻ đã mấy lần cô cũng qua nhờ mẹ cả. Nói nhờ là nhờ công thôi, chứ tiền bạc về cơm nước cô phải tự liệu lấy.

Cô đang ở giữa một cảnh rất thương tình nhưng khó xử,

Trước mặt chồng cô không dám tỏ thật nỗi cơ hàn của mẹ cô. Cô sợ nhà bên chồng khinh. Và trước mẹ cô, cô lại càng tránh nói đến cảnh túng bấn của chồng cô. Cô sợ mẹ cô buồn. Người ta đang hoàng nói đến cảnh nghèo cho nhau nghe chỉ lúc một trong hai bên được giàu sang, sung-túc. Chứ hai đảng đều nghèo, thì kể cái nghèo ra không tiện và thêm

túi.

Và lúc nào qua nhà mẹ đẻ sinh đẻ, cô cũng vịn lấy cớ, chồng cô khờ khạo, nên phải qua nhờ mẹ trông nom. Và trước chồng, cô lại tỏ mẹ cô hiền đức lắm, lúc nào cũng muốn con gái qua đẻ ở quê nhà để mẹ được sung sướng trông nom con cháu.

Kỳ thật mẹ cô cũng như chồng cô đều biết cái nghèo lẫn nhau, nhưng cô Hoa vẫn muốn giàu, và tưởng chừng đã giàu thêm: Và một lần qua bên quê mẹ đẻ chẳng may cô đã xây mồ, luôn cho con ở bên ấy, thế mà chồng cô cũng không biết. Và biết thế nào được. Đường xa cách sông trở đò, và người buôn bán qua lại thì hiếm. Lúc về nhà báo tin cho chồng biết, anh Lãm chỉ thở dài buồn một chút, rồi hai vợ chồng lại cắm cúi làm ăn như cũ.

Nghe có tiếng nói giữa sân nhà, cô Lài con gái út ông trùm Lân, đứng dừng lại cười nói lớn:

— Hai vợ chồng anh Xâu to nhỏ nói chuyện gì đấy?

Cô Hoa ngược mặt cười nói với:

— Nói chuyện trai gái, cô Lài ạ.

Cô Lài then đỏ mặt cúi đầu đi thẳng.

Trời mới sáng tinh sương cô Hoa đã gói gắm ít nhiều quần áo rách đem về quê mẹ. Anh Lãm ra vườn cắt hai trái bí ngô, và đào mấy vồn khoai, sắp sập đầy trong hai cái rổ lớn. Đoạn hai vợ chồng vội vã đi về phía bến đò làng Thuận.

Con Thịn dậy sớm đòi đi theo mẹ đến bến đò, nhưng anh Lãm không cho, bảo ở lại ngó nhà và đợi hai em dậy. Nó mếu máo đứng nhìn cô Hoa như đề nhờ mẹ xin giúp. Cô Hoa đến thoa đầu nó, rồi dúi vào tay nó một xu, nên nó hí hửng không đòi đi nữa.

Cô Hoa chỉ xách một trách cá mấm và một gói áo quần thông thả đi trước. Còn anh Lãm

gánh khoai sắn và bí ngô đi sau.

Đến bến đò trời vừa sáng hẳn. Mặt trời lên đã khá cao. Trên mặt sông Viêm đã in từng vầng nắng nhẹ lấp loáng đều theo nhịp gió đưa.

Chị em buôn bán ở làng Hiền - Lương thấy vợ chồng cô Hoa đi đến thì vội vã người chuyên cái này, kẻ chuyên thức khác xuống thuyền. Rồi họ tiu tit vây cô Hoa để nói chuyện không ngớt. Riêng anh Lãm không ai hỏi cả. Anh thừa dịp dọn lại khoai sắn cho gọn trong mui thuyền.

Đoạn anh đến trước mũi thuyền. Đoạn anh đến trước mũi thuyền ra sức đẩy. Lệ thường thì người đi đò phải thân hành ra đẩy lấy. Nhưng lần này anh muốn giúp một tay nên không gọi ai cả.

Xong rồi anh lên đứng trên đường cao nhìn xuống thuyền đang từ từ quay mũi. Lúc chiu thuyền đã theo được giòng sông, họ liền đưa thẳng mái chèo đẩy mạnh.

Cô Hòa nhìn lên chồng có vẻ quyến luyến nhưng không nói gì.

Anh Lãm đi theo thuyền độ vài chục bước rồi đứng dừng lại. Anh thờ thẩn nhìn con thuyền trôi xuôi giòng nước.

Như sự nhớ việc gì, lúc thuyền đi qua bên bến Chùa, anh liền hấp tấp chạy theo nói lớn:

— Minh ơi!

Cô Hoa đưa đầu ra khỏi mũi nhìn chồng ra ý hỏi. Anh Lãm vừa thở vừa nói:

— Lúc cúng khấn thắp cho con, mình nhớ tôi là họ Đỗ, chứ không phải họ Ngô như mình lầm độ nọ đâu nhé.

Cô Hoa gạt đầu mỉm cười:

Đến đây con thuyền từ từ rẽ về giòng sông con làng Thuận-Xá. Bỗng anh Lãm đã bị bụi tre là ngã bên cầu che khuất.

Cô Hoa phản nhớ chồng, phản thương con liền đưa vạt áo tà lên chấm nước mắt.

THANH-TỊNH

NGƯỜI ANH XẤU SỔ

HỒ DZẺNH

Ông Hồ Dzếnh là một nhà văn quay về quá khứ với những kỷ niệm cũ, những nỗi thương cảm thuở nhỏ đã xa. Cái quá khứ chưa sót kia lần này lại nổi dậy : hình ảnh một người anh bị bạc đãi và cô đơn lại rõ rệt trong trí ông ; và qua cả cuộc đời đau khổ ấy, lòng trắc ẩn âm thầm của một người em, lần này được nhắc lại với một giọng mến tiếc riêng ta đã thấy ở tập « Chân trời cũ ».

TRONG ba anh em chúng tôi, mẹ tôi thương anh Hai tôi nhất. Mẹ tôi thương anh vì anh khỏe, vì anh, vẫn theo lời mẹ tôi, đã từng biết qua trong thuở đầu xanh những ngày đào củ chuối, nấu cháo cám ăn trừ cơm.

Nhưng lòng người đàn bà Phương-Đông ấy càng nghiêng xuống người còn thứ bao nhiêu, thì lại càng xa người con cả bấy nhiêu. Mẹ tôi ví chúng tôi như cây mía có ba đốt đều nhau — vì mỗi người cách nhau đúng bảy tuổi — ba đốt, mà một đã xâu, còn hai thì « chưa biết ».

Có lần, tôi hỏi mẹ tôi :

— Này mẹ, tại sao anh cả con lại là đốt mía cuối có nhiều râu ria hờ me ? Sao anh Hai lại được là đốt giữa ?

Mẹ tôi gắt :

— Rồi mày liệu, không lại xâu nốt, con ạ.

Mà kể ra anh Hai tôi cũng xứng đáng là đốt mía giữa thật. Anh có vẻ dịu dàng và phong nhã. Miệng anh cười rất xinh, làm núng hai đồng tiền ở má. Anh Hai tôi ít nói, mà đã nói thì hết sức chắc chắn. Mẹ tôi yêu anh và gửi gắm vào anh những ngày già sắp rụng. Anh tôi chải tóc bắt ra hai phía tai, làm nổi rõ lên cái đường ngôi

thẳng tắp. Tôi còn nhớ mãi câu nói của anh :

— Bé xem cái đường ngôi này có thẳng hơn đường xe lửa từ Hà-nội sang Paris không nào ?

Tôi hỏi anh :

— Sao tóc của bé lại cứ sừng sững lên thế này hả anh ?

— Tại bé cắt tóc « ca-dê » thì còn nói gì nữa !

Bắt đầu từ hôm ấy, tôi nhất định nuôi tóc, nhưng mẹ tôi, mỗi lần thấy hàng thợ húi rong đi qua, lại nhìn cái đầu tôi mà bảo :

— Bé định búi tóc hay sao mà chưa tiện bót nó đi ?

Nhìn cái « tăng đơ » tàn nhẫn cày tung mảng tóc âu yếm của tôi lên, tôi trợn mắt bảo người thợ :

— Sao anh không cắt mẹ nó... cái đầu của tôi đi luôn thề ?

— Bà dạy thế. Vả lại cắt ngắn tóc cho mát, cậu ạ.

Tôi không nén nổi tiếng khóc vì bức tức :

— Hu hu... nhưng tôi muốn... bức kia mà !

Cuối năm ấy, ba anh em chúng tôi được chụp ảnh chung với nhau để gửi về Tàu.

Bức ảnh ấy, tôi vẫn còn giữ được, tuy thời gian đã làm phai nước đi. Cách một ngày trước hôm chụp ảnh, anh Hai tôi đã lo lắng về quần áo. Anh Cả tôi lớn người nên tỏ vẻ lãnh đạm. Tôi thì chỉ suốt ngày ngắm anh Hai tôi.

Rồi sớm hôm sau, chẳng chặc quá, anh Hai tôi diện một bộ quần áo tàu sọc, tóc chải dẹt xuống, hai mắt tươi cười, tay cầm một cái « mùi-xoa ».

Đến anh Cả tôi mới thất khiếp ! Anh mặc bộ quần áo tây của ba tôi hoạn lại, vai cứ dốc xuống, trong khi đôi ống quần bó lấy bắp chân như xà-cạp.

Tôi đã lục hết rương hòm, rồi đề nghị mặc một cái áo đen rộng tay, và cái quần ngắn côn, vì xưa nay, mẹ tôi có may cho tôi được bộ nào vừa ý đâu. Cái thì rộng, cái thì hẹp, cái làm tôi đương gầy hóa béo, đương lớn hóa lùn. Nhưng cái nào cũng đẹp hết, theo lời mẹ tôi, vì người cho rằng : « Áo tàu mặc thế nào cũng... chẳng ! »

Ba chúng tôi ra ngoài sân với một cái ghế. Anh cả tôi ngồi giữa, tay cầm quyển sách, anh Hai tôi đứng chống nạnh bên cạnh. Tôi nhỏ nên đứng vòng tay cho có vẻ lễ phép, và đôi mắt đó nhìn vào ống ảnh. Mẹ tôi ngắm kỹ ba chúng tôi rồi giận dữ :

— Trông con mắt thằng Cô ! Cứ long lên xòng xọc thế kia, trách nào !

Tôi thấy anh Cả tôi thở dài một cái. Tôi biết trong nhà sắp có chuyện, nên đưa mắt nhìn anh Hai tôi. Lúc người thợ ảnh sửa lại dáng điệu cho chúng tôi, mẹ tôi lè bả trầu ra ngoài miệng, gắt thêm :

— Người thì cừ sừng sững ra ấy !

Anh Cả tôi vùng đứng dậy, bước ra ngoài và bảo :

— Đề cho hai đứa nó chụp !

Mẹ tôi nóng tiết, quẳng luôn cái que củi cầm ở trong tay theo anh, và gắt ầm nhà.

Anh Hai tôi bấm vào dít tôi một cái, dấu hiệu giữ mình mà chúng tôi vẫn báo cho nhau, vào những khi nghiêm trọng. Mẹ tôi bảo người thợ ảnh :

— Ông cứ chụp cho hai cháu cũng được. Thằng con đầu của tôi chết rồi !

Do một sự hờ hênh rất ý nghĩa của người thợ ảnh, bức hình được chụp ra với cái chỗ trống bỏ lại bởi anh tôi. Mắt tôi, khi đặt lên bức ảnh, chợt thấy thiếu một cái gì, và sự này làm tôi bồi hồi, cảm động. Đột nhiên, trong một sự so sánh không đâu, tôi tránh thấy số phận của anh cả tôi mờ tối quá.

Ngày xưa, cũng như ngày nay, người anh đau khổ ấy vẫn bước những bước cô quạnh trong cuộc đời, sống với mình hơn là sống với người khác, nóng nảy, liều lĩnh và ngang tàng.

Cái lối sống lệch ra ngoài nền nếp ấy, không hẳn ở cả anh tôi còn là tự trời nữa. Tôi biết rõ như thế, vì tôi cũng gần... như thế. Sở dĩ tôi xung khắc với anh Cả tôi, vì chúng tôi là hai luồng điện cùng dễ gặp nhau.

Một lần, đương ngồi ăn cơm với nhau, không biết tôi nói hỗn điều gì, anh Cả tôi ném ngay cái bát vào mặt tôi. Cơn nóng nổi lên, tôi quăng giã cái chén, và cứ thế, chúng tôi nhảy vào nhau, đấm nhau, cắn nhau.

Thường thường, sau những phút giận dữ như trên, tôi thấy lương tâm bị giày vò, trong một nỗi ray rứt tương tự như sự thối mắc của kẻ sát nhân. Tôi dịu ngọt làm thân với anh Cả tôi nhưng chỉ được vài ngày, chúng tôi lại xem nhau như thù địch, Có điều mà mãi đến nay tôi vẫn lấy làm lạ, là càng ghét anh bao nhiêu, tôi càng thương anh bấy nhiêu.

Tôi thấy luôn luôn hình ảnh con người ấy quẩn quại trong một mối đau đớn vô hạn, dưới cái ánh sao buồn rầu le lói đã

chứng kiến ngày lọt lòng mẹ tám tối của đời anh.

Anh Cả tôi quen biết, trên giải đất nước Nam thân yêu, một người con gái thủy mị, mà đôi mắt, tôi còn nhớ, tròn như đôi mắt bồ câu. Nhưng tình yêu vốn vẫn là hay vờ vì bất cứ một cái chạm nhẹ nào, anh tôi đã thấy chết mỗi tình đầu âm thầm và vô vọng, rồi về Tàu lấy một người vợ mà trăm phần trăm tôi chắc anh không yêu.

Đây là một đoạn đời gian khổ của anh Cả tôi ở bên Tàu do chính anh thuật lại :

— « ... Ấy thế rồi đến lượt anh. Anh bị trói gô vào một xâu với những người khác, anh bị nghi là giặc cướp. Cây súng, anh còn nhớ rõ, cây súng có cái nòng không quá một thước hai mươi phân, nhưng anh thấy nó xâu như một cái hồ không đáy. Bốn người bên cạnh anh đã ngã gục xuống và đến lượt anh... »

Tôi nhẩy chồm lên, hỏi dồn anh :

— Thế người ta có bắn anh không ?

Anh Hai tôi ngồi gần đó, vênh mặt bảo anh Cả tôi :

— Bé nó hỏi thử dở nhỉ ? Người ta bắn rồi thì làm gì còn được ngồi nói chuyện kia chứ !

Tôi biết mình hớ, nhưng cũng hỏi luôn :

— Sao anh đi học mà người ta cũng bắn ?

Sao nước Tàu chúng mình hay bắn thế ?

Anh Cả tôi đáp cho mau xong đề tiếp nốt chuyện :

— Ủi chào, nước chúng mình nhiều người, có bắn bớt đi một ít cũng chẳng sao ! « ... Rồi đến lượt anh. Nhưng lúc cái súng giơ lên là lúc cái súng... hạ xuống. Một tiếng nói đầu đây nổi dậy : « Tha cho cái tên Hồ-Yane, quan đại thế ! » Anh toát mồ hôi vì thoát nạn, mãi sau mới biết rằng hôm anh bị bắt, ông chúng mình đi chơi và chỉ về lúc thắng cháu gần thùng ngực. Ông giải oan cho

anh với quan huyện, vì trước kia nhà chúng mình thường có thần thế.

Nghe xong chuyện, anh Hai tôi bấm tôi ra chỗ vắng mà bảo :

— Anh Cả anh ấy bị một mẻ sợ, nên bây giờ đâm hoảng, đêm nằm nói mê luôn.

Mà anh Cả tôi hay nói mê thật. Chỉ dầu tôi cứ việc nằm yên lặng bên anh, mà biết được anh đã làm gì, nghĩ gì, hay bày bạ gì trong ngày hôm ấy.

Một lần, mẹ tôi mất năm chục bạc. Đến đêm, anh Cả tôi khai ngay ra :

— Còn khoảng một mẻ nữa là ít. Ngăn ấy đã ăn thua gì !

Đại để là thế, anh tôi ban ngày tính toán gì trong bụng, thì đêm đến, nói hết ra ngoài miệng. Tâm hồn kỳ lạ của con người ấy cứ như căn lều trống, gió thổi qua, không vương một bức vách, và thổi một mạch, thổi vu vu.

Cách đây mấy năm trước — người ta sẽ biết vì sao mẹ tôi ghét bỏ anh — một buổi chiều, đi học về, tôi ngạc nhiên thấy mình đứng trước một quang cảnh vỡ òa, bừa bãi. Mẹ tôi, bên cạnh là người đầy tớ trai, đương sẵn quần ném tất cả những đồ vật vợ được về phía anh, và dồn anh lùi vào góc tường. Anh Cả tôi không kêu, không khóc, nhưng nét mặt xám lại, một nỗi hân học lẫn đau đớn vỡ tràn trong cặp mắt ngẫu dỏ.

Cuối cùng, tôi thấy anh tôi kêu lên một tiếng, ngã xuống : một giòng máu chảy loáng trên vai thấm vào manh áo rách. Trong cảnh hỗn loạn, bỗng nhiên, anh Cả tôi lao về phía trước mặt một thanh mác dựng sẵn đấy, thứ binh khí dùng để trừ kẻ trộm trong hồi cha tôi còn sống. Mũi mác cắm phập vào chiếc tủ đứng, và tôi nghe mẹ tôi la lên,

— Nó giết, nó giết tôi, các ông các bà ạ. Thực ra đó chỉ là cách chống đỡ điên

cuồng của một người bị đau và gần như loạn óc. Sau tiếng kêu của mẹ tôi, tôi nóng mặt, hoa trí, sẵn hòn gạch vớ được, ném vào đầu anh. Anh tôi ngã gục hẳn xuống...

Từ đấy, mẹ tôi vẫn hay dùng hai tiếng sát-nhân gán cho anh, mỗi lần người tức giận. Lòng mẹ tôi đã gần như vắng hết thiện cảm đối với một hạt máu của mình, đốt mĩa sâu đục. Nhưng tôi, tôi không thiếu tình thương hại, mỗi lần tôi buồn bã nghĩ đến người anh đau thương, nghĩ đến cái gì không tươi đẹp đã nhuộm xám cả một quãng đời hoa bướm của ba chúng tôi..

Sớm hôm nay, đương ngồi yên, bỗng tôi gục đầu xuống bàn, đau đớn. Trong lúc tôi muốn cắn nghiền một cái gì, muốn

xé nát một cái gì, tuy ở bên ngoài, cả Hà-nội tươi lên trong một buổi sáng bắt đầu một mùa xuân trắng lợt, thì anh Hai tôi không biết từ đâu, bước vào nhà.

Câu đầu tiên anh nói với tôi là :

— Anh Cả của chúng mình đậu quách cái bằng ấy rồi còn gì !

Lòng tôi mở rộng ra vì sung sướng. Tôi nói rất vui :

— Dạo này anh Cả chăm học và tu tỉnh thế kia à ! Nhưng anh ấy đậu bằng gì thế anh ?

Anh Hai tôi vút theo cái mũ xuống giường, hai tiếng đầy chua chát :

—... «Bằng nghiệm» !

HỒ DZẾNH

LẠC NÀNG THƠ

TÚ MỠ

TRONG tuần lễ ấy, khá lâu lâu,
Tú bận làm ăn, việc ngập đầu
Viết sái bàn tay, ngồi sụn sống
Ngày thời trốn mắt, tối phờ râu.

Lúc nào săn sóc được Nàng-Thơ ?
Thương, nhớ, ôi thời cũng phải lơ.
Đành mặc cô nàng đi lãng mạn
Một mình thui thủi chốn tơ mơ.

Bảy hôm, mới được một ngày Trời,
Xác thịt, linh hồn được thanh thoi.
Mong mỗi tình nhân mau mắn lại,
Cùng nhau vội hưởng lát vui tươi.

Càng mong càng thấy bật hơi tằm,
Có lẽ cô nàng để bụng căm
Bỏ bằng hồi lâu cho bỏ ghét
Con người nhạt nhẽo với tri âm.

Mất mặt Nàng Thơ chán mớ đời !
Hoa như kém thắm, lá không tươi.
Gió buồn rười rượi, trời gay gắt
Chim hót toàn nghe giọng mỉa mai...

Ngồi mãi buồn tênh đứng lại sầu
Bạn lòng xa vắng, lạc vào đâu ?
Lang thang dạo bước tìm vợ vắn
Những chốn thường khi vẫn hẹn nhau.

Mơ màng cứ để mặc tâm linh
Dấn bước chân đi khỏi thị thành,
Tới một làng kia, nơi tịch mịch,
Đồng quê bát ngát, cảnh thanh thanh.

Ồ kia ! Trên thảm cỏ xanh tươi
Tựa gốc thông cao, bóng một người,

Đích thị Nàng-Thơ ngồi lẳng lẳng
Thả hồn theo ngọn gió trời vơi.

Rón rén tôi đi tới cạnh Nàng,
Rất mình sợ tỉnh giấc mơ màng,
Cô em trông thấy tôi niềm nở,
Sịu mặt làm ra bộ bề bàng.

Sút sít, cô nàng giận trách tôi,
Người đâu hờ hững thế thì thôi,
Tháng ngày chỉ thấy đám so dui,
Bỏ mặc người ta chịu lẽ loi.

Lặng ngấm cô Nàng đáng tủi thân,
Lòng tôi cũng tủi, tri phân vân.
Miệng thì lúng túng câu từ tạ :
« Cam phụ tình nhau đã mấy lần... »

Nhưng mà... còn biết tính làm sao ?
Bối cảnh làng thơ chẳng được hào,
Vi thử cô mình bao nỗi tở
Thân đời chi đến nỗi lao đao... »

Song đã cùng nhau nặng ước tình
Trăm năm vàng đá quyết định ninh,
Cuộc đời chạy gạo tuy lẩn lóc,
Há dễ thâm tâm nhụt tắc thành.

Cô Nàng nghe nói cũng nguôi nguôi,
Đôi giận làm thương, chỉ ngậm ngùi.
Hôm ấy cùng nhau khăng khít quá,
Nhà thơ hỉ hả được ngày vui.

Thế rồi chán ngán, đến hôm sau,
Công việc làm ăn lại ngập đầu.
Nàng lại một nơi, tôi một nẻo
Gần nhau rồi lại cứ... xa nhau.

TÚ MỠ



HỒN BAY PHÁCH LẠC

của TÚ MỠ

Rằm tháng bảy, vong nhân xá
lội,

Kéo từng đoàn lên cõi nhân gian,
Kẻ về nhà cửa hân hoan,

Vui cùng con cháu cỗ bàn say sưa.

Kẻ cô độc cầu bơ cầu bất

Đường Dương-gian vướng vất la

Tim nơi cúng cháo lá đa [cà,

Ghé vào kiếm chút cho qua buổi
rằm.

Dưới địa phủ, âm thầm vắng vẻ

Quỷ được ngày nghỉ lễ thanh thời,

Hợp nhau chè chén vui chơi

Bỏ khi công việc rồi bởi quanh
năm.

Trước cửa ngục, hóm rằm đề ngỏ,

Then chẳng cài, khóa bỏ, sich tung,

Đầu Trâu, Mặt Ngựa ung dung,

Súm năm, tụm bảy đang cùng nghỉ
ngơi.

Bỗng nổi tiếng vang trời, chuyển
đất,

Quỷ giật mình, lật đật, nôn nao,

Còn chưa hiểu chuyện làm sao,

Vong nhân đã thấy ồn ào, đồ sộ,

Chạy về ngục hốt hơ, hốt hoảng

Chen đầy nhau làm loạn âm-ti.

Tiếng kêu tiếng khóc như ri,

Mạnh ai nấy trốn, cứ gì nơi nao.

Kẻ cuống quít nấp vào cối giã,

Kẻ hoảng chui xuống cả vạc dầu.

Diêm-Vương bắt hỏi vì đâu,

Vong-nhân sợ hãi rập đầu trình
thưa.

Rằng : « Bẩm lạy đức Vua Thập-
Điện

Vì chúng con gặp chuyện không

Mỗi năm được có một ngày [may :

Thoát nơi Địa - Ngục lên ngay

Dương-Trần,

Cùng thân thích quây quần hỉ hả

Được một ngày khuấy khuấy vong

Đang khi cỗ, rượu linh đình [linh.

Thời còi báo động thỉnh linh nổi

Như hồ rú, thần rên, quỷ rống, [lên,

Tiếng rợn ghê, lên bỗng xuống trầm.

Khiến cho con cháu ăm ăm,

Kéo nhau xuống hố, xuống hầm
ăn thân.

Đoán chừng biến, vong nhân cũng...
hấp!

Tung bàn thờ chạy gấp về đây,

Một phen phách lạc hồn bay!

Tránh vô dĩa rủi gặp ngay vô dĩa.

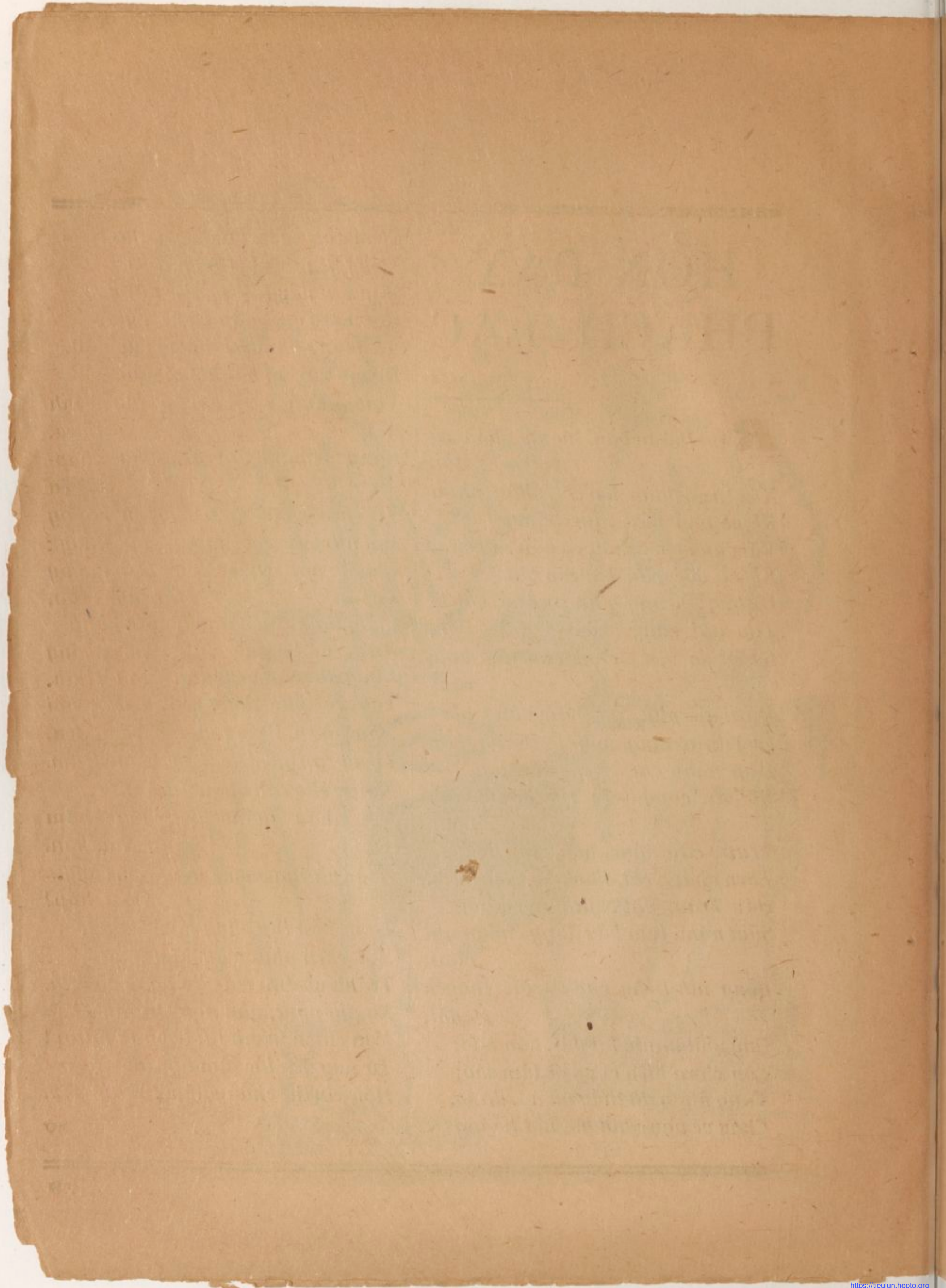
Xa địa ngục, nào ngờ Dương-Thế

Nạn chiến tranh lại lệ bằng mười!

Từ nay đến lúc làm người,

Hồn xin thề chẳng dám rời Âm-Ti...

TÚ MỠ



THOA

(Một cuộc đời)

Tác giả « Vàng và máu » và « Gió trắng ngàn » lần này rời bỏ những nơi xa lạ ấy để xuống gần đời sống bình thường của chúng ta hơn. Truyện « Thoa » dưới đây tả những ngày dài êm tĩnh, bề ngoài không sôi nổi bao giờ của một người đàn bà xấu số. Thế-Lữ muốn cho chúng ta thấy rõ qua sự im-lặng một đời, những nỗi đau xót âm thầm không bao giờ nghe thấy nói ra. Chúng ta có thấy rõ không, cái đó còn tùy ở bạn đọc ; nhưng ta phải nhận là đúng trước sự nhẫn nại thâm kín kia, hay trước hương vị đặc biệt của núi rừng, tuy người và vật có đôi khác, tác giả vẫn cũng rung động theo một nguồn duy nhất, nguồn Mấy vắn Thơ.

THOA được chừng bốn tuổi thì cả nhà khôn còn hy vọng gì nữa. Cái buồn khổ cũng không cay độc lắm, vì họ đã dự biết từ lâu. Tuy trước đó cha mẹ Thoa vẫn tự nhủ : « Con bé chậm nói cũng nên » nhưng trong tiếng thở dài đã rõ ràng có ý chán nản. Họ lấy những trẻ chậm miệng nhất trong chỗ quen biết để làm chừng, đợi thêm tám, chín tháng nữa cho già thời hạn : Thoa chỉ bập bẹ ầm ừ không thành một lời nào. Sau cùng, ông bố nói lên trước nhất cái câu mọi người chỉ dám nghĩ thầm : « Con Thoa nó câm thực rồi. » Họ hàng nín giữ riêng lấy những lời bàn ra nói vào và cha mẹ Thoa cũng ít khi thở than. Người ta đã cam tâm chịu lấy cái tai họa.

Trong gia đình trước kia sung túc của ông Tú-Đạt, Thoa từ đó khôn lớn một cách thâm lặng và nhún nhường. Cùng với hai chị và một anh, Thoa vẫn được chăm nom song người ta coi Thoa như một cây cảnh thừa : tiện thể thì tưới bón, nhưng ý săn sóc vẫn là phần những cây khác cùng luống.

Anh và chị Thoa chú ý đến Thoa chỉ vì sẵn có kẻ để trêu ghẹo, nhưng chán rồi cũng để Thoa yên. Không dám tranh dành, lại hay bị bắt nạt, Thoa chỉ thủ thủ một mình với những vật nhỏ mọn làm đồ chơi : cái nút thủy tinh, những sợi giấy gai, lọ dầu quất thần vứt đi, hay cái mẩu ẩm chuyên vờ. Những thứ ấy, cùng với những mảnh sành hoa, hòn sỏi nhẵn, cũng đủ cho Thoa giải trí được bằng ngày. Thoa đến một góc hiên, xếp hàng cả ra trước mặt, cầm từng cái mà xem, miệng mím, mắt đen láy vui thích rồi vội vàng thu cả lại, lảng đi chỗ khác khi có bóng người. Thoa sợ nhất giờ anh chị đi học về. Lúc ấy thì những bảo vật của Thoa đã giấu kín trong hộp sắt tây, và Thoa ngồi tráo mắt nhìn ra, lo sợ, nhưng quả quyết.

Bà mẹ là người tử lòng thương hại Thoa hơn cả thì không mấy khi ở nhà, mãi miết công việc buôn bán. Ông Tú cả ngày cầm sách nho giờ lên dưới tầm mắt kính và như ngưng ngừng mỗi khi nhận thấy có Thoa ở gần. Có lẽ ông coi Thoa như ứng quả một điều bực đức nào xa xôi. Dù sao Thoa không bao giờ được bố ngỗ ngang tới nữa. Ông Tú không hay nói, lãnh đạm với mọi sự và mọi người. Từ hồi tiền của trong nhà kém sút và bà Tú phải xuôi ngược vất vả, ông bỏ mất tính thích giao du ngày trước, để hết tâm trí mỗi một vào tập sách nho và bộ ấm chén chè tàu. Con cái cùng với người nhà phải lặng lẽ xung quanh ông ; ông không để ý đến ai nhưng riêng đối với Thoa, Thoa nhận thấy một sự

ty hiểm mập mờ và dai dẳng. Bà Tú về nhà được một đôi ngày ít ỏi nào thì sự vui ấm dòn cả xuống nhà ngang rồi lại tắt tả theo bà đi mất ngay. Thoa lại lùi vào sống trong cái phận im lìm, cuộc đời như lần cùng bóng tối. Đứa bé nhận hiểu nỗi thiệt thòi từ khi khối óc ngây thơ bắt đầu có những điều nghĩ ngợi, nhưng sự thuận quen với số mệnh đã rửa mòn những ý tủi hờn. Thoa giữ địa vị con cái trong một cách kín đáo, một cách rụt rè, không biết đòi hỏi đã đành, nhưng cũng không mong ước: người ta cho gì thì nhận nấy. Bữa cơm, Thoa không bao giờ đợi cho ai phải tìm gọi. Tắm rửa người ta giúp Thoa cho đến khi Thoa biết tự mức nước và dùng khăn lấy. Cái lược là một vật châu báu kỳ ảo mà Thoa không hiểu sao anh chị mình lại coi thường. Thoa sớm biết mọi điều giữ gìn săn sóc đến mình như là để khỏi bận cho người khác. Chung đụng với Thoa trong khi ăn và trong lúc ngủ mà hai chị Thoa với anh Thoa như quên hẳn Thoa đi. Sự lơ đãng ấy là do sự cách biệt lạnh lẽo của người trong nhà này, mà cũng do thái độ đứa bé thiệt phận. Thoa khác nào cái im lặng mà Thoa giống tính chất: vẫn có đấy mà người ta ít khi nhận ra.

Cái bóng nhỏ bé và lủi thủi kia chỉ quanh quẩn trong khu vườn vây bọc lớp nhà cũ ở Hoàng Mai. Thoa không bao giờ bước ra khỏi cổng, có ý tránh sự tò mò của người ngoài và của cả người hàng xóm. Họ hàng đã từ lâu thưa qua lại. Khi nghĩ đến cái họa hiện đến nhà ông Tú, họ chỉ nhớ đứa bé ú ở cái miệng ngoan ngoãn, hai trái đào đen và đôi mắt sáng — đứa nhỏ kháu khỉnh mà họ từng biết sáu, bảy năm đã qua.

Một lần, mẹ Thoa cùng về nhà với một bà cô lấy chồng tỉnh khác. Bà vừa vào đến cửa đã cất tiếng hỏi, giọng đầm ấm và ngọt ngào:

— « Đâu! Nào cháu út ít của cô đâu? Con cầm đâu, ra đây với cô!»

Bà lên chào ông Tú rồi xuống nhà ngang ngồi đợi. Mẹ Thoa giục gọi hai ba lượt mới thấy «con cầm» ở trái hiên chậm chạp bước ra, tay buông xuôi người, mắt đen nhìn thẳng trân trân. Gần tới bà cô, Thoa chợt đứng lại:

— « Tội nghiệp! cháu tôi thế kia mà không nói được. Thoa, lại đây với cô nào!»

Những lời ân cần hồn hậu vuốt ve Thoa cùng với một bàn tay êm dịu. Thoa dễ yên cho người ta vỗ về.

Lần ấy là lần đầu, Thoa nghe thấy người ta ôn tồn gọi lại cái tật của mình bằng tên rõ ràng. Những tiếng «con cầm» nói bằng giọng ít nhân từ hơn cũng đã lâu không phát lòng Thoa. Huống chi trong lời chân thực của người đàn bà này lại còn những tiếng khen mà cũng lần đầu Thoa được nghe thấy. Thoa vẫn biết mình gọn gàng xinh đẹp, Thoa hiểu tự bây giờ rằng nhan sắc mình hơn hai chị, hơn cả chị lớn sắp được đi lấy chồng. Nhưng lời bà Đồ vẫn là một điều chứng nhận khiến Thoa tin chắc giá trị mình và lấy làm hả dạ.

Năm Thoa lên mười, ông Tú thỉnh linh ốm nặng rồi chết. Trong hồi bận rộn thương khóc ấy, Thoa thân nhiên ngồi xem, riêng hai mắt sáng đen linh động trước một cảnh mới lạ. Rồi theo hai chị mặc tang, theo người thân thuộc đưa ma, bắt chước lễ những bàn thấp hương cắm nến, Thoa vẫn khép nép mà dự vào một công việc quan trọng trong gia đình. Công việc xong, Thoa sẽ lại trở về với nơi cầm lặng của Thoa. Cái chết của người cha để những dấu u ám nào trong tâm hồn kia? Có lẽ Thoa chỉ thấy một sự gì diu dặt, nhẹ nhàng trong quạnh hiu. Có lẽ Thoa chỉ thấy

vắng ở chỗ thường ngày cái ông già nghiêm nghị buồn rầu, lúc nào cũng ngồi cạnh bàn trà và mắt đeo kính để xem sách.

Những kỷ niệm sót lại trong tâm tưởng Thoa hồi này là sự huyền ảo của một nhà đám, những tiếng kèn lè lè ai oán hỗn độn với tiếng kèn trống lờ lờ phai mờ, những người mặc toàn trắng loảng thoảng qua lại với những bộ mặt sứt sùi dưới mũ mấn, những con mắt đỏ hoe và thóc mách, soi mói nhìn nét mặt và bộ dạng của Thoa... Chị Trâm lấy chồng vào đúng dịp này, nhưng đám cưới chạy tang ấy lẫn lộn vào đám hiếu. Thoa chỉ nhớ có người anh rề mà Thoa được trông thấy mấy lần trước, khác lạ trong bộ tang phục và ngộ nghĩnh trong vẻ bơ vơ.

Những hình ảnh ký ức kia diễn hoạt hằng giờ dăm dăm im chìm của Thoa, cho đến ngày bà Tú không buồn bán nữa. Bà trang trải xong công nợ, dọn một ngôi hàng nhỏ trao cho cô Xuyên, và nghỉ hẳn ở nhà. Lúc ấy bà Tú mới nhìn thấy rõ người con gái tội nghiệp của bà và lúc ấy Thoa mới được hưởng sự đầm ấm. Thoa vẫn tinh ý sớm, lòng thương yêu đủ cho hai người tìm được cách hiểu nhau. Bà Tú bảo ban Thoa, dẫn dụ Thoa, thêm khéo cho cái tay thêu thùa nấu nướng đã sẵn tài. Bà ứa nước mắt thầm nhận thấy con gái mình có đủ cả nét na, đủ thông minh và nhan sắc. Đôi mắt Thoa quán quýt mẹ gồm tất cả mọi tình ý cảm động ở đời. Thoa đôi khác hẳn trước. Nụ cười của nàng có duyên và rất linh hoạt, vẻ nhìn của nàng là lời nói mà bao giờ bà Tú cũng nghe thấy. Bà Tú thường vuốt tóc Thoa mà bảo: « Con châu con báu của mẹ đây! » Cái tật không nói của Thoa pha những vị chua chát vào nỗi sung sướng của người mẹ nhân từ. Thoa thì không nghĩ ngợi gì, tươi tốt thỏa thuê như bông hoa gặp mùa

nắng ấm.

Nhưng hạnh phúc của Thoa không bền. Bà Tú ở nhà được mấy tháng cũng lại thụ bệnh rồi mất. Thoa khóc nghẹn đến ngất đi, tỉnh dậy rú lên những tiếng đứt ruột. Thoa gieo mình ôm choàng lấy sảng mẹ khi hạ huyết và trên đường về, người ta phải ghì tay mà kéo một người con gái rũ rượi, hai mắt điên cuồng.

Thoa ốm liệt giường hơn tám tháng, gần ngơ mất ngót hai năm nữa, hồi thành người cũ để thấy gia đình tẻ ngắt với ba chị em mồ côi. Đau thương không khiến cho họ thân yêu nhau và Lạc, người con trai, vừa hỗn sược vừa lêu lổng. Những tiếng tăm người ta nín giữ từ trước được lúc ủa chạy ra. Người ta nói đến quả báo từ những đầu đầu. Thoa còn nhỏ mà khôn ngoan hơn, lấy thể làm khổ sở nhất. Sự nghèo túng hiện đến mau chóng lạ. Lốp nhà trước còn đem cầm đợ rồi sau bán hẳn. Người anh rề, chồng Trâm, không kịp can thiệp để ngăn đón những mưu mô lừa lọc của một người họ xa. Rồi Xuyên theo tình nhân, bạn của em trai nàng. Lạc cũng phiêu bạt chẳng biết tới đâu, mang theo số còn lại ở món tiền bán nhà mà hẳn đòi giữ, Thoa trở nên cái gánh nặng cho gia đình người chị cả, thanh bạch và đã có ba con.

Thoa như hiền ngay từ lúc đầu sự gượng gạo của Trâm. Những lời tử-tế quá phải lẽ Trâm nói khi đem Thoa về nuôi chỉ để tô điểm cho một cử-chỉ không thể dừng được. Cho nên Thoa cố dọn lấy một đời kín đáo nhất trong cảnh ăn nhờ chị, Thoa tìm cách thu hẹp địa vị của mình lại, ẩn nấu trong một sự ngưng lặng hết mực, để đỡ vướng bận mọi người. Thoa lựa lọc dần dà cho sự sống của Thoa nhẹ nhàng ăn khớp với cuộc đời mới.

Thoa khâu vá giúp chị, sắm sửa cho các cháu mà Thoa miễn, nhưng chúng sợ không hay đến gần. Rồi Thoa được người ta đưa cho những miếng áo dè đan, những mặt gối để thêu với những công việc may cắt nhỏ. Suốt ngày nọ sang ngày kia, Thoa ngồi ở một góc nhà, cúi đầu xuống kim chỉ, và cũng như xưa ở với cha mẹ, Thoa khiến được người ta không nhắc nhở đến sự có mặt của mình.

Tháng năm qua đi, cùng với cuộc đời hoạt động bên ngoài. Người thiếu nữ cặm cụi vẫn ngồi mãi một nơi âm u và điềm vào những ngày lặng lẽ của nàng một đôi tiếng thở dài rất nhẹ, rất dịu. Dưới khuôn mặt hòa đối kia, đẹp một vẻ thanh tao trầm tịch, ai biết được có những nỗi niềm, những nguyện ước gì? Thoa mười bảy tuổi rồi. Đôi mắt đen láy khi nhìn ra dưới cái vầng trán trắng mịn, đã làm cho những người vô tâm nhất cũng phải sửng sờ.



Cái tết thứ hai sau năm hết tang mẹ, chị Trâm thêm vào số tiền Thoa kiếm được dần trong việc khâu đan đã mua cho Thoa một chiếc khăn nhung và một cặp áo xuyên. Thứ quà ấy là một thứ hảo tâm chợt có, nhưng cũng khiến người cho có một chút quý mến chân thành đối với người nhận. Còn Thoa thì sung sướng rõ ràng. Hôm đưa hàng về, chưa may thành áo, Thoa đã ước đi ước lại mãi, miệng rung rung phác một nét cười, đôi mắt loáng ướm. Sự vui vẻ của nàng, hiện lộ vì biết bao ngày lặng khép, đã thấm vào lòng Trâm một thứ cảm động rất ngọt ngào.

Tết năm ấy người ta mới bớt quên Thoa. Một chút điềm trang cũng tôn hẳn nhan sắc nàng lên. Và cử chỉ tử tế của chị Trâm như đưa tới cho nàng một sự vỗ về cùng với những ý sung sướng. Người thiếu nữ sớm trầm ngâm kia như trẻ hẳn lại. Miệng

náng, mắt nàng, và cả thân thể nàng là sự hớn hở tươi đẹp của tuổi ngây thơ. Trâm khen : « Cô ả khéo làm đom tẻ ! » Trâm mỉm cười để giữ một câu không tiện nói đùa về việc chồng con Thoa. Dưới mắt ngắm nghĩa của chị, Thoa làm vẻ nũng nịu ồng ẹo thêm. Nàng đi ra đi vào, lấy trầu mời Trâm, vẩy Trâm lại sửa khăn cho nàng. Nàng chúm chím miệng và nghiêng đầu liếc Trâm.Ồ ! giá Trâm hiểu được sự biết ơn của nàng trong đôi mắt chan chứa !

Lần thứ nhất nàng được Trâm đưa đi lễ chùa, đến nhà một vài người họ gần. Vị ẩm ngọt của ngày vui cùng với những cảnh sắc linh động, còn lâu mãi sẽ làm câu chuyện hứng thú đề nàng rủ rủ với riêng nàng. Thoa lại thấy đời sống dành phần của Thoa không phải chỉ có một màu tối lạnh như xưa nữa. Từ cái tết đáng yêu đó, một cột tươi hồng như đã đánh dấu cho bước đời về sau.

Thoa dần dần được dự vào việc nhà của chị một cách gần gũi hơn. Mấy cháu Thoa đã không xa tránh nàng. Ngoài những lúc khâu vá, đan may, Thoa thường giúp chị công việc bếp núc. Trâm không hay gần bắt xa xôi như trước nữa và cái bồn phận phải nuôi em, Trâm cũng đã thấy nhẹ nhàng hơn. Rồi xảy ra con nhỏ của Trâm bị trận ốm nguy kịch. Thoa thương khóc và chăm nom hơn cả bố mẹ nó. Đứa bé khỏe, tình ruột thịt của hai chị em như đậm đà thêm. Trâm thấy nàng săn sóc bé Tuyên và thấy đứa trẻ quăn quýt Thoa, đã nhiều lần bảo : « Thôi đấy, con của dì đấy, tôi cho dì. » Thoa nhếch miệng cười, vẻ mặt lửng lơ một ý tự phụ sung sướng. Chỗ ngồi của Thoa trong góc gia đình ấy không còn cô tịch lắm nữa. Thoa cũng không phải đề tâm dè dặt và lo ngại như trước. Có được một chút yên vui bằng phẳng cũng là có hạnh phúc lớn rồi. Nếu đôi khi phải lúc

Trâm bực mình thì tiếng ra-riết của nàng chỉ đề trách hai đứa em vô luân thường không biết sống chết ở đâu. Nghe chị nhắc đến Lạc và Xuyến, Thoa nhắm miệng lại nhìn đi, kéo mạnh thùng khâu vào phía lòng và không ngừng lên nữa. Nàng tỏ ra ý ghét hai em lắm : điều đó rất được lòng Trâm.

Việc buôn bán của người anh rể Thoa gặp được nhiều dịp may : hòa khí của gia đình nhờ sự sung túc mà không sút kém. Thoa có đưa cho chị những số tiền nhỏ mọn là công may cắt người ta trả nàng, thì Trâm từ chối với một ý rất kẻ cả, thấy lòng mình rộng rãi, có độ lượng đối với một cô em số phận hẩm hiu. Trâm lại được thú tình cảm ngậm ngùi đến vuốt ve lòng như mỗi lần ái ngại cho em : Không ! Trâm không thể nào không mến thương nó được.

Cái địa vị bé bỏng của Thoa thế là đã vững chắc. Ngày tháng gần bó chặt thêm.

Nhiều sự xảy ra bên ngoài, Thoa đã chú ý đến : Thoa nghe kể lại những vui buồn ly hợp trong lúc trầm mặc đưa mũi kim hay lựa nhát kéo dưới tay. Thỉnh thoảng, người chị sẵn lòng hơn, lại bàn bạc với Thoa về việc sắm sửa cho chồng con hay về cách buôn bán. Thoa phần nhiều chỉ chịu chuyện hoặc ngỏ một vài ý riêng bằng những cử chỉ giản lược vẫn là cách biểu diễn của nàng. Thoa rất khéo ra hiệu, và những điều cần phô diễn không có gì lạ thường : đến cả những cháu nhỏ của Thoa cũng hiểu được ngay. Hoặc giả nàng giấu giữ những điều khó nói ?



Bốn, năm năm Thoa mới có thêm được bộ áo mới nữa và một đôi hoa tai. Nữ trang vẫn là cái hạnh phúc đầm thắm nhất trong sự sống của nàng. Thoa xếp rất kỹ lưỡng trong cái hòm riêng của Thoa cùng với những thứ chẳng ai biết là gì nhưng xem chừng Thoa quý trọng, giữ

gìn rất cẩn mật. Khi rồi rã và nhà yên vắng, Thoa lại lui húi xếp đi xếp lại những của báu trong hòm. Sự vui thích trẻ thơ vẫn giống như ngày nào Thoa ngồi bày những nút chai, những mảnh ấm để ngắm nghía. Vậy mà nàng đã trên hai chục tuổi. Thời gian và kỷ niệm không làm kém cái màu xuân xanh trên khuôn mặt hiền dịu. Nhưng sự lặng lẽ của Thoa với những cử động quá chừng thông thả đã phác sẵn những vẻ đứng mực của ngày già.

Qua một tết này, Thoa lại kiên tâm đợi đến tết sau : chỉ có trong dịp ấy Thoa được nhiều kích thích êm ái nhất. Nàng trang điểm quá chừng cẩn thận, ngắm mình trong gương không có lúc ngớt, sửa đi sửa lại vành khăn không bao giờ vờ ý hay kéo lựa mãi mãi cặp áo cho thực sống tã. Nàng tốn bao nhiêu công phu để lấy hết mực gọn gàng. Nhưng sự gọn gàng ở người thiếu nữ này là một vẻ đẹp lạnh lẽo, tết năm nay cũng giống tết năm trước, mỗi năm một khô khan.

Con gái Trâm hồi ấy đã là một cô học sinh lớn, mới mẻ, bạo dạn và tươi cười. Thoa được cháu đưa đi chơi những cảnh đền chùa xa lạ nhất từ xưa tới nay, trong đó khách đi lễ ngày xuân không phải chỉ là những người thành tín. Thoa trông thấy những thanh niên hơn hớ, gặp những đôi trai gái gần nhau mà không hề ngượng ngịu ; đôi khi nàng lại bắt gặp những con mắt kín đáo nhận thấy nhan sắc của Thoa. Một chút hồi hộp có lẽ đã làm đôi má kia hồng thêm và những tết năm ngoài năm xưa đưa lại những tình cảm phơi phơi cũ.

Thoa có nghĩ đến ngày mai sau của Thoa không ? Tình duyên ở đời gọi những tư tưởng gì trong lòng người xấu số ? Và những ngày dài nối tiếp nhau đi, Thoa ngồi trong cảm lặng, tiếng thở dài của

Thoa dịu nhẹ cô còn mang những ước mong tha thiết nào nữa chăng?

Mùa rét năm Thoa hai mươi chín, Thoa đem cái áo cánh hồng mới may ra mặc. Khi qua chiếc gương lớn, Thoa đứng lại nhìn mãi cái bóng mình. Nàng chậm chạp đưa hai tay áp má, ở thờ vuốt xuôi xuống rồi ngơ ngác nhìn lại chung quanh. Trở về chỗ ngồi, đường kim của nàng lơ đãng hơn thường. Nàng cặm cùi suốt mấy ngày và nhiều lúc buông tay xuống một vẻ chán mỏi. Chị Trâm thì hết ngày hết tháng bận về việc cầm cái họ. Hằng Tuyên vẫn là, đưa cháu út (Trâm đẻ hai bận nữa đều không đậu) nhưng Tuyên đã đi học và thôi quần quýt nàng. Gần nàng nhất bây giờ chỉ có Lan, cô cháu lớn nhất. Những ngày nghỉ, Lan hay ở bên dì, học cắt, học thêu rồi lại bảo cho dì những mũi đan lối mới. Lan lại hay đem chuyện bà giáo, chuyện bạn gái trong trường về thuật lại với Thoa. Cả những chuyện riêng và những việc tâm tình nữa. Ngày ngày, Thoa coi chừng giờ tan học của Lan và bước chân Lan trở về: hai dì cháu lại to nhỏ với nhau; Thoa mỉm nụ cười mờ phai và Lan khúc khích phò cả miệng răng trắng nuốt.

Đã có lần Lan nhí nhảnh bảo nàng: « Dì ạ, dì đừng giận cháu nhé, con Phương nó bảo cháu rằng dì đẹp lắm cơ. Nó muốn làm mối cho dì đấy. » Nàng lườm cháu, lấy cái thước đo lại, hoặc ướm mảnh áo lên trên ngực, tay khe khẽ run. Nhưng nàng biết là câu nói đùa, không giận cháu và cũng không có vẻ tủi thẹn. Nàng thấy Lan vui thái quá, vui vẻ một ý khác thường. Nàng đưa mắt hỏi Lan thì chợt nhận thấy cháu mơ màng xa xôi. Lan lắng chuyện bằng những câu đùa ghẹo Thoa. Nàng lại nguyệt cháu và để cho những chuyện mối lái vu vơ kia rộn rịp.

Sau đám cưới của một người trong họ, chị Trâm một tối kia ngồi lại bàn với nàng về việc nhân duyên của Lan. Có người bạn buôn muốn hỏi Lan cho con trai, học trường Thuốc. Thoa lựa chiều ngổ ý mình và « nói » đến những áo cô dâu mà Thoa trông thấy ở một vài đám cưới gần xóm. Đêm ấy Thoa đề đền tới khuya, mở hòm xếp lại những cặp áo đẹp và ngắm một vài thứ nữ trang của mình.

Tết năm ấy, Lan ít đi lễ với nàng, nhưng Thoa được cô Phương và mấy bạn trai của Phương chào mình một cách mến mộ quá đáng. Ở giữa những người lanh lẹ và bọn thiếu-nữ ròn rã lông lẩy kia, Thoa là một bậc nữ lưu cũ kỹ trong vẻ đẹp nhu mì, sự ngượng ngập của Thoa làm khô khan thêm dáng người gọn ghẽ.

Lan về nhà đòi đi thuật lại chuyện mà Lan đã nghe Phương kể từ trước. Lan reo cười khi nhận được những người mà Thoa mô tả và bình phẩm bằng lối nói riêng của nàng. Lan lại nói đùa dì, để tránh những câu Thoa hỏi về chàng sinh viên. Thoa mỉm cười luôn vì thấy nhiều ý ngộ nghĩnh.

Cho đến ngày Lan thôi học, đề sắp về nhà chồng, Lan vẫn nhắc lại câu nói Thoa nghe đã quen nhưng không thấy nhảm — và cũng không đời nào tin.

Không ngờ, đó là sự thực.

Một hôm Lan ở ngoài hàng chạy vào ghé tai bảo nàng: « Đấy, cháu có nói dối dì đâu, chả tin rồi chốc nữa dì hỏi để cháu khắc biết. » Nhà ngoài, chị Trâm đương tiếp chuyện một người khách đàn ông. Lúc Trâm đưa khách lên gác nói chuyện với với chồng, nàng thấy một người mặc tây, chừng ba năm, bốn mươi tuổi, thông thả đi vào, qua mép sân trên rồi dềnh dàng vừa trèo lên bậc thang gác vừa ngảnh nhìn xuống. Lan máy: Chú họ Phương đấy, dạ.

Rồi Lan khúc khích chạy coi hàng. Thoa bối rối, nhưng nhất định vẫn không tin. Nàng cố diềm nhiên ngồi đan cho hết một đường nữa, tháo ra đan lại mấy mắt lỗi, rồi sau cùng đặt len xuống thúng, giận Lan sao không trở vào. Chị Trâm ở trên gác dẫn người khách xuống. Thoa lại thấy mình bị người ấy chăm chú nhìn. Nàng nghe trống ngực đập mạnh, cau mày cho đến lúc không còn bóng người trong sân. Lâu lắm, Lan vẫn không vào : hình như có tiếng Lan cười sau mấy câu mắng của mẹ.

Không, không có gì hết. Chỉ là câu chuyện đùa thôi. Lan dè dặt mắt mấy hôm liền. Thoa cũng tỏ vẻ thờ ơ và chỉ mãi miết với thúng khâu. Một tuần lễ qua. Nàng với Lan không nhắc đến người đàn ông. Đột nhiên một hôm giữa lúc nàng thử áo cho Lan thì người ấy lại đến.

Lần này Trâm đưa ông ta vào liếp chuyện ở nhà trong. Nàng thản nhiên nhưng giữ Lan lại không cho bỏ vôi bộ áo mới thử. Ông khách đã đứng tuổi, đầu tóc mượt và thưa, vẻ mặt rắn giỏi, không linh hoạt lắm ; giáng người vững chãi, nói năng và điệu bộ khoan thai. Thoa nghĩ bụng rằng ông ta là người tử tế — nhưng cái đó có quan hệ gì đến mình. Ông ta nhìn, Thoa không cảm động đâu. Thoa thấy chính ông ta như ngượng ngập thì có. Và người ta đến đây cũng như bao nhiêu khách khứa vẫn đến... Lan nó sắp lấy chồng nên chỉ khéo ồm ở đây thôi.

Chiều hôm ấy Thoa thấy chị Trâm đến nhàn nhạ hỏi Thoa về những đồ trang sức cho Lan, rồi lựa nhờ bảo nàng : « Đây em ạ, ông phán Tấn, cái ông đến nhà lúc sáng ấy mà, ông ấy hiền lành tử tế lắm kia đấy, từ hôm nọ đến hôm nay cầu khẩn mãi anh chị đề xin em... »

Nàng hiểu rồi, hiểu ngay từ lời đầu tiên của Trâm kia, và không nghe thấy chị nói

thêm gì nữa. Tất cả nỗi vui mừng dè giữ, nỗi sung sướng lo ngại, trong giây phút ấy thành hình rõ rệt, và tươi đẹp và đôn hậu đến quẩn quít nàng. Thoa không có một ý gì dấu diếm. Nàng cười bằng cả đôi mắt rất linh động của nàng, miệng hé ra một chút chờ đợi rồi ngậm lại, rồi nàng đưa mắt ý nhị nhìn cái chỗ lúc trước người đàn ông đã ngồi. Nàng thấy một hạnh phúc mới, rạng rỡ nhất, mà có lẽ nàng không bao giờ dám vương qua một chút tư tưởng, đến nay không phải là sự không thể có được cho đời nàng. Thoa ứa nước mắt mà mặt vẫn tươi. Lần đầu tiên nàng tội nghiệp cho thân và hưởng một vị tử cực thấm đậm.

Thoa biết thêm rằng ông phán Tấn còn mẹ già và góa vợ sớm : ông ở vậy để nuôi các con nhỏ (Thoa sẽ là mẹ đẻ con với hết tấm lòng ấp ủ của nàng) ; ông phán vừa chỉ thú vừa là người quảng đại, tình cảnh của Thoa ông biết rõ và sẽ dành cho một địa vị những chạc cũng như đợi ở Thoa một người vợ hiền. Việc hôn nhân này sẽ lặng lẽ thích hợp với cuộc đời hai người. Định hết tang bà cô, ông phán sẽ xin cưới.

Ông phán Tấn thỉnh thoảng lại đến chơi, rất lễ phép với nàng, và lời nói diềm dặt của ông sao mà có duyên thế ! Thoa lại thấy ông có nhiều điều đáng quý mến, có một vẻ trang trọng quân tử ít người đàn ông sánh bằng.

Thoa sắm sửa cho Lan và nghĩ đến lúc chính mình về nhà chồng, nàng sẽ đem bao nhiêu tâm trí và khôn khéo ra để gây một cảnh gia đình rất êm đẹp. Những câu trêu trọc nàng từ đấy không cần gìn giữ nữa. Trước kia, dù là lời nói của Lan cũng vẫn có nhiều dè dặt đề khởi chạm ý Thoa. Bây giờ, nhiều khi Trâm đã dám nhắc đến cả tật cảm của Thoa, khen mĩ một cảnh hòa thuận ít điều tiếng. Thoa cũng vẫn sung

sương. Càng có lời chề riếu, Thoa càng được cảm động một tình tứ dịu dàng.

Ngày Lan về nhà chồng, Thoa không từ chối làm một người trong họ nhà gái đưa dâu. Nàng mừng cháu một chiếc nhẫn vàng, công sức của bao nhiêu ngày tháng tần tiện. Nàng được cháu biếu lại hai hộp phấn. Lan dạy nàng vẽ môi thoa má và ép mãi nàng mới chịu tô điểm ngay trong dịp đó : ý nàng định dành việc son phấn cho ngày khác, quan trọng hơn.

Vắng Lan, Thoa đã thừa cách để khuây buồn. Nỗi lòng chờ đợi nhẹ nhàng, những cảm tưởng quý mến sau những lần Tấn đến chơi, những lúc trí nghĩ nàng tìm đoán cử chỉ người đàn ông trong công việc hàng ngày ; bằng ấy ý niệm đến làm cho những giờ cô quạnh của nàng được ấm cúng.

Gần đến tháng đã định, thỉnh linh bà cô Thoa ở Hải - dương chết. Thoa kiên tâm trước, nghĩ đến cái khoảng thì giờ phải đợi chờ thêm. Chưa đoạn tang cô, Thoa lại được tin bà thân sinh ông phán Tấn ốm nặng. Chị Trâm đi thăm về nói bệnh tình bà cụ trầm trọng lắm, nhưng cũng tìm lời yên ủi Thoa, để nuôi cái hy vọng cho chính mình Trâm. Chị Thoa cũng hết lòng mong cho nhân duyên cô em không đến nỗi trắc trở.

Tất cả sự quan tâm của Thoa cũng như của mấy người trong cuộc, đều dồn về nơi giường bệnh của bà già. Thoa hỏi chị về đường thuốc thang, nhờ chị kêu cầu giúp mình, và một lần, chẳng biết nghe ai mách, Thoa gửi bốn chục mua quế tốt để biếu mẹ Tấn. Chưa kịp biến, bà cụ đã tắt nghỉ. Chị Trâm phiền muộn ra mặt. Thoa thì không thiết nghe thiết nghĩ gì hết. Ông phán Tấn cảm động vì cái ý thảo của nàng lắm. Ông thừa đến hơn trước, nhưng mỗi lần có lại những lời ông gằn bó, Thoa cũng được vững lòng thêm.

Tâm hồn Thoa đã quen với sự thua thiệt từ trước rồi. Cái tang mới kia, cũng là cái tang của Thoa, nàng lại sửa soạn tính tình để chịu lấy ; nỗi trông mong và tin cần vẫn được nuôi giữ một bên. Thoa dè chừng trước một đôi cái tang nữa trong họ gần. họ xa, đề ngộ việc đến thực thì nàng có sẵn sức dưới gánh nặng. Nàng cũng dự tưởng cả đến lúc nàng hay ông phán Tấn đau ốm, hoặc quá ra nữa, người đàn ông sẽ gặp tai nạn gì thảm khốc hơn.

◆
Điều nàng không ngờ nhất lại xảy đến.

Ông phán Tấn phải dời đi Sài-gòn. Đâu thể nhỉ ? Nhưng sự cách biệt hẳn xa lắm và nguy hiểm lắm theo vẻ lo ngại của Trâm. Lời ông phán lúc đến chào ôn hậu và thực thà. Ông nói mấy câu với nàng, tiếng ngượng nghịu và hơi run run khiến cả tâm hồn nàng ngán ngát ảo não.

Hôm ông lên đường vợ chồng Lan và cô Phương đến rủ nàng ra ga tiễn, nhưng Thoa khe khẽ lắc đầu, tuy mặt nàng lộ hết cả ý muốn. Thoa ngồi ở nhà, tưởng đến đoàn tàu hỏa chạy biến về một phương mù mịt. Nàng ghen mãi ở cò, nuốt khan bọt, và thấy nước mắt nhỏ nóng trên bàn tay.

Bức thư thứ nhất của Tấn gửi về một tháng sau có những lời thăm hỏi riêng, xoa dịu đau thương của lòng nàng. Nàng mượn lấy tờ giấy quý hóa kia để nhìn những chữ mà nàng không biết đọc. Thoa cắt thư xuống một góc thùng và chờ lúc vắng, vẫy gọi đứa cháu nhỏ đến đọc lại cho nàng nghe. Tin tức của người đàn ông về đều được hơn một năm, (do những bức thư lời lẽ đơn sơ chung hậu. Rồi có lẽ vì công việc bận — Tấn nói phải coi nhiều việc quan trọng lắm — thư gửi về thưa dần và ngắn dần. Sau cùng, chỉ gần tết, anh rể Thoa nhận được

một tấm danh thiếp chúc mừng cả nhà.

Chờ đợi hết năm nọ qua năm kia để thấy những lời lẽ phép hờ hững, Thoa vẫn không tỏ một thái độ nào khác lạ, sự im lặng của nàng hòa vào những tháng ngày bình tịch và người đàn bà ấy héo hắt chậm chạp trong một đời lu mờ.

Tin tức của Tấn bằng hản rồi.

Cái tang cay nghiệt đã hết hạn từ lâu.

Trâm đã trở nên bà, và bận lo về việc cưới vợ cho con trai. Anh rể Thoa, giàu có và mỗi mệ, suốt ngày ở trên gác nghỉ ngơi bên cạnh bàn đèn. Nhân duyên trắc trở của Thoa người ta quên cũng đã lâu : đời hôn hờ bình yên dễ dàng cõi bỏ những kỷ niệm vương bận. Chỉ lòng Thoa còn nhớ. Đôi mắt trông xa của nàng vẫn còn mong ước. Nàng bao giờ cũng thuận theo và chịu lấy các nỗi đời khe khắt, nhưng hình như vẫn chờ đợi một sự may mắn vu vơ nào.

Nhưng bước đi thông thả ngày một nặng nề thêm, mắt trông lỗ kim đã không đủ rõ, Thoa đã hay mệt yếu, và cái miệng ngậm lại đã phẳng phất hai nét hản ở khóe môi. Ngày tết, trang điểm vẫn là một việc êm ái nhất cho Thoa. Vẻ đẹp đã hơi cũ kỹ trên thân hình và trong dáng điệu nàng. Thoa đi lễ một mình, đến chơi với vợ chồng Lan, cho con Lan những áo mũ đàn để dành hồi trong năm. Rồi về nhà Thoa ngồi bên coi trầu, chum chim nghe chuyện bọn cháu đến vây quanh và xem chúng tíu tít nhận tiền nàng mừng tuổi. Mấy năm gần đây, năm nào cũng chỉ thế. Hết tết nàng lại gọn gàng xếp vào hòm những bộ áo bao giờ cũng còn mới, khóa kín lại với một vẻ trân trọng trong cử chỉ, rồi lại trở lại chỗ công việc một điệu của nàng.

Tháng hai năm ấy, Thoa đã bốn mươi mốt. Một người bạn ở xa về chơi với vợ

chồng Trâm. Mắt Thoa tươi sáng lên khi nghe nói người ấy ở Sai-gòn ra. Nàng nhẹ tay đặt kim chỉ xuống, nhìn ông ta với một cảm tình không che đậy. Không biết chuyện của Thoa, và cũng không hiểu những dấu hiệu riêng Trâm định cản lại, người ấy tình cờ nói đến Tấn, cho vợ chồng Trâm biết rõ cái điều hai người đã ngờ từ lâu. Tấn lấy được người vợ nhà giàu ở Chợ-lớn, đã thôi đi làm để ra buôn bán được mấy năm nay rồi. Chị của Thoa nhìn lại phía em thì thấy nàng hơi cúi đầu, khuôn mặt bình tĩnh nhưng nước da xanh một màu đáng sợ. Trâm vội đề chồng ngồi với khách, lại gần hỏi Thoa. Nàng thần nhiên ngừng nhìn chị, cười một nụ cười lạnh lẽo và đưa tay trở cuốn chỉ để Trâm lấy lại dùm. Đêm ấy Trâm thức dậy thấy em còn lịch kịch xếp dọn mồi bên đèn. Trâm không hiểu lo ngại một sự gì mập mờ, không dám ngủ lại nữa, Sáng hôm sau, nàng thấy em hốc hác, ngồi rũ trên góc phản, thúng khâu và những vải sợi ở đó chỉ để làm ví. Mọi người trông thấy Thoa già tọp hản đi.

Mười mấy năm vừa qua trong không đầy nửa tháng. Sự thất vọng ghê gớm của nàng khiến cả nhà kinh ngạc : Thế ra Thoa vẫn mong đợi Tấn thực sao ? Thoa bấy lâu không ngờ vực gì sao ? Thái độ lãnh đạm của Tấn đã cho mọi người biết sự cố nhiên, trừ có riêng nàng. Hay người ta có thể giữ một ảo tưởng đến bậc đó ?

Dẫu sao, Thoa cũng đã đến lúc biết sự thực. Tất cả năng lực tinh thần của nàng sụp đổ ngay một lúc, cùng với chút nhan sắc còn giữ được ở thân hình nàng. Trong tấm áo bông đen dài, Thoa so ro và ngờ ngác, không thiết gì đến công việc, hằng giờ ngồi nhìn sững quăng không. Trâm thương em có lẽ chưa bao giờ bằng hồi ấy. Nàng săn sóc coi chừng từng ly chút,

và khi thấy Thoa không gượng dậy được nữa, Trâm lao sức đi lo thuốc thang cho em. Thoa không nề nài ép bao giờ, ngoan ngoãn đón lấy sự săn sóc của chị. Nàng mím những nụ cười ử rữ mỗi khi Trâm thăm hỏi, đôi mắt cảm ơn. Nàng uống cạn những chén thuốc Trâm đưa tới, cố nuốt những bát cháo Trâm đổ nàng ăn. Lúc nào Thoa cũng dịu dàng, cũng vâng theo, cho đến khi nàng không còn đủ sức để làm vui lòng chị nữa.

Công chạy chữa đã thành vô hiệu lực. Trâm khóc và gạn hỏi, nhưng Thoa không tỏ một ý muốn đổi dặng gì.

Nàng phải nằm tắt cả tám ngày, bệnh kịch chỉ có nửa ngày và nửa đêm, lúc hấp hối cũng rất mau chóng.

Trong cái hòm mà ngày sống Thoa giữ gìn rất cẩn mật không cho ai được động vào, Trâm thấy dưới đám áo quần tất cả vốn liếng của cải của em. Tám chục bạc gói trong vuông nhiễu điều ; những đồ chơi trẻ con của Thoa hồi xưa gói trong cái khăn tay thêu đầu tiên ; cái lược gầy của Lạc, em trai nàng ; cái độn tóc của em gái ; cái ruột tượng dũi của bà mẹ, một hộp còn đựng những màu mực, tháp bút,

cái kính trắng của ông Tú vứt bỏ cùng với một quyển sách chữ nho mỏng gập đôi. Kỷ vật của các người thân mà có lẽ nàng vẫn yêu vẫn nhớ suốt đời trong sự lạng lẽ của nàng.

Riêng trong một túi bằng gấm lớn khâu theo kiểu phong bì, mấy thứ hàng lụa nàng định mặc khi lấy chồng, một cái lược ngà Trâm mua cho nàng, mấy bức thư của Tấn gửi cho vợ chồng Trâm và mấy tấm danh thiếp. Trâm bỗng chú ý đến một tờ giấy gập nhỏ, màu mực khác, trên đó một vài câu dập xóa trong những hàng sau này :

« *Cậu mợ tôi gửi lời hỏi thăm ông được bình yên. Từ ngày ông dời vào Sà-goòng, cậu mợ tôi vẫn thường nhắc ông luôn. Di tôi cũng bảo tôi gửi lời hỏi thăm ông và anh bé. Di tôi gửi vào làm quà cho anh bé hai tá mù-xoa lụa một cái nhẫn mặt ngọc và một đôi áo len.* »

Thì ra tờ giáp một bức thư. Nét chữ của Tuyên. Thư đề, ngày 12 tháng Tư năm 1920 : tám năm rồi. Biết bao nhiêu dẫn đo, bao nhiêu công phu trước khi nàng gửi được bức thư ấy.

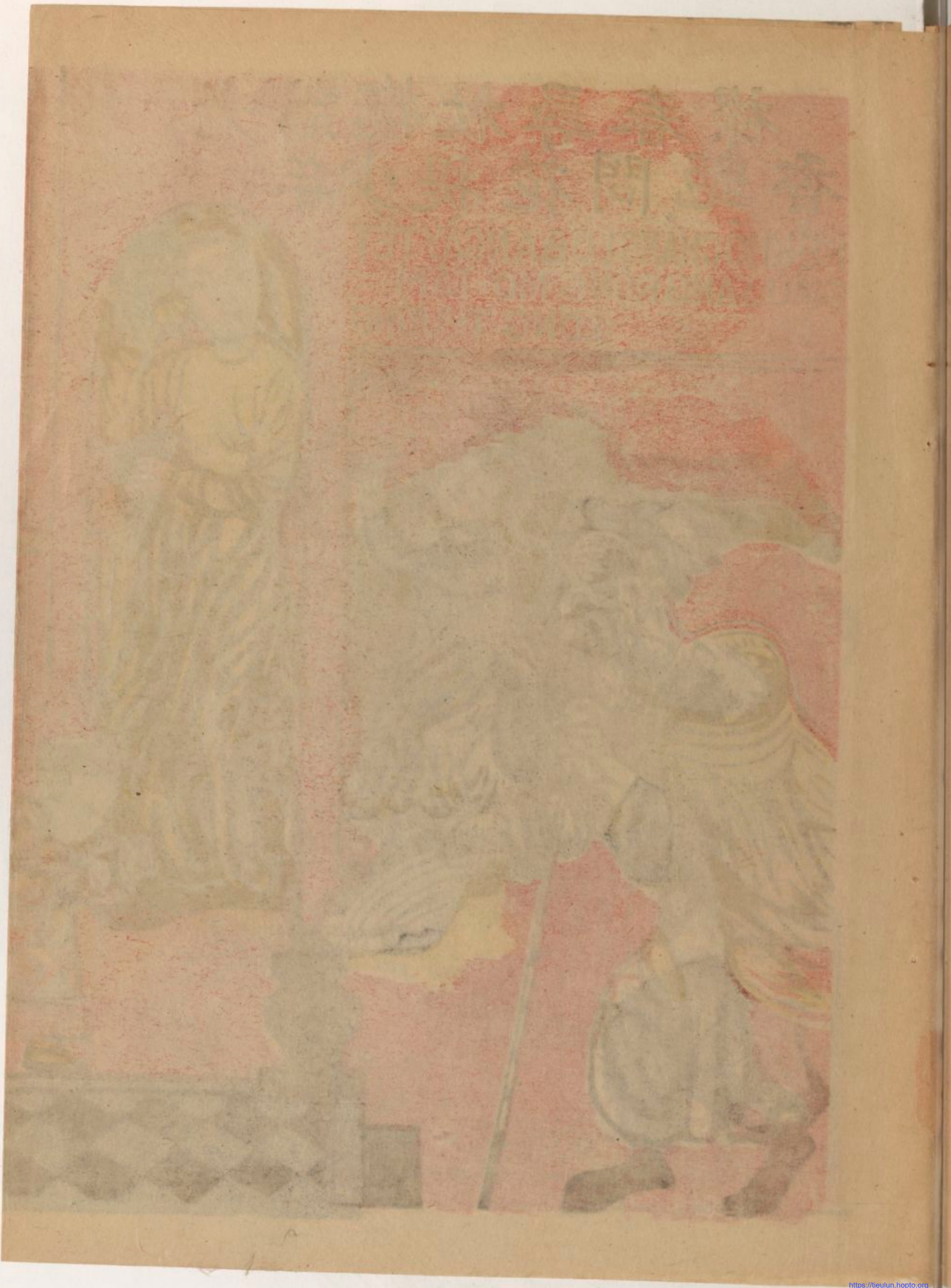
THẾ LỮ



老翁杖尋春
少年提花問艷香

KÊ KHỎ CHĂNG LO BANG AY TẾT
GIÀU SANG RỘNG MỞ TÂM
LÒNG THƯƠNG





VÂN MUÔI

KỊCH HUYỀN ẢO BA HỒI BẢNG THƠ

của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Đã diễn lần thứ nhất tại nhà Hát Lớn Hanoi hôm 12 Décembre 1942, do BAN KỊCH HANOI trình bày

CÁC VAI :

HOÀNG LANG...

VÂN MUÔI...

VƯƠNG SINH...

Vũ Hoàng Chương

Hoài Diệp

Lan Khai

HỒI THỨ NHẤT

Quả giờ Tý. Một đêm mưa về cuối thu. Hoàng-Lang ngồi một mình trong nhà. Căn nhà ba gian, bày theo lối thôn dã. Bàn thờ ở giữa, đằng trước là cái sập, vàng son đã phai mờ. Một bên kê chiếc giường tre, một bên kê một chiếc ghế trường kỷ và một chiếc bàn đều bằng tre. Trường kỷ kê sát tường có cửa sổ trông vào sân khậu. Phía tường bên kia là một bức họa cô gái thời xưa, áo hồng xiêm biếc. Trên bàn để mấy cuốn sách, bút, nghiên, bình rượu, khay trà và một ngọn nến đương cháy.

HOÀNG LANG (Một mình)

Sao lòng ta đêm nay buồn không thể nguôi ?
Niềm u uất dâng cao, thẳng ngày trời xuôi.

Há vì cơm áo chẳng no lành !

Há vì đời không ai mắt xanh !

Nhớ thuở xưa chưa có ta, đường đi thênh
thênh,

Kịp tới khi có ta, chông gai mộng mênh.

Cưỡng vọng cả mà thôi, bốn phương đều
vướng mắc.

Ba mươi năm trên vai, mà trông không
bình sinh.

(đứng dậy đi đi lại lại trong nhà)

Gối vải mộng phong hầu,

Vinh quang đường lối khép.

Thẹn trước, thương về sau,

Đời tàn trong ngõ hẹp,

(Ngồi xuống chiếc sập, lắng
nghe mưa và nhìn chung quanh)

Mưa lùa phen nửa khép

Ngày trắng theo nhau qua

Lá rơi đầy ngõ hẹp

Đời hiu hiu xế tà.

Ôi ! Ta đã làm chi đời ta ?

Ai đã làm chi lòng ta ?

Cho đời tàn tạ, lòng băng đá,

Sương mong manh quạnh chớm thu già.

Mãi mê theo sự nghiệp

Quá chớn lỡ giàu sang.

Mưa rơi, lầy ngõ hẹp,

Lá vàng bay ngồn ngang.

Đi vương nhau mười chiếc lá khổ vàng.

Xuân đời chưa hưởng kịp,

Mây mùa thu đã sang.

Giấc hồ nghe phấp phới,

Cờ biên nhịp mơ màng.

Đường hoa son phấn đợi,

Áo gấm vẽ sênh sang.

(Ngồi xuống trường kỷ, một lúc.)

Đường hoa về áo gấm.

Chao ôi ! Ta nhớ kiếp nào xưa... !

Tiền thân còn thoảng hương mơ

Lều tranh gối vải phai mờ vàng son,

Tình anh cũ ngậm hôn trong xác mới.
Ôi quê hương nghìn thu xa vời vợi !
Xóm làng xưa phơ phất cỏ bông thơm,
Ngát bình minh hoa quế nở tươi ròn.
Lá từng bách xanh màu trắng óng ả.
Giòng sông lặng, đôi bờ tơ biếc xòa :
Hàng thụ dương mơn mớn gió đùa rung.
Ngùn ngụt tươi đồng lúa bốc men nhung,
Suối róc rách êm đềm tuôn nhã nhạc.
Hơi sáo gọn hắt hiu nguồn nước bạc.
Chói vàng tươi, kim cúc lả lơi phỏ.
Lừng hương đưa tha thướt cỏ sương bồ.
Cánh lan nhược lằng lằng màu đỏ tia...
Quê hương ấy còn vang lời ước thệ
Ai nghìn xưa non bẽ hẹn hò nhau
Nguyệt mỗi manh vắng vặc sáng về đâu ?
Trơ bẽ cũ nằm xuống cầu nước chảy !
Đời tẻ lạnh, tiếc ngày qua lộng lẫy
Ai nghìn xưa xiêm áo thoảng mợt mòng.

Thôi còn đâu nữa mà mong
Cô gái đa tình thuở ấy !
Thuở nhựa sống hồn thiêng còn ngát rậy
Trong hương, màu, hoa, lá, khắp sơn khê.
Gỗ yêu đương mà đá cũng si mê.
Nghìn dặm cảm thông nhau
Âm Dương đường lối dễ.
Dăm gã thư sinh vừa lạc đệ,
Mười nàng xuân nữ sớm chìm châu
Cảm thông một phút bưng ân ái
Miếu nguyệt vườn sương gặp gỡ nhau.
Hỡi ơi ! dâu bẽ mòn thương nhớ
Gỗ đá còn trơ gỗ đá thôi !
Lớp lớp biên cương, tình chật hẹp,
Mùa xưa thông cảm đã qua rồi.

Qua rồi thuở ấy tình sâu nặng ;
Trắng mới cuồng si nộ bán khai.
Ta nhớ tiền thân, phòng bỏ ngõ
Giác hồ chưa một dáng Liêu-Trai.
(đi ra phía cửa sổ, nhìn ra vườn)

Ồ ! Gió lạnh bên ngoài, mưa lất phất

Buồn thu dằng dặc,

Bóng lẻ đêm dài...

(ngồi xuống trường kỷ, tựa
vào chõng sách, ngâm)

Cách tường hoa ảnh động,

Nghi thị ngọc nhân lai.

(rở sách ra xem. Sân khấu yên
lặng. Ánh đèn tối dần, chỉ còn
hắt hiu ngọn nến. Trong cùng
vách ở chỗ bức hoa, một thiếu
nữ y xiêm thời cổ, giống hệt
người trong tranh, dần dần
hiện ra. Ánh sáng từ từ đổi
sang màu xanh huyền hoặc.
Thiếu nữ tiến lại gần Hoàng
Lang, mỗi bước hài tiến lên
thời ánh sáng lại bừng lên
một chút.)

HOANG LANG (vẫn trông vào sách
ngâm.)

Cách tường hoa ảnh động,

Nghi thị ngọc nhân lai.

(Thiếu nữ dừng lại, bèn
chiếc sập giữa. Chợt Hoàng
Lang ngừng đầu lên, sửng
sốt đứng phắt dậy, tay vịn
vào thành ghế, nhìn chung
quanh rồi ngáp ngừng trông
thiếu nữ, từ xiêm áo tới
dung nhan).

THIẾU NỮ

Em đây mà, Hoàng Lang !

(thấy Hoàng vẫn đứng yên) :

Hoàng Lang ơi !

Em đây mà ! Kìa sao anh ngờ ngác ?

Anh nhìn em ! Ồ, cái nhìn kinh ngạc !

Làm như em xa lạ lắm không bằng !

HOÀNG LANG

Trời ơi này !

THIẾU NỮ

Anh mê ngủ rồi chăng ?

Không, không phải ! Rõ ràng anh vẫn thức,
Đang nhớ tiếc thời xưa, ngồi bực tức,
Em rén nghe từ lúc mới vào đây,
Gió ngoài kia thổi tả cánh hoa gầy
Mưa sơ sác mấy hàng cây ủ rũ.
Em biết chứ ! Rõ ràng anh chưa ngủ
Rõ ràng anh vừa cất tiếng ngâm thơ.

HOÀNG LANG (vẫn nhìn thiếu nữ, nói
thều thào như nói một mình).

Có lẽ nào ! Hay mình đã nằm mơ ?
(nhìn chung quanh, trên bàn)

Không ! Nến, sách vẫn còn nguyên chỗ cũ.
Ta vẫn ngồi đây, lẽ nào đã ngủ.

THIẾU NỮ (cười)

Kìa, Hoàng Lang ! anh vẫn cứ nhìn em ?
Lạ lùng chưa ! Anh vẫn đứng nhìn em !

HOÀNG LANG (hai tay bóp trán)
Mình vẫn tỉnh...
(nghĩ ngợi) Hay là... !

THIẾU NỮ (sửa lại mái tóc)
Ồ, lạ thực !

Anh Hoàng đã quên em rồi đó chắc ?
Em đây mà... Vân Muội, ở làng trên.

HOÀNG LANG
(nghĩ ngợi, rồi rần kinh ngạc)
Ở làng trên, Vân-Muội ở làng trên ?
Cô Vân-Muội ! Kỳ chưa ! Ai thế nhỉ ?
(Đánh bạo tiến lên một
bước đứng ở đầu bàn)

Nhưng, đêm vắng, lại trời mưa rầu rĩ
Cô tìm ai mà liêu lĩnh phong sương ?

THIẾU NỮ (cười to)
Em tìm ai ?
(cúi xuống mân mê giải áo, ngâm)

« Quãng vắng đêm trường
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa. »

HOÀNG LANG (lặng tai)

Tiếng ngân dài nghe quên lắm ! Hay là...
Nghìn thu cũ... Hay là đây... Chẳng lẽ ..
(nhìn lại thiếu nữ từ đầu
đến chân, rồi chợt đổi sắc
mặt kinh hoàng ra hớn hờ, giơ
hai tay lên nói to hơn)

Nghìn thu cũ ! Chính người xưa ước thế !
Chính em rồi, ta vẫn nhớ, chưa quên.

THIẾU NỮ (vui vẻ, cúi đầu)
Ta lòng anh còn nhớ tới, chưa quên.
Nhưng lúc này sao anh hờ hững thế.
Em giận quá ! Mà sao anh cũng tệ ?
Chẳng hề ban một tiếng đề em ngồi.

HOÀNG LANG (nói một mình)
Chính nàng đây, nghìn thu cũ xa xôi !
(tiến lại gần)

Em ! Bỏ lỗi cho anh ! Đừng chấp nhé !
(hơi kéo thiếu nữ về mình,
rồi dúi xuống, đặt ngồi trên
sập và ngồi liền sát cạnh)

Em đã gọi gió mưa, liêu vắng vẻ,
Đến cùng anh ! Tình sâu nặng biết bao !
Này, mưa còn vương đây, trên nếp áo hoa
đào.

Này lắm cả đôi hài thêu nhỏ nhắn.
Chừng lạnh thấu đôi bàn chân xinh xắn ?
Thực đây mà ! Ô tội nghiệp em tôi !

THIẾU NỮ (cảm động)
Em nhớ anh ! và mưa gió sục sùi
Càng khêu gợi đêm nay tình khắc khoải
Càng giục giã tấm lòng ém diên đại,
Càng như xui em liêu bước tìm anh

HOÀNG LANG (gật đầu gần như ngấm
một mình)

Nghìn thu qua chưa dứt mối u tình !

THIẾU NỮ (cướp lời, giọng nũng nịu)
Đề em nói ! Gớm ! Mưa hoài, anh ạ !

Gió viũ vút, đường trơn dầy xác lá.
Hơi may trùn, tê lạnh cả hai vai.
Buốt đôi chân, và run rẩy nhịp hài.
Nhưng lúc ấy, tâm hồn em phơi phới.
Chẳng lưu ý gió mưa, lòng khắp khởi.
Vui như vui đàn trẻ tết trung thu !
Em tìm anh, và một mối tình u
Sẽ bày dài... Và anh Hoàng sẽ hiểu,
Sẽ thương em... (ngước mắt nhìn Hoàng
Lang)

HOÀNG LANG (kéo sát vai thiếu nữ về
mình âu yếm)

Trời ơi ! cảnh lệ liễu
Đầm gió mưa, về, xuôi nẻo thời gian.
Em tìm anh, cời lại giấc mơ tàn.
Bao kiếp trước, nghìn thu dang đặc hận ?
Em, kiếp ấy, đã phai nhòa son phấn,
Giữa thời xuân, cảnh gầy một thiên hương.
Đề mái Tây trầm nhạt giáng ghé thương.
(nhìn lại thiếu nữ trừng trừng.
Thiếu nữ tỏ vẻ ngạc nhiên.)

Em đây mà ! Ta có làm sao được !
Chính cô gái đa tình muôn kiếp trước !
Ta chờ em ! Mong đợi mãi ! Lâu rồi !
Chính là em, nghìn thu cũ xa xôi !

THIẾU NỮ (vẫn ngạc nhiên)
Hoàng Lang ! Anh nói gì, em chẳng hiểu ?

HOÀNG LANG (vẫn say sưa như cũ)
Thôi kiếp trước đường tơ sai lối điệu,
Tà áo xanh đầm ướt lệ tương tư
Nỗi nhớ thương dang đặc đến bây giờ !
Nay lại gặp, và đây lời ước thề
Chưa rời đôi với bao lần dẫu bề,
Em tìm anh, mà anh vẫn chờ em.
Qua bao nhiêu đời kiếp, đây em xem,
Tình ta vẫn y nguyên tình thuở trước.

THIẾU NỮ
Ồ Hoàng Lang ! Anh điên rồi đó chắc ?
Anh nói gì tiền kiếp với tiền duyên ?

Em đây mà ! Vân Muội ở làng trên.

HOÀNG LANG
Ừ ! Vân Muội ! Em mà ! Chính phải !
Chính em rồi, cô gái si mê
Ngàn xưa đã lỗi duyên thề
Cùng ta mưa gió nương về đêm nay.

THIẾU NỮ
Anh điên rồi ! Chừng anh đã quá say !
Hoang đường quá, những lời anh đã nói
Em chẳng hiểu ! Em chỉ là Vân Muội,
Em chỉ biết rằng em là Vân-Muội
Ở làng trên, vì nhớ, tới thăm anh !
(Hoàng Lang hơi ngạc nhiên, rút tay
về, thì thiếu nữ ngập ngừng nói tiếp)

Hoàng Lang ơi, hồi năm ngoái, tiết thanh
minh,
Em đã gặp... đã thầm yêu từ đấy !
Anh còn nhớ gì không ? Xuân buổi ấy
(Giọng mơ màng) Màu cỏ non xanh rợn tít
chân gò

Lúa xôn xao từng đợt sóng dầy voi...
Đường nhỏ nhỏ em cùng anh giao bước.
Anh đắm đắm mãi trông về phía trước
Rặng non đoài trôi bạc những tơ mây.
(giọng tha thiết)

Nhưng lòng em thời từ bấy đến nay
Vẫn mơ ước sẽ một ngày trao gửi.
Này, tơ nhện đã chăng đầy khung cửi,
Đĩa dầu hao, em ngồi lắng đêm sâu
Thoi ngừng đưa, kim chỉ ngại đường khâu,
Bỏ mặc cả nông tâm, dẫu chẳng hái.
Em bỗng bột, đề tình yêu cuồng dại
Chiếm lòng em, tình u ần thơ ngây,
Một năm rồi, mà anh vẫn không hay !

HOÀNG LANG (ngồi lùi ra một chút, ngạc
nác)
Có lẽ nào ?

(lại nhìn xiêm áo thiếu nữ,
về mặt lại đổi ra hớn hở,

Thôi ! Em đừng chối cãi.
Chính em là cô gái kiếp nào xưa !
Nghìn thu này chẳng còn ngờ.
Thời gian không chút phai mờ áo xiêm.
*(lại nhìn, cầm nâng lên
vạt áo của thiếu nữ)*

Rõ ràng em ! này dấu vết còn nguyên
Thuở gặp gỡ xa xôi, từ kiếp trước.
Anh vẫn nhớ ! Có quên làm sao được !
Dấu luân hồi, tâm khảm chẳng mờ phai
Mỗi tình xưa, mộng cũ, với hình ai !

THIẾU NỮ *(gục đầu vào vai Hoàng-Lang,
thôn thức,*

Em chỉ biết... Em chỉ là Vân Muội
Gái làng trên, và yêu Hoàng đắm đuối.

HOÀNG LANG
Ồ Vân Muội, kiếp nào xưa đắm đuối !
Kiếp này đây, Vân Muội gái làng trên.
Không ! lâu rồi, anh vẫn chỉ yêu em,
Kiếp này đây cũng như nghìn kiếp trước.
Ta nổi lại mong manh lời thệ ước
Và từ đây một bước chẳng rời nhau.

*(Một tiếng động nhỏ, Vân
Muội chợt kéo tay về nhìn
ra cửa, ánh sáng hơi chuyển
sang màu trắng đục của bình
minh.)*

THIẾU NỮ *(hốt hoảng)*
Có ai gọi !

HOÀNG LANG *(vẫn điềm nhiên)*
Không mà ! Con gió thoảng
Đập cành cây, trút lá xuống vườn khuya.

THIẾU NỮ
Không ! Rõ ràng tiếng gọi, đây anh nghe.

HOÀNG LANG
Mưa đó chứ !

THIẾU NỮ
Trời ơi, gà đã gáy.
Ai đập cửa rõ ràng, anh đứng dậy
Thử ra xem.

HOÀNG LANG *(Đứng dậy, bước đi vài
bước nói một mình).*
Có lẽ hẳn ta về.
Gớm ! Đi đâu thì chèn chén một mẻ !
(Quay lại nói với thiếu nữ)

Em cứ ngồi yên, chờ anh một chút.
*(thong thả đi ra cửa, mở
then, trong khi ấy thiếu
nữ rón rén vòng cái sập
biến vào sau bàn thờ, vội
vã quá bỏ quên đôi hài)*

Chà ! Gió mới đầu thu mà lạnh buốt !
Có ai đâu ! Chỉ là gió qua thôi !
*(khép cửa, cài then, quay
lại nhìn không thấy ai,
bước mấy bước băng qua,
rồi ngơ ngác tìm)*

Ồ hay kia, Vân Muội đã đâu rồi.
Ta mê ngủ ? Có lẽ nào ! Vô lý quá !
(chỉ vào giường)

Vừa ngồi ở đây mà ! Không nhẽ đã...
*(Ngơ ngác một lúc, chợt
nhìn thấy bức tranh, ánh
sáng trắng dần dần.
Hoàng lùi lại, bóp đầu
rồi liến lên, mò vào nền
lạ bức vẽ, dụi mắt)*

Trời ơi ! Minh hoa mắt rồi chẳng !
*(Vuốt mái tóc ở trong
tranh, lùi lại)*

Chính là Vân, còn vô lý nào bằng !
(Vuốt ve áo xiêm ở trong tranh)

Cũng chiếc áo đào tươi, xiêm cánh chắt.
Cũng giải điều óng ả bó lưng thon.
Làn môi này cũng màu son,

Phất phơ mái tóc nghe còn đậm hương.
(lùi xa ra ngắm nghía)

Đôi khoe hạnh, nhớ thương tràn sóng
Giọt mưa thu mờ đọng hai vai
Cong cong hàng liễu mi dài
Gấm thêu cánh phượng, đôi hài xinh xinh.
(lùi ra nữa, chân đứng phải
đôi hài cầm lên vuốt từng
đường thêu, giọng ảo não)

Sao Vân lại bỏ mình như vội vã ?
Gái làng trên ! Hay ấy gái Hồ Ly
Đã cảm thông trong một phút dị kỳ
Đêm mưa gió hiện về !

(Lại ngắm đôi hài) Không có lẽ !
Đây trước mắt đôi hài to nhỏ nhẹ,
Rành rành đây cánh phượng gấm thêu hoa
(Vẫn cầm đôi hài, đi đi, lại
lại, chợt nhìn lên bức họa)
Lại bức tranh ! huyền hoặc quá ! ... Hay
là...

Không ! Vô lý ! Rõ ràng ta ngồi cạnh
(đăm đăm nhớ lại phút
qua chợt giật mình)

Má đào lợt, đôi bàn tay buốt lạnh !
Dễ thương...
(Lại chần tỉnh ngay, lắc đầu)

Không ! Mưa gió nẻo đêm dài
Trách gì không tê da vóc đào mai.
Chứ lẽ đâu người trong tranh hiện xuống !
Người trong tranh ? Họa chẳng là tưởng
tượng !
(Ngồi xuống sập chỗ cũ)

Rõ ràng đây, ta vừa mới ngồi bên.
(Nghĩ ngợi)

Hay chỉ là cô gái ở làng trên
Tìm đến ngõ nỗi niềm yêu nhớ đây !
Ừ ! Có lẽ cô nàng xinh đẹp ấy
Quá mê si, liễu cả gió mưa đêm.
Nhưng mà ! Sao lạ quá ! lại y xiêm ?
Đôi hài nữa ! Lối thêu từ thượng cổ ?
Sao đương lúc ái ân còn nói dở

Đã vội đi, không từ tạ một lời.
(Đi ra phía cửa sổ
nhìn ra ngoài)

Có lẽ nào lại trèo qua khung cửa,
Chất non mềm tha thướt dáng đào mai
Nhưng Nàng là ai ? Vân-Muội là ai ?
(Một lát) Gió mưa khuya nức nở suốt đêm
dài.
(Quay trở vào lắc đầu
chán nản, ngám)

Cách tường hoa ảnh động
Bất kiến ngọc nhân lai.
(Ngắm dứt câu, ngồi xuống ghế.
Gục đầu xuống bàn, đèn nấp dần
biến sang màu hồng nhạt.)

HOÀNG LANG (nhắm mắt, nói giọng mê
sảng).

Em là ai ? Vân-Muội, em là ai ?
(Gió chợt thổi tắt nến,
một tiếng gà xa xa)

MÀN HẠ, HẾT HỒI THỨ NHẤT

HỒI THỨ HAI

(Cũng cạnh ở hồi thứ nhất. Khoảng
giữa giờ thìn (8 giờ sáng). Mở màn
lên Hoàng Lang vẫn gục xuống
bàn. Có tiếng gõ cửa. Hoàng Lang
trở mình, nói mê sảng.)

Vóc hoa mềm, ôi vàng trán băng sương !
(Có tiếng hát ở ngoài)

Quế chạo hè lan tương
Kịch không mình hề tổ lưu quang.
(lại có tiếng gõ cửa. Hoàng Lang
ngồi thẳng dậy lắng nghe. Ở ngoài
tiếng gõ cửa sen vào tiếng hát :)

Diều diều hề dư hoài
Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương.
(Hoàng Lang đứng dậy ra mở cửa)

VƯƠNG SINH (*lảo đảo bước vào :*)
Góm ngủ đến bây giờ còn tiếc giấc !

HOÀNG LANG

Này Vương ạ ! Thực lý kỳ hết sức !
Một giai nhân vừa hiện đến tìm tôi !
Trông đêm khuya...

VƯƠNG SINH (*cướp lời, giọng chế riễu*)
Và rử rĩ kẻ vai
Cùng anh nói những lời thơm ngọt chứ !
Nào hẹn bề thề sông, nào sắt son đèn giữ !

HOÀNG LANG (*ngạc nhiên*)
Ờ, sao anh biết cả thể Vương Sinh ?

VƯƠNG SINH (*cười, giọng tự phụ*)
Tôi còn lạ gì anh, một gã si tình.
Bọn thi sĩ các anh đều thế hết !
Vả lại, có gì đâu, mà chả biết !
Một giai nhân — anh vừa nói đấy thôi —
Đến tìm anh, khi mưa gió đầy trời.
Người ta chẳng yêu anh mà lại thế.
Và đã hẳn có những lời ước thề
Nào ghi tạc đá vàng, hương lửa dài lâu
Nào trăm năm nghìn kiếp chẳng lìa nhau.
Nào ..

HOÀNG LANG (*ngắt lời vỗ vai bạn*)
Không không ! Nếu chỉ là có thể
Thời còn chi mà huyền bí phi thường !
(*Nói hạ giọng, mờ
màng, giơ hai tay*)

Đây là hương, chỉ một thoáng trầm hương,
Chỉ là bóng trong phút giây hiện hiện,
Một bóng dáng mờ thơm, kiêu diễm
Nói những lời như văng tự xa xôi
Như âm u từ cùng đáy luân hồi.

VƯƠNG SINH (*vẫn chế riễu*)
Ừ hay đấy ! Tội gì không tưởng tượng,
Không bịa đặt phút mê ly mà tận hưởng.

Đời tầm thường đâu có chuyện nên thơ !
(*nhún vai lắc đầu*)
Nhưng mà tôi, tôi không tin có thể được
bao giờ.

HOÀNG LANG (*say sưa gần như nói một
mình*)

Như ở truyện Liêu Trai, nàng chột hiện.
Như một gái Hồ-Ly nàng chột biến.
Trong phòng đây, chính ở chỗ này đây.
(*trở vào giường, cạnh
chỗ Vương, trong khi
ấy thì Vương lắng tai
nghe rồi đắm đắm nghĩ
ngợi*)

Dáng xiêm y phấp phới chấp chừng bay,
Tóc huyền ảo một làn hương lạ lắm !
Ồ ! Sao lại có những lời mê đắm,
Những bàn tay mịn nhỏ, mát như băng,
Dịu như tơ, mà tơ muốt nào bằng !
Lại cả một đôi chân mềm, uyển chuyển,
Dần đôi hài gấm thêu đường kim tuyến.
Đôi hài thêu, cánh phượng múa long lanh.
Ờ đôi hài ! Tôi sẽ lấy khoe anh.

VƯƠNG SINH (*ngiht ngợi, trong khi ấy
Hoàng đi tìm đôi hài*)
Kỳ lắm nhỉ ! Một đôi hài bỏ lại
Cho người yêu sau phút nồng ân ái
Chột hiện lên rồi chột biến dần đi.
Hừ ! Để thường đây cũng chuyện Hồ-Ly ?
(*Chỉ vào Hoàng, cao giọng*)
Và anh đấy, một chàng si tốt phúc.

HOÀNG LANG (*bực tức*)
Ồ lạ quá !

VƯƠNG SINH (*vẫn chưa hiểu*)
Nào xem nền gấm vóc,
Nào xem đường cánh phượng chỉ vàng
thêu
Chút thiêng liêng, di vật của người yêu
Huyền hoặc ấy ! Nào xem...

HOÀNG LANG (*ngạc nhiên*)
Kỳ quái thực !

VƯƠNG SINH
Nào xem thử, xem vàng tơ gấm vóc
Có khác gì, xem có khác phẩm gian
*(nhìn Hoàng Lang như
trách chàng lâu quá)*
Nào thử xem gấm vóc với tơ vàng !

HOÀNG LANG
Thực lạ quá ! Thực vô chừng kỳ quái !
Đôi bài gấm rõ ràng vương rớt lại
Khi nàng như vội mãi biến vào đêm
Tôi nâng niu, từng sợi chỉ ngắm xem.
Rõ ràng đã trong tay cầm đó chứ
Mà bây giờ, khắp nơi tìm, không thấy nữa.

VƯƠNG SINH
Hay là anh mơ ngủ đấy, Hoàng ơi !
Một giấc mơ kỳ diệu nhất trên đời.

HOÀNG LANG
Có lý nào ! Không mà ! Tôi vẫn tỉnh
Đây trước mắt, còn thướt tha hình ảnh,
*(chỉ vào quăng không
trước mặt)*
Áo hoa đào xiêm cánh chằm êm trôi.
Rõ ràng, đây, nàng tiến lại gần tôi,
Và đây nữa, chỗ nàng ngồi e lệ

*(hai người cùng im lặng,
Hoàng Lang bức tức đi
quanh nhà, thở dài, rồi nói
to vào quăng không)*

Ồ Vân Muội ! có lẽ nào như thế !
Em trên anh, độc ác quá, sao đành ?

VƯƠNG SINH (*tưởng Hoàng nói với người
trong tranh*)
Hoàng điên à ? Cô gái đẹp trong tranh
Có hiểu được gì đâu mà gọi chứ ?

HOÀNG LANG
Không anh ạ, tôi trách người thiếu nữ

Đã hiện lên, rồi còn nỡ biến đi,
Như trên tôi, đùa cợt gã tình si.
Ôi độc ác là Vân ! Tàn nhẫn quá !

VƯƠNG SINH
Thì chính đó tên cô nàng ông ả

HOÀNG LANG
Cô Vân ?

VƯƠNG SINH
Ừ, Vân Muội, gái làng trên,
Chính người mà tôi mê vẽ đẹp thần tiên
Của đôi mắt, của tấm thân kiều mỹ,
Người tôi đã, với tình thiêng nghệ sĩ
Yêu thiết tha, và đem hết say sưa
Cổ hình dung bằng nét bút thô sơ.
Trên tấm lụa, một đôi phần thanh quý
(chỉ vào bức vẽ)

Bức tranh đó anh trông !

HOÀNG LANG (*giơ hai tay lên trời*)
Hừ ẹ nhỉ !
Gái làng trên mà the gấm, vàng, tơ !

VƯƠNG SINH (*trở vào bức vẽ*)
Áo xiêm này, tôi theo kiểu thời xưa,
Tự ý khoác lên nàng trong bức vẽ,
Cho bật nổi dáng thướt tha kiều lệ.
Mà tài tôi không ghi được với vành khăn,
Với chiếc nón chùng quai, nếp áo tư thân.
Vân Muội đấy...

HOÀNG LANG
Người đem qua vạt hiện
Ngổ thương nhớ phút giây liền vạt biển
Để quên bài, vàng thêu gấm, một đôi,
Mà giờ đây tìm cũng mất đâu rồi.

VƯƠNG SINH
Hay là... Phải... Anh Hoàng ! Thôi, có lẽ
Người đem qua, chính người trong tranh vẽ
Chỉ là cô Vân Muội gái làng trên.

HOÀNG LANG

Anh Vương ơi ! Này, cả một tiền duyên
Đã sức thức, dưới bước chân mềm mại.
Tôi cảm rõ không còn trong hiện tại.
Cánh hồn si bay ngược lối thời gian
Nàng, nghìn xưa hương sắc đã phai tàn
Để riêng hận cho lòng tôi kiếp ấy.

VƯƠNG SINH

Để thường phải chính nàng Vân Muội đấy.
Hay là ta thử tới xóm trên xem
Trưởng huynh nàng, tôi cũng đã từng quen
Ta sẽ hỏi, may ra mà biết rõ.
Nàng Vân Muội bồ côi từ thuở nhỏ,
Mười lăm năm chung sống với người anh
Sống đơn sơ trong một túp lều tranh
Giữa vườn huệ ngạt ngào hoa trắng muốt.
Bên cổng trúc, đã bao lần dừng bước,
Tôi mê say trộm ngắm bóng hồng trôi.
Một nụ cười luôn thắm ở trên môi.
Nàng thong thả tưới vun từng gốc huệ.
Và phấp phới trong hoa màu diêm lệ
Tôi mơ màng như chợt thấy y xiêm
Của Hằng Nga đầu đó dạo cung Thiềm.

HOÀNG LANG (lơ đãng ngắm bức tranh)
Chà ! Nét bút Vương Sinh kỳ diệu thực !
Hệt như người đã tới lúc đêm qua.

Tiền thân mờ thoáng xa xa
Ai nghìn thu cũ la đà áo xiêm !

VƯƠNG SINH (cũng ngắm tranh)
Đây cô gái làng trên, Vân Muội !

HOÀNG LANG
Như in người đã tới, lúc đêm khuya
Tiền thân ai lối duyên thề
Nhớ nhau, mờ thoáng hương về mong
manh.

VƯƠNG SINH
Cô Vân, người vẽ trong tranh
Ở gần đây, túp lều gianh, cách làng.

HOÀNG LANG

Đâu nghe còn vẳng tiếng Nàng
« Em là Vân Muội ở làng trên đây. »
Ôi não nuột, bàn tay mát rượi !
Ôi hào quang bừng phới xiêm y !
Cong cong nét liễu hàng mi
Lâng lâng thoáng nhịp hài di chấp chớn.

VƯƠNG SINH

Thôi, ta hãy đến làng trên thăm hỏi,
Tôi sẽ tìm Vân Muội giúp cho anh

HOÀNG LANG

Nghìn thu may nối duyên lành
Đời sau kiếp trước tơ mảnh vẫn vương.
(hai người giắt nhau vào, màn hạ)

HẾT HỒI THỨ HAI

..

HỒI THỨ BA

Cũng cảnh cũ. Hồi cuối giờ hội (hơn
mười giờ đêm). Hoàng Lang một mình.
Ánh sáng vàng. Nến cháy. Trên bàn thêm
một chiếc hộp mở nắp trong có một chiếc
thoi, một chiếc lược, một đôi mặt gối thêu,
một chiếc khăn lụa nhỏ và một chiếc gương
con. Trời vẫn mưa như đêm trước.

HOÀNG LANG

Cảnh mưa lá giò rơi bởi
Gió mưa sùi sụt khóc người hồng nhan
Thôi rồi ngọc nát hương tan
Trầm luân mấy kiếp, hồn oan vẫn đây.

Hoa tưởng bóng, hương gây mùi nhớ
Duyên cùng ai đã lỡ nghìn thu,
Ngày nay một mối tình u
Cung đàn lại cũng phím tơ rã rời.

Hận một kiếp muôn đời chẳng nát
Vừa đêm qua nàng dạt về đây

Sóng thu rờn rợn hơi may
Bâng khuâng nét liễu đôi mày cong cong.

Thôi thế nữa là xong trời hỡi
Thôi rồi em Vân-Muội nghìn xưa !
Kiếp này dân cũng sai tơ
Áo xiêm thoảng mộng gió mưa quanh
thêm

Ôi Vân-Muội, vừa đêm hôm trước
Em về đây nhẹ bước hải thêu
Phất phơ giải áo the điều
Mở sương đôi má đào yêu thẹn thùng.

Vừa đêm trước hoa đang bừng hiện
Xiêm bay dài, em đến gần ta
Áo hồng phơn phớt mưa sa
Gió tung vòng tóc, bùn pha gót hải.

Em đã chết ! Thôi rồi Vân-Muội !
Còn nói chi rằng nỗi tiền duyên
Đành thôi nghìn kiếp vô duyên
Luân hồi, đây vẫn còn nguyên hận tình
(Đi đi lại lại, đến gần
chiếc bàn. Cầm lấy chiếc
hộp, lại đặt xuống thở
dài. Đi ra giữa sân khấn)

Em đã chết, giữa đêm mờ thê thảm
Đêm vừa qua u ám một trời mây.
Hỡi ơi ! Đây di vật hãy còn đây

Bao xiết kể nỗi niềm ta kinh ngạc
Lúc nghe tin em đã lánh trần gian.
Ôi ! Tha thiết những lời em ký thác
Gửi cho ta, khi hơi thở điều tàn.

Trưởng huynh em đã cùng ta thuật lại
Những lời em bày giải phút lâm chung
Niềm nhớ thương sâu nặng thực vô cùng !
Em Vân-Muội, thực si tình quá lắm !

Từ buổi ấy, một chiều xuân dầm ảm
Tiết thanh-minh nô nức mấy làng bên

Em gặp ta con đường tới thôn trên
Và thăm kín yêu mê từ phút ấy.

Em yêu ta ! Như vừa nghe bừng rậy
Cả tiền thân trong cùng đáy tâm linh,
Em yêu ta với tất cả u tình
Mang nặng suốt luân hồi chưa thỏa mãn.
(Ngâm dài)

Giòng lệ thiên thu tình chữa cạn
Màu hoa cách đại, ý còn tươi.
Trái duyên, thề lỗi từ bao kiếp
Đôi xác hồn si vẫn một người.
(Lại gần bàn, cầm chiếc
thoi, giờ tên ngắm nghía
vượt ve)

Đây di vật, chiếc thoi nàng vẫn dệt
Tay đưa thoi mà lòng hướng về ta
Lá vàng rơi khung cửa nguyệt chênh tà.

Như tưởng, thấy rợn màu da trắng muốt
Đôi bàn tay nào nuốt giá hơi sương
Ở thoi này ; nghe dịu ngọt còn vương.
Trên mảnh gỗ dư hương người mệnh bạc.
(Đề chiếc thoi vào hộp, cầm
ra một chiếc lược đổi mới)

Còn đây nữa ! trời ơi, này chiếc lược
Nàng vẫn cài trên mái tóc bông bênh.
Màu tóc mun còn gửi chút u tình
Qua những chấm đôi môi nâu thắm nhạt

Ôi Vân Muội, áng tóc mun huyền hoặc
Đằm gió sương khi nàng hiện về đây
Mấy vòng cong vại sợi gió tung bay !
Còn đâu nhỉ ! Trời ơi ! Nàng đã chết !
(bỏ chiếc lược, cầm đôi mặt gối)

Và đây nữa ! Chính tay nàng dệt,
Nền gấm hồng, đôi mặt gối xinh xinh
Chỉ vàng tơ nàng đã khéo thêu hình
Đôi cánh phượng long lanh màu chói lọi.

Nàng đã chết ! Còn trao đôi mặt gối
Về cho ta, chừng gửi nỗi chờ mong !

Chao ôi ! Hoa chúc động phòng !
Giờ đây u hiễn riêng lòng héo hon.

Nàng đã chết, để hương hồn bàng bạc
Lướt về đây khi thoát xác đêm qua

Hài xiêm mờ thoáng bóng ma
Lòng đau cỗi mở cùng ta một phần.

(Lại gần bàn, cầm chiếc khăn lụa)

Lại còn đây nữa, vuông khăn
Gói bông hoa huệ trắng ngần làm ghi.

Hoa chưa héo, còn y hương sắc

Lụa nồn thơm càng nhắc màu da

Cối âm mù mịt nẻo xa

Lung linh đáng lụa, hồn hoa chấp chờ.

(cầm chiếc gương)

Ồ đây nữa chiếc gương nàng vẫn giắt
Mang trong mình cho tới khắc lâm chung.
Nhường trong đây còn chìm đọng hoa dung.
(ngâm)

Gương soi ần hiện màu nhan sắc

Tình gửi hồn oan bóng nảo nùng

*(Hoàng Lang vẫn cầm gương ngẫm
nghĩa. Đèn tối dần, chuyển sang
màu xanh, trước nhạt sau thẫm)*

HOÀNG LANG *(trông vào gương)*

Ồ kia ! Bóng em Vân này. Rõ rệt
Vẽ y xiêm từng nét chẳng phôi pha.
Chính em rồi, Vân Muội nửa đêm qua
Kìa ren rén nhịp hải to diễm ảo.

Gió trong tóc và sương trên tà áo
Giải xiêm điều phơ phất lại gần ta
Ở trong gương từng nét chẳng phai nhòa
Ồ, đây nữa, cánh tay ngà óng chuốt.

Cài lại hoa trên mở tóc bông bênh
Một bông huệ, trời ơi, màu trắng muốt
Còn dăm-sương và ngậm ánh bình minh.
Em Vân rồi, em Vân Muội của anh.

*(cánh song chợt hé. Một luồng gió
lạnh ủa vào. Hoàng Lang bàng hoàng
quay lại, chợt thấy bóng mình lờn
động trên bức tranh. Mê man, Hoàng
chạy tới, ghi bức họa vào lòng :*

Em Vân Muội ! Trời ơi ! Vân, Vân Muội !

MÀN HẠ HẾT

Tĩnh Mịch trang, thu Ngâm Ngộ

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

THA HƯ'ONG

ĐOÀN THIÊN của TƯỜNG BÁCH

« Một buổi cuối năm trong nhà thương », có thể lấy câu đó làm phụ đề tóm tắt cả những trang dưới đây của tác giả. Những ý nghĩ, những nhân vật, những cảnh tượng ở đây tả ra một cách phác thực, không có những nét vẽ hoa thông thường. Tình thương trong lòng, vẻ thâm đậm của một nơi đau khổ, sự ai nghiệt của số mệnh, tác giả không nói ra, hay không nói bằng cái giọng cảm động quá rõ ràng của sự nồng nôi. Một đôi thanh niên quấn quít nhau ở trong sự hoạt động lạnh lẽo của nhà thương ; một người bệnh đến lúc không thể cứu được. Sự sống ở bên cạnh sự chết cay nghiệt, và cuộc đời chung quanh vẫn thản nhiên, ngộ nghĩnh, ích kỷ và nhỏ nhen.

ĐẶT chân lên mấy bậc đầu tiên, Hoàng thấy cái cầu thang chiều ấy như kém vẻ quen biết, và tự dưng, chàng đứng lại nhìn ra cửa sổ. Chưa bao giờ cái khung cửa rộng nổi lên rõ rệt như thế : đằng sau, trên mấy cây liễu nhỏ mới nhón lên, và dây buông trẻ con nằm, mây kéo dần qua ánh nắng cuối đông.

Chỉ còn một mình chàng trong nhà thương. Chương, người bạn Trung-kỳ của chàng, buổi trưa đã khăn khăn với chàng « gác » hộ đề lên phố.

— Chắc nó lại tìm đến nhà vợ chưa cưới của nó chứ gì ?

Một người như Chương cũng còn quyến luyến những thú vui tầm thường ở gia đình ; Hoàng lắc đầu, mỉm cười một mình. Nhưng tiếng cười dần dần bỗng nổi ngay ở trên đầu, Hoàng hơi cau

mặt, bước vội lên. Chàng bắt gặp người khản hộ đương đưa cùng mấy bệnh nhân trong phòng, tự nhiên chàng nhìn xuống tay, tuy lúc ấy chàng đã biết rõ là mấy giờ từ lâu :

— Mới có ba giờ hơn mà họ đã bỏ cả công việc, không biết chốc nữa sẽ ra sao ?

Chàng dẫn bước mạnh hơn. Tiếng cười nói dứt hẳn, vài bước chân uể oải về giường. Hoàng đưa mắt nhìn qua phòng bệnh, và không hiểu tại sao lòng hơi vui : trong buồng đã vắng đi quá nửa, chắc chỉ xem qua độ nửa giờ là xong việc. Tuy nghĩ thế, nhưng chàng vẫn bức tức vì người ta đã quên công việc mình, một ngày ba mươi tết có gì khác ngày thường đâu ?

Theo lệ, quen miệng chàng hỏi người khản hộ theo sau :

— Hôm nay có ai mới vào không?
Người khán hộ trả lời rất lơ đãng, như
để tỏ câu đáp của anh ta chỉ lấy lệ:

— Thưa ông không có ai.

Anh ta muốn nói thêm:

— Ngày tết thì còn có ai vào năm nữa.

Nhưng anh ta chỉ mỉm cười một cách
có ý nghĩa, khiến Hoàng hơi khó chịu
— nhất là trông dáng anh ta có vẻ vội
vàng khác thường — Hoàng hỏi thêm,
mong cho câu mình hỏi sẽ đúng:

— Ông gác tối hôm nay ở đây?

— Không ạ, chắc có người sẽ đến thay
tôi.

Trong lúc nói, mắt người khán hộ
ngày thường lúc nào cũng mờ như có
hơi thở qua, bỗng dưng sáng lên, vui
mừng như đứa trẻ. Người khán hộ này
đã ngoài bốn mươi tuổi, nhưng không
nề nang Hoàng cũng nhìn lại một cách
nghiêm khắc. Chàng đoán anh ta chỉ
đợi chàng đi khỏi cho thoát nợ, vì có lẽ
còn mãi lo đến cảnh đào sắp phải mua,
chiều hôm nay, để trang hoàng ngày tết.
Nghĩ thế, Hoàng cố đi rất chậm.

Toàn những người ốm cũ cả, và một
nửa số giường bỏ không. Chàng nhớ tới
mấy người đương chữa dở đang đã vội
bỏ về, và hẹn ra giêng sẽ xin lên chữa
nốt.

— Chữa nốt!

Chàng bĩu môi, hoài nghi. Ăn tết còn
cần hơn là chữa bệnh nhiều, và những
lời hứa của người ốm cũng như những
lời hẹn của người nhân tình, nghĩa là
không bao giờ đúng. Câu nói của một
người bạn so sánh người ốm với đàn bà
vứt qua trí, lần này chàng thấy xác đáng.
Đứng trước những người ốm khó bảo

của chàng, Hoàng có cảm giác như đứng
trước một bức tường dày không sao phá
đổ. Đối với chàng, họ xa lạ quá rồi,
không có một chút liên lạc nào nữa.

Qua mấy giường, không có gì lạ, chàng
toan đi nhanh ra, bỗng có tiếng gọi rất
lại, tha thiết:

— Lay quan, con xin về.

Chàng quay lại, cau mặt:

— Chị cũng xin về à?

Người đàn bà nhắc lại:

— Con xin về chiều hôm nay.

— Tại sao chị xin về, chị muốn về ăn
tết phải không?

Hoàng lắc đầu bức tức. Tại sao họ lúc
nào cũng phải nghĩ đến ngày tết, đến gia
đình; tại sao họ phải bám lấy mảnh đất căn
cối sau lũy tre? Sống cả một đời mà không
thể ăn tết ở nơi khác nhà mình được
một lần hay sao? Người đàn bà van lơn:

— Bầm quan, con phải về.

Hoàng dẫn tiếng:

— Chị phải về à? Nhưng chị có muốn
chữa bệnh của chị không?

— Bầm quan, con khỏi rồi ạ. Con về
được rồi.

— Sao chị biết là chị khỏi?

Người đàn bà ngơ ngác nhìn chàng.
Người ấy chỉ có thể biết là hết đau là
khỏi bệnh, chứ biết đau như chàng là
nọc bệnh hãy còn trong người và phải
chữa cho đến kỳ cùng.

Hoàng nhìn rõ mặt người ấy: một
người có tuổi không nhất định, có cái
mũi thấp quá ở giữa một khuôn mặt tròn
trần một cách vô duyên. Thấy Hoàng có
vẻ giận, người ấy cúi mặt, lo ngại. Hoàng
không thấy thương hại, chàng chỉ tức vì
cái thái độ quá lễ phép ấy — năm nhà

thương có phải là vào tù đâu? — nhưng chàng vẫn gắt theo :

— Tại sao chị muốn về? Chị cho chữa bệnh không cần bằng về ăn tết à? Chị về, thì bệnh của chị lại nặng lên, chị liệu lấy.

Người đàn bà sợ hãi, không dám nhìn lên. Hoàng nói thế không phải là vì lòng trắc ẩn đối với một người đáng thương. Nhưng vì thói quen, chàng bức tức vì có người đã trái ý làm cho chàng mất cái cảm giác khoan khoái của người thầy thuốc muốn thắng nổi một thứ bệnh hiểm nghèo. Trí não tối tăm của người bệnh không sao hiểu nổi những lời dẫn dụ cần phải biết. Dưới mắt chàng, chỉ có chứng bệnh là đáng kể, còn người ta chỉ là một vật để mang cái bệnh ấy thôi. Theo bao nhiêu năm qua lại trong không khí những nhà thương làm phúc, những cảm tình bông bột thuở nhỏ đã yên tĩnh từ lâu. Hoàng đã thành, cũng như nhiều bạn chàng, một cái máy vô tình để chữa bệnh, còn những sự đau khổ của người ốm chỉ là điều phụ thuộc.

Chàng thấy rất rõ rệt sự thay đổi ấy, nhưng chàng cho thế là cần cho nghề y-sĩ của chàng.

— Chị muốn về, được, cho chị về.

Hoàng lạnh lùng đáp, và đi nhanh quá, không muốn để ý đến vẻ vui mừng của người đàn bà. Không còn ai xin ra nữa. Còn lại trong phòng, phần nhiều là mấy cô gái giang hồ, không có ai đưa đón. Ngoài ra, một vài người nghèo quá, vì nếu có đủ tiền, họ cũng xin về quê quán từ lâu. Gian buồng hôm nay rộng và vắng, lạnh lẽo như gió đông lùa qua những khe cửa kính to và sáng sủa quá. Không

có một trứng triệu gì của một ngày ba mươi tháng chạp. Nhưng đáng diệu có ro trong chiếc áo khoác của nhà thương, vừa rộng, vừa ngắn, của mấy người ốm tự hơp, thân mật và âu yếm khác mọi ngày, trong một góc tỏ ra có một sự gì thay đổi. Ngoài trời, mây kéo đầy qua những ngọn cây lá rạt về một bên, nhưng nỗi cô độc của người khác không thấm vào chàng nữa, Hoàng lạnh lùng bước ra.



Đêm đã hơi khuya. Hoàng vẫn còn thức, tuy không có người bệnh nào vào quấy rối chàng. Nằm yên lặng, Hoàng hưởng cái thú riêng của những những người quen sống một mình. Chưa bao giờ, chàng ghét sâu xa hơn sự đầm ấm tâm thường của gia đình, như trong đêm ba mươi tết này.

— Những cử chỉ quen lệ, từ bao nhiêu lâu, mà bao nhiêu người vẫn nhắc lại không chán.

Một tiếng gõ cửa nhẹ. Như đã thấy gió lạnh thấm qua chăn, chàng lồm bồm :

— Ai vào bây giờ?

Nhưng tiếng gọi không phải tiếng những người gác như mọi khi, mà là một tiếng đàn bà quen. Biết là Liễu, một cô bạn đồng sự của chàng, Hoàng hơi cau mày, nhưng từ khi Liễu bước vào, chàng vẫn thấy gian phòng nhỏ bỗng như ấm hẳn lên. Tuy đã rõ cả đời năng thế nào, Hoàng vẫn tò mò hỏi Liễu :

— Sao tối nay em không về nhà ăn tết, hay em phải gác?

— Em có gác đâu, nhưng em làm gì có nhà mà về?

Đoán trước được câu trả lời

của nàng, chàng mỉm cười trước cái chớp mắt rất nhẹ của Liễu, nhưng chàng cố lấy giọng cảm động bảo nàng :

— Thế thì em ăn tết ở đây vậy, ăn tết với anh nhé. Gian phòng này chẳng là nhà của hai chúng ta là gì ?

Liễu cười một cách ngớ ngẩn như mọi khi, Hoàng nói một câu hơi có vẻ văn chương. Chàng kéo Liễu vào người, nhắm mắt. Nhưng Liễu gỡ ra, như không thích cái cử chỉ âu yếm thường ngày ấy, và kéo Hoàng ngồi xuống ghế :

— Hôm nay chúng ta nói truyện, rồi thức đợi Giao-thừa với em nhé.

Hoàng có vẻ hoài nghi :

— Lạ nhỉ, hôm nay em lại thích nói truyện. Anh cứ tưởng một cô đỡ thì thích nói truyện thế nào được.

Chàng mỉm cười để chữa, nhưng Liễu không để ý tới, vì còn chăm chú tới mặt bàn, rồi vui mừng reo lên :

— À, thích nhỉ, anh lại có cả rượu và mứt cơ à, em có mang kẹo sang cho anh đây này. Có vẻ tết lắm, anh ạ. Đủ lắm rồi.

Tuy biết mình độc ác, nhưng không biết tại sao chàng cứ đáp :

— Còn thiếu nhiều chứ. Còn thiếu cái bàn thờ, và cả một gia-đình ở bên cái bàn thờ nữa em ạ.

Liễu im lặng, không nói gì. Hoàng vội bảo nàng và dịu giọng :

— Em ngồi gần lại đây, rét quá.

Liễu vẫn ngồi im, mắt đăm đăm nhìn vào mấy hộp kẹo mứt. Chương lúc đi, đã để lại cho chàng mấy hộp do tay vị hôn thê của Chương gói. Hoàng giờ tay kéo Liễu vào lòng, nhưng khác hẳn với những lần trước nàng đẩy ra, và cười

ngượng nghịu :

— Mấy hộp mứt của ai cho anh mà gói xinh xắn thế ? Chắc lại của cô nào chứ gì ?

Hoàng biết Liễu không nói ý nghĩ thật của nàng, nhưng chàng chỉ khó chịu vì Liễu không theo ý muốn của mình. Chàng lấy làm lạ vì sự thay đổi bất ngờ ấy. Xưa nay, Liễu có bao giờ ngồi im lặng thế đâu, Liễu, một người con gái sống ngoài khuôn khổ, lúc nào cũng có thể yêu được. Nàng không dám trở về với gia-đình, vì gia-đình nàng không nhìn nhận nữa. Tuy vậy, không bao giờ bạn nàng thấy nàng buồn cả. Xưa nay, Hoàng chỉ quen đùa với Liễu, chàng không để ý thương hại cảnh ngộ Liễu bao giờ cả ; vì thế tối nay chàng chỉ bức tức :

— Thế thì sang làm gì ?

Nghĩ thế, chàng lại tự an ủi ngay, vì dù sao trong lúc không ngủ được mà có một người con gái đến, dù chỉ đến nói truyện thôi, cũng đỡ buồn. Chàng quàng tay qua cổ Liễu, cố nhìn vào mặt nàng xem Liễu có đoán được ý nghĩ ấy của chàng không. Nhưng Liễu cho là một cử chỉ an ủi của Hoàng, nàng khẽ nhắm mắt và ngoan ngoãn nép hẳn vào người chàng...

Bỗng có tiếng gõ cửa, rất mạnh. Hoàng vội đẩy Liễu ra, lấy áo khoác và vừa mở cửa vừa gắt :

— Làm gì mà ồn lên thế ?

— Thưa ông, có người mệt nặng vào ạ.

Tuy chàng đã sóc cổ áo lên hai bên má, mà vẫn thấy lạnh buốt qua tai. Chàng nhìn người cu-li gác một cách giận dữ ; người nào lại ốm nặng đến phải vào

khuya như thế ?

— Thưa ông, người ta kêu đau ngực, nặng lắm.

Chàng toan tròng mắt bảo người gác không biết gì thì đừng nói. Anh ta hiểu gì là nặng với nhẹ ! Chắc lại là một người ốm đã lâu, bao giờ gần chết mới mang đèn nhà thương. Chàng lăm bầm :

— Ốm đã hàng năm rồi mà còn chọn được ban đêm để mang vào nhà thương, kẻ người ta cũng tài thật.

Người ốm mới vào là một cô con gái, mới thoát trông dáng điệu và nước da cũng đủ biết là làm nghề gì. Người khán hộ vừa dậy, lấy tay che miệng ngáp, nói với Hoàng :

— Lại một con nào xin vào ăn tết nhờ nhà thương chứ mệt với ốm gì.

Câu nói ấy đúng với ý của Hoàng lạ. Nhà thương, ngày tết, vẫn là một chỗ chứa trọ không mất tiền cho những người không nơi trú chân. Người con gái này chắc cũng vào hạng ấy. Nàng ngồi yên, cả mình hơi run run, có lẽ vì rét, mặt cúi xuống, hai tay vừa ôm lấy ngực. Hoàng lấy khăn nghe, nhưng người ốm cởi áo chậm chạp quá, khiến chàng tức mình nghe qua rồi vút khăn sang bên, bảo người khán hộ :

— Có quái gì đâu, thôi, cho vào nằm, và không cần cho thuốc gì cả.

Về sung sướng lộ trên mặt người khán hộ, vì được phép đi ngủ ngay, không phải thức lâu hơn nữa. Hoàng cũng thấy nhẹ người, và khi trở về đến buồng, chàng bảo Liễu :

— May quá, không phải là một người tự tử. Nếu không, thì còn lâu mới về với em được.

Liễu lẳng lơ, nép người vào bên chàng, không đáp.



Đêm khuya. Liễu đã ngủ say, còn riêng chàng vẫn thao thức không yên.

Bỗng có tiếng gọi của.

— Có người mệt nặng, mời ông sang xem.

— Lại một người nữa à ?

— Không ạ, ở « *salle* » người ta mời.

Chàng vội vào lấy ống nghe, rồi theo người khán hộ. Đường đi rất tối, chiếc đèn bấm không đủ soi nên chàng phải đi chậm. Trong những tiếng âm thầm của ban đêm, thỉnh thoảng tiếng hát ở trong nhà diên, đảnh xa, rọi lên vang mãi trong mấy bức tường. Vừa bước lên mấy bậc, mùi riêng của những phòng bệnh đưa ra, thứ mùi quen biết của chàng. Ngọn đèn ở một góc chỉ đủ đưa ánh sáng tới chỗ người ốm nằm. Một vài người nhòm dậy lúc Hoàng đi qua, có vẻ nhón nhác.

— Đau, người ốm đau ?

Người khán hộ chỉ vào một người đàn bà khi màn vén lên, ánh sáng đèn chiếu rõ vào mặt. Hoàng nhận ra người con gái vừa vào lúc trước. Chàng hơi kinh ngạc và lo sợ : hơi thở rồn rập của người ốm bắt chàng nghĩ đến một người đau tim nặng. Mớ tóc nàng ngã sang bên vai, lòa xòa rủ xuống chiếc chăn dạ màu xám kéo lên tận cổ. Cả khuôn mặt trắng xanh biến sang bóng tối hai bên, chỉ còn hai gò má nhô lên, và hai mắt mở một cách khác thường.

—Ồ, đôi môi thâm quá !

Tại sao lúc trước chàng không nhận thấy một triệu chứng rõ rệt như thế của bệnh đau tim ? Chàng vội lấy ống nghe :

không còn ngờ gì nữa. Mạch ở cánh tay đã yếu lắm, con siên ở phổi đưa lên như bọt nước tràn ra. Mắt người ốm vẫn nhìn thẳng vào chàng, tha thiết, cái nhìn riêng của những người biết mình sắp bước sang thế giới khác. Người khán hộ nhắc cho chàng biết là chưa tiêm thuốc gì cả, theo lời chàng dặn. Hoàng biết là vô ích, nhưng cũng cứ gọi lấy mấy ống thuốc. Chàng lăm bầm :

— Muộn quá rồi !

Hai mắt người con gái tuy đã hơi mờ, nhưng vẫn đưa theo tay chàng cầm ống tiêm. Nàng không kêu đau, và sau khi tiêm, nét mặt bỗng tỉnh hẳn lên — người sắp chết bao giờ cũng tỉnh hơn lúc thường — Hoàng cầm tay bắt mạch, nhưng không tìm thấy đâu nữa. Thốt nhiên, người con gái bỗng ngồi dựng lên, bàn tay nắm rất chặt lấy tay Hoàng như bao nhiêu sức lực còn lại đều thu vào đấy. Con siên lên càng mạnh, nghe rất rõ ; mắt không nhìn vào chàng nữa, nhưng mở to, nhìn thẳng ra trước mặt, như lắng đợi một sự gì. Rồi rất rõ ràng, Hoàng nghe thấy ở đằng xa đưa lại, một vài tiếng pháo bắt đầu nổ, tiếng pháo giao thừa ; và không hiểu tại sao, Hoàng biết chắc người con gái hấp hối kia cũng nghe thấy rõ ràng như chàng những tiếng pháo đầu năm ấy. Tự nhiên, Hoàng thấy rung động mạnh ; lần đầu tiên trong đời y sĩ, chàng mới thấy hồi hộp trước cảnh hấp hối của một người. Trước mặt chàng bỗng hiện ra hình ảnh của một ngày thơ ấu, chàng đứng trước giờ xấu số một người chị, và những cảm giác hồn nhiên của thũu nhỏ rồn rập trở lại với chàng. Chung quanh, một vài người ốm ngồi

nhóm lên xem, tò mò ; còn những người khác nằm im, không biết vì ngủ say hay vì sợ không dám trông đến cảnh cuối cùng của một người cùng số phận với chính mình. Giường bên cạnh một người đàn bà lo sợ hiện lên nét mặt, nhưng vẫn trở mắt nhìn sang. Tiếng pháo vẫn nổ, liên tiếp. Người ốm, mắt chớp môi hơi hơi mím lại, mấy ngón tay nàng nắm yếu dần ; Hoàng sợ hãi, không dám nhìn nữa ; và khi chàng quay lại, người con gái đã nằm xuống, mắt vẫn mở nhưng nhìn thẳng, cái nhìn đặc biệt của những xác chết. Nàng ở tận đâu đến nhắm mắt ở cái nhà thương lạnh lẽo này ? Có lẽ lúc trước, cần thận hơn, chàng có thể cứu được. Một nguồn thương hại mông mênh lẫn với lòng hối hận đến tràn ngập cả Hoàng. Người khán hộ thản nhiên, kéo chăn lên đắp cho người chết, nhưng Hoàng không dám đứng lại nhìn người ấy cổ vuốt mi xuống cho đôi mắt vẫn mở kia.

Chàng cầm đầu bước mau dưới dặng cây tối sẫm. Tiếng pháo vẫn còn từ xa đưa lại.

— Cả cái sức học của mình cũng không cứu nổi người con gái nhỏ bé kia.

Nhưng cái ý nghĩ chán nản ấy của người thầy thuốc không mạnh như mọi khi nữa. Hoàng thấy rõ rệt là đã từ lâu, lòng thương người nay mới lại nổi dậy trong chàng ; và cố tìm hết phương pháp, mang hết tri não của mình ra để cứu một người ốm, chàng cảm thấy là một việc dễ làm hơn là hiểu thấu sự đau khổ của người ta.



Lúc chàng trở về đến buồng gác, Liễu đương đợi chàng. Nàng đã trở lại với dáng vui vẻ thường ngày, nũng nịu :

— Anh, chúng ta làm lễ giao thừa chứ. Em đợi mãi.

Nàng nhanh nhẹn, toan mở hộp mứt và kẹo :

— Anh ăn mứt nhé. Rồi em mở rượu, anh cho em uống một cốc nhé. Hôm nay em cố uống thử một cốc xem sao.

Nhưng Liễu bỗng ngừng bật, chăm chú nhìn về mặt Hoàng, rồi nàng đến gần :

— Anh làm sao thế? Anh không muốn uống rượu à? Hay là anh em lại nhớ nhà đấy?...

Nàng vừa nói vừa mỉm cười nũng nịu. Câu hỏi vô tình của Liễu khiến Hoàng nhớ tới những đêm giao thừa trước, trong cảnh gia-đình : đêm nay, tự dưng chàng thấy trong ngực tim đập mạnh, chàng lại trông thấy rõ rệt màu xanh của bánh chưng, ngửi thấy mùi hương nếp ngào ngạt, như thuở nhỏ, mỗi khi nghĩ đến tết, chàng vẫn thấy.

Hoàng kéo Liễu vào sát người ; lần đầu tiên, chàng thương Liễu và tìm thấy một vẻ gì cao quý riêng trên mặt người con gái lạc loài ấy. Chàng dịu giọng bảo Liễu :

— Em nói đúng đấy. Thôi kẹo với mứt để dành đến mai nhé.



Sáng hôm sau, mùng một tết. Một ngày nắng nhẹ, không lạnh lắm. Công việc làm xong trong nửa giờ, Hoàng đem kẹo và mứt gọi những người ốm của chàng phân chia. Họ vui vẻ đến nhận phần nhỏ mọn của mình ; mắt sáng lên trước những miếng mứt tươi màu ít khi họ được ăn. Chưa bao giờ tết của chàng trong trẻo, đầm ấm hơn ; Hoàng thấy mình giống những người

bình thường kia, nghĩa là cũng yêu tết tha thiết như họ. Một vài người trong bọn có lẽ là những gái giang hồ thất nghiệp — cất tiếng hát mấy câu mừng chàng, Hoàng không thể từ chối được ; chàng mỉm cười nghe những câu hát giản dị quê kệch ấy ; nhưng chàng không cưỡng được lại sự cảm động sâu xa.

Những câu chúc tết giản dị kích thích lòng chàng mạnh hơn những lời chúc ngày trước chàng nhận được trong gia-đình, trong lúc ấy, Hoàng như lẫn lộn với những người ốm kia và sống cái đời của họ. Tâm hồn chàng cũng trở nên chất phác với những cảm giác, những nỗi lo sợ, nhớ thương giống như của những người mà ngày trước chàng tưởng cách xa chàng.

Chàng thấy mình thanh thoi như tìm được cái gì quý báu đã mất từ lâu.

Buổi trưa đến, về ăn cơm, Chương không có mặt ở đấy. Hoàng chạy vào phòng Chương toan gọi, nhưng chàng bỗng lại trước cửa hé mở. Mùi hương trong phòng đưa ra. Chương đương đứng cúi đầu trước một cái bàn thờ nhỏ : một vài nén hương cắm trong cái bát, dưới bày ít hoa quả. Cảnh Chương lưng thụng trong cái áo blouse trắng kính cẩn trước cái bàn sơ sài ấy, trông đáng tức cười. Nhưng lần này Hoàng chỉ thấy lòng thương se lại, như có vật gì đè nặng lên ngực, rồi Hoàng bỗng thấy ấm hai bên vai, mùi hoa thủy tiên ở đâu cùng với mùi xác pháo phảng phất bay qua, mùi Tết ở gia đình chàng.

Hoàng cảm động bước nhẹ ra. Chưa bao giờ, chàng hiểu lòng người sâu xa như thế.

TUÔNG BÁCH

THỨ NHÌ CHUỘT RÚC

của TRẦN TIÊU

Với những nhận xét nhỏ ngổ nghĩnh, Trần Tiêu dẫn ta về nơi thôn quê, một ngày đầu năm. Cái ông lý mê tin và lạc quan, với những nhân vật chung quanh ông chất phác và ngơ ngẩn, có thể làm tiêu biểu cho cái xã hội quê mùa. Trong bức tranh nhỏ hoạt động này, ta còn thấy thoáng qua cái phong vị riêng nhẹ nhàng và ý nhị, của một ngày tết ở sau lũy tre xanh.

Hì, hi ! Chuột rúc ! chuột-rúc !
 Mấy anh chị chuột nhắt đủ dờn nhau sau khe cột thóc trong buồng, động cốn, rít thêm hồi nữa lạnh lạnh, chói tai như hồi còi.

— Được lắm ! Xin các ông cứ rúc khỏe cho con cháu nhờ.

Ông lý Cự ngồi xếp bằng trên phản kê ngay trước mặt ban thờ, đặc chí rung đùi, một tay cầm xe trục gỗ vào thành bát diều một tay đưa lên cầm xoa và nhờ những sợi râu thừa thãi, mồm ngậm nga đọc : « Thứ nhất đom đóm vào nhà, thứ nhì chuột rúc thứ ba hoa đèn. » Ông vui miệng đọc tiếp luôn : « Năm nay sóc đĩa hần rền. Ừ ừ, không năm nay vận đỏ hần rền... Năm nay vận đỏ hần rền. Ừ, được đấy, năm nay vận đỏ hần rền — ông tìm vần : rền, đèn, lên, bền... được bền quanh năm, cái gì, cái gì được bền quanh năm. » Ông xoa nhần cả cầm mà nghĩ mãi không ra cái gì được bền quang năm.

Trên sà nhà, ngọn đèn phẫn hai giây rủ xuống, chiếu khắp ba gian nhà ngoài, rực rỡ đối với những con mắt chỉ quen nhìn ánh sáng lù mù của chiếc đèn « Hoa-Kỳ » khêu

nhỏ bằng hạt đỗ xanh. Trong chiếc màn nâu ở gian cạnh, hai thằng cu thi nhau ngáy khò khò. Dưới bếp, bà lý và cái dĩ Tẹo, con gái lớn bà, ngồi canh nồi bánh chưng. Ánh lửa trong bếp chiếu ra sân theo khuôn cửa bếp, thành một khoảng sáng vuông như chiếc chiếu, càng làm cho tối ba mươi thêm dày đặc. Không một tiếng chó sủa, không một tiếng côn trùng. Thật là yên lặng như... đêm ba mươi tết.

Ông lý, tay vẫn xoa cầm, nhắc lại câu thơ trước. Đến câu rớt, ông nghĩ nát óc : « Thứ nhì », còn có nửa câu nữa mà nghĩ không ra. Được bền quanh năm, được bền... à à, phen này phú quý được bền quanh năm. Thôi, cũng tạm tạm được, tuy mình chẳng phú chẳng quý như ai ».

Cứ kể thơ ông lý rất xoàng, xong lòng cảm hứng của ông chẳng kém lòng cảm hứng của cụ Tô-dông-Pha, cụ gỗ díp mạn thuyền, ngâm bài phú Xích - Bích dưới ánh trăng trong vắt rọi xuống giòng nước trong veo.

Ông nhìn lên ban thờ. Mấy nén hương cắm trên bát hương sứ đã cháy xém mất già nửa. Ông vội vàng đứng dậy đội khăn mặc áo và lầm bầm : « Chết thật, mãi nghĩ thơ, tí nữa thì nhớ giờ xuất hành. Ông nói đề mà nói chứ trong cả năm có một đêm ba mươi tết và trong đêm ba mươi tết có một giờ lành, khi nào ông lại đề nhớ. Vì thế, ông đã học được cái sáng kiến của cụ cán Bích, lấy nén hương làm ngữ. Bây giờ sắp sửa sang giờ Hợi, giờ của tài thần. Ông cầm ba nén hương, một chiếc đèn chai và giắt bánh pháo vào cặp quần. Ông gọi cái Tẹo ra đóng cửa, dặn nó trông nhà cẩn thận, vì năm

ngoái đã có nhà ngủ quên để kẻ trộm vào phỗng cả nồi bánh chưng. Ông rảo bước về phía quán để được gặp tài thần, rẽ vào xóm Lũy rồi giở lại con đường làng lát gạch, con đường mà ngày thường ông vẫn đi ra miếu. Nhiều ông cũng mua đường như ông. Ông nghĩ bụng : « Có một vị tài thần mà bao nhiêu người săn đón. » Song ông tin chắc về phần ông hơn, bởi có chuột rúc báo hiệu. Đến miếu ngồi độ một lát, ông đại đã giục anh em thẳng mõ rung trống tế giao thừa. Ông lý Thễ giở đồng-hồ ra xem giờ, ngạc nhiên :

— Mới có mười giờ kém mười lăm. Còn sớm quá, cụ đại ạ.
Ông đại cười, đáp.

Ồ hay ! ông không biết à ? Cụ chỉ đã truyền lệnh đi các thôn phải tránh giờ Tị, vì giờ Tị năm nay xấu lắm, mọi việc đều không nên.

Ba gian giải võ bên tây, đèn nến sáng trưng. Một cỗ mũ thừa đặt trên chiếc ngai lờ loẹt những rồng phượng xanh đỏ và chói lọi những trang kim. Trông nhớn, trống con, thanh la, mõ díp cất lên vang động cả đêm thanh vắng tịch mịch. Các ông vừa làm lễ tổng cụng xong đã xoay ra lễ nghinh tân. Các ông hấp tấp vội vàng, chỉ sợ muộn, nhớ gặp phải giờ Tị thì rầy. Lễ xong, các ông bắt đầu mừng nhau bằng những câu sáo nhắc đi nhắc lại hàng năm. Các nhà trong xóm cũng bắt đầu thi nhau đối pháo đón mừng năm mới. Mọi người ăn uống say sưa, đã tản nát về. Ông lý Cự còn ngồi lại đợi giờ dần, tang tảng sáng để được gặp hỉ thần. Ông từ, một ông già râu tóc bạc phơ đưa tặng ông cành đa và bó hương xạ. Để đáp lại lòng tốt ấy, ông lý móc túi lấy năm hào gói trong tờ giấy đỏ đặt vào đĩa giầu : « Chúc cụ làm ăn phát tài bằng năm bằng mười năm ngoài. » Đoạn ông hớn hờ ra về.

Lúc đi, ông đã dặn cái Tẹo đừng mở

cổng cho ai, trừ cụ cán Bích mà ông đã nhờ đến xông nhà. Dặn thì dặn, ông cũng thừa biết cụ cán già yếu không dậy sớm được. Ông tự phụ, ngoài cụ ra, chỉ có ông là vui tính, hiền lành, phúc hậu, đáng đem hạnh phúc đến cho người. Cái dĩ Tẹo đã thẳng bộ quần áo Tết trông bảnh bao rõ ra phết một cô gái quê để bọn trai tơ trong làng thêm muốn. Cổng vừa mở, ông đã chúc ngay cho cô gái rượu của ông dặt chõng như tôm tươi làm cho mặt cô đỏ ửng. Ông rút ở trong bụng ra bánh pháo, đốt. Tiếng pháo nổ vang. Ông sung sướng lộ ra mặt và nói một mình :

— Đêm ba mươi chuột rúc. Sáng mồng một pháo nổ ran chẳng tịt chiếc nào. Năm nay hẳn đại phát tài.

Hai thằng cu mở bừng mắt, choàng dậy chạy ra sân reo :

— Ha ! Ha ! Tết ! Tết !

Chúng giở vào đề mẹ chúng mặc cho mỗi một cái áo lương chùng chãm gót và chiếc quần vải ta dầy như mo nang. Tuy vậy chúng cũng không sung sướng bằng những chuỗi tiên trình mà chúng sắp được thầy chúng và các chú bác, cô, dì đến mừng tuổi, chúng không sung sướng bằng những chiếc pháo ngòi, pháo tịt, chúng sắp vỡ được ở sân đình, sân miếu hay sân các nhà bà con. Ông lý pha trà dâng lên ông vải. Ông thắp hương đốt nến, khấn, lễ, ngồi ngẫm nghía bàn thờ một lát rồi cấp ô ra cổng.

— Này, thầy nó, trưa thế nào cũng về cúng cơm đã rồi có đi lễ đầu hăng đi nhé. Tôi chờ thầy nó đấy.

— Không phải chờ. Tôi đi, chưa biết chừng tối mới về cũng nên.

Vợ không bằng lòng, xong vì mừng một kiềng, không dám điều nọ tiếng kia, sợ giông cả năm.

Tiết trời ảm áp. Cây cối đượm hạt mưa

xuân như tô chuốt lại màu xanh tươi dưới bầu trời râm mát. Tiếng pháo đi đệt, xa gần, rải rác khắp làng, khắp xóm. Tiếng người cười, nói, chào mừng nhau thân mật. Rõ ra một cảnh Tết nơi thôn dã.

Công việc đầu tiên của ông Lý là đến thẳng nhà hương Kha làm vài phát thưởng xuân, nhân tiện thử xem có ăn dịp với tiếng chuột rúc báo hỉ và tiếng pháo nổ ran ban nãy.

Hương Kha là con thứ, không có bàn thờ ông vải. Ông Lý chúc mừng vài câu lấy lệ rồi cứ việc nằm dài cạnh khay đèn đối diện với ông hương nằm tiêm thuốc. Tiếng ro ro dòn dã, không vấp chỗ nào suốt ba phát liền. Ông Lý đắc chí, vất chân chữ ngũ, vỗ đùi cười ha hả. Cái cười Thúc Sinh ấy một phần vì tiếng ro ro đều đặn, song phần nhiều là vì cái mãnh lực công hiệu của thuốc phiện đã chuyển đi khắp tứ chi. Ông lý vụt trở nên hào phóng, gọi năm đứa con ông hương lên mừng tuổi mỗi đứa một hào số tiền gồm lại cũng chỉ đủ tiền ba điều thuốc. Nếu trong lúc cao hứng, ông lý làm thêm vài phát sai nhất bao nữa, thì phần thiệt sẽ chắc chắn về ông hương.

Đợi cho lũ con lên đồng đủ lĩnh xong liền mừng rồi, bà Hương mới vội đi lại, vừa cười, vừa nói:

— Bác cho các cháu nhiều quá, Bác cho chúng nó một hào chia nhau thôi chứ.

Ông lý niềm nở:

— Thôi được. Chả mấy khi, một năm mới có một lần, đề cho các cháu nó mừng.

Tán mép vài câu ba hoa, ông lý đứng dậy cáo thoái. Ông vừa đi ra khỏi cổng, trong nhà, Hương Kha cất giọng khàn khàn: « Mừng với miếng gì! Giả khéo mình ba phát thuốc đấy thôi. Phiện vào, lòng vui như tết. »

— Ai chả biết. Vì thế nên đảng này chỉ từ chối qua loa, chứ ai dại gì bắt chúng nó

giả lại.

Ông lý đã vui sẵn càng thấy vui thêm. Phong cảnh chung quanh như tươi đẹp rực rỡ bội phần. Tiếng pháo nổ đi đệt nghe sượng tai quá. Tâm hồn lẫn sắc thịt ông sao mà nó rung động một cách dễ dàng thế. Ông ung dung, thông thả bước một như người đi ngoạn cảnh hơn là người đi lễ. Những cây nêu vượt lên khỏi nóc nhà, thẳng tắp, cao hơn cả ngọn cau. Ông lý dừng bước, chú ý tìm cây nêu nhà cụ cán Bích. Cụ khoe cây nêu nhà cụ đẹp nhất làng. Ông cũng tự cho cây nêu nhà ông vô địch. Ông không cần phải tìm lâu. Cây nêu cụ cán vượt hẳn mọi cây khác. Vẻ đẹp cũng lộ hẳn, trước những con mắt mỹ thuật của bọn thôn quê. Những chùm lông gà toàn chọn những lông đuôi dài và mềm. Con rồng tết bằng lá dừa, mao vây và đuôi bằng lá thiên tuế. Lá cờ bay phấp phới giống như hết lá cờ ngũ hành tuy nhỏ hơn. Đẹp thật. Cụ cán tự phụ cũng đáng. Nhưng ông lý không chịu kém. Ông cho cây nêu của ông có nhiều vẻ đặc sắc hơn. Chẳng hạn những chùm lông, ông đòi ra chùm cò. Bầu rượu cũng bằng rơm như các bầu rượu khác, nhưng dưới bầu, ông buộc thêm một cái túi có hai giải lụa đào bay như hai giải yếm. Ông cho là thi vị lắm. Đặc sắc nhất là hai cờ, một lá cờ Pháp, một lá cờ Nam treo gióng đôi. Sáng kiến ấy, ông cho tự ông nghĩ ra. Kỳ thực ông đã được xem các trường tỉnh họ chào cờ, trước giờ học buổi sáng. Ông quay lại phía sau tìm cây nêu của ông để so sánh. Ông chỉ nhìn thấy phần ngọn. Lũy tre nhà cụ Cả che khuất mất nửa dưới. Ông vươn mình, rướn mãi cổ, kiễng mãi chân. Ông lúi, lúi nữa... Phộc một cái, chân sau ông dẫm ngay phải, xin lỗi, bãi phân trâu tươi trên vệ đường. Ông cụt cả hứng, chau mày, nguyên rủa: « Tiên... » Chợt nhớ tới

ngày mừng một, ông vội hăm lại. Song nét mặt ông không sao tươi lên được. Ông còn đương cúi xuống nhìn, tiếc cái quần mới tinh lốm đốm những vết phân tròn bằng hạt đỗ một, thì một ông khách cự ở phía trên đi lại, cười an ủi : « Cũng may đấy cụ ạ ! Nếu không có nó thì tất cụ phải ngã xuống cái rãnh sâu đầy bùn kia. »

— Thôi, tôi xin ông. Đã dẫm phải còn gọi là may sao được !

— Không, thật đấy mà. Năm mới ai dám nói đùa cụ.

— Phải, không thật nghĩa là dối.

Trái lại, bụng ông cũng nghĩ : « Ừ mà hẳn nói phải. Không có bãi phân trâu thì mình tránh sao khỏi ngã xuống rãnh mà ngã xuống rãnh thì cứ việc lấm từ đầu đến gót. Ông liền tưởng đến chuột rúc và cho là vận ông vẫn đỡ rên. Nhân tiện có cái ao trước nhà cụ Cả, ông bước xuống cầu để gột rửa. Lần này rất cẩn thận. Cẩn tắc vô ưu, nhờ cầu trơn trượt ngã thì rầy. Ông gột đi gột lại ống quần. Vết bẩn chỉ nhạt được như màn lá úa. Ông tắc lưỡi nói thầm : « Thôi được, chẳng quan gì. » Tuy vậy ông vẫn tiêng tiếc cái quần mới tinh, chốc chốc lại cúi xuống nhìn một cách băn khoăn khó chịu. Gần đến quán gianh, một lũ đàn em quây quần đánh sóc đĩa cò con, ông tạt vào, nghĩ : « Ta hãy châm lửa một cái xem đồ hay đen thì biết. » Và nói lên tiếng : Cho tớ châm một cái xem có « đầu tay may xưa không nào ».

— Vâng, cụ bói một quẻ xem.

Lũ đứng vòng ngoài dân ra hai bên nhường cho cho ông Lý. Liên lúc ấy, nhà cái xường :

— Bán lẻ ! Lẻ bán !

Ông Lý vội kêu :

Đắt ! Đắt ! và cúi xuống cầm tròn bát hất tét vào lòng nhà cái một cách nhẹ nhàng rõ ra một tay sành nghề.

— Sắp hai ! cụ Lý đỏ mặt !

Ừ mà đỏ thật. Mọi khi ông vẫn chuyên dáng mặt lẻ. Hôm nay ông lại quay sang đất lẻ. Chuột rúc có khác. Vận ông còn là đỡ rên. Ông hớn hờ vợ lấy đồng trinh, xu, hào rải rắc trên mặt lẻ. Ông sung sướng như khi ông được hàng trăm. Ở cấp nách, đầu cúi gằm, ông vừa đi vừa chọn những hào con hào vắn bỏ túi. Ông xếp xu vào với xu, trinh vào với trinh rồi đếm : « Năm, mười, năm, hai mươi, năm. » Thích một cái, đầu ông như va phải một vật gì. Ông ngừng lên. Tiếng nguyên rửa tiếp liền : « Cái nhà ông khi gió. Năm mới năm, năm me, làm đồ cả thúng đồ lẻ của người ta thế này à ? »

— Đồ thì người ta đền chứ sao. Năm mới bà rửa độc tôi thế à !

Bà khóa thấy mình lỗi, mặt đỏ bừng, đứng dờ ra nhìn chiếc thúng lăn lông lốc xuống bờ vườn. Vàng, hương, mũ mả, hài tằm, giàu cau bừa bãi mỗi chỗ một ít. Bà cúi xuống nhặt bỏ thúng. Ông lý vừa giận mình vừa thương hại bà khóa. Phải, năm mới người ta, chỉ tại mình vô ý vô tứ để đến nỗi... Nghĩ vậy, ông cũng cúi xuống nhặt nhanh hộ và sau cùng, ông cầm một nắm trinh, xu đưa cho bà khóa :

— Tôi xin lỗi bà. Thật là tại tôi vô ý. Tôi xin đền bà. Số tiền chẳng là bao, để năm mới bà được may mắn.

Bà khóa cũng nghĩ đến câu rửa ban này, vội từ chối :

— Không dám. Tôi đâu dám lấy đền của ông. Tôi bức quá, lú lẫm cả trí khôn, vậy ông tha lỗi cho nhé.

— Không dám.

Hai bên, bên nằng nặc xin đền, bên cố tình từ chối dằng dai mãi rồi bà khóa chịu nhận để bù lại bước không may trong ngày đầu năm.

Chẳng biết bà khóa nghĩ thế nào, còn

ông lý thì ông nghĩ : « Chuột rúc có khác. May thế ! Nếu vớ phải tay đánh đá chua ngoa, mồm năm miệng mười thì mình tránh sao khỏi sượng mặt với kẻ đi người lại. » Thuốc phiện thấm vào tủy não thường hay gợi trí nhớ của người ta về quá khứ. Ông vừa đi vừa nghĩ liên miên. Ông ôn lại những việc xảy ra trong năm vừa qua. Ông bắt đầu nhớ từ đêm ba mươi tết trở đi... Ở ở phải, chính cái đêm ba mươi, ông đương ngồi thờ thần nghĩ đến công việc ngày mai. Thình lình tiếng : ngheo... ngheo... gào, rú lên như người bị hành hạ, nghe rất thê thảm. Thì ra chị mèo cái của ông, rú rê được anh mèo đực ở đâu về hú hí nhau trong xó buồng. Ông bực quá, vác gậy đuôi đánh. Chúng chạy biến mất. Được một lát, đâu lại hoàn đấy. Cứ thế mãi, lúc khế vừa thóc, lúc trên mái nhà, lúc ở xó bếp. Sua đuôi mãi chẳng được, ông đành ngồi thừ ra thở dài vật, Nhưng rồi sau, mắng vui chơi, ông quên hẳn việc ấy. Cuối năm, ông nhầm tính thấy mình toàn gặp những sự rủi, nào sóc đĩa đánh đầu thua đấy, nào ruộng nương bán dần, nào công nợ tứ tung, nào vợ con mè nheo, gia đình không mấy lúc là không lục đục. Bao nhiêu những sự rủi ấy, ông để cả lên đầu chị mèo cái đáng ghét của ông. Ông thù nó quá, nhất định khép nó vào tội tử hình. Ông bỏ nó vào rọ ngậm ao. Ông xả nó ra đánh chén với một vài ông bạn thân cho hả lòng căm tức : -

— Hay à. Ông lý ti lễ. Chúc mừng ông : mình nìn cồng hỉ à.

Ông lý ngừng lên vui vẻ cười đáp :

— Chào chú Sầu ! Mừng chú buôn bán phát tài bằng năm bằng mười năm ngoài. Chú Sầu niềm nở :

— Năm mới, mời ông lý vào xông hàng,

Ông lý được chú Sầu chọn mình xông

hàng lấy làm hả hê. Nhưng nếu ông biết rằng bao nhiêu ông đàn anh trong làng qua đây cùng được chú Sầu mời vào xông hàng, thì ông cũng chẳng lấy gì làm kiêu-hãnh, tự đắc. Chẳng nhẽ người ta thết mình thuốc lá, chè mạn sen, lại kèm thêm gói kẹo về cho các cháu mà mình lại ra không. Ông lý bèn mua một bánh pháo, một bao diêm và một tấm sà phòng. Lúc giở ra, ông muốn khoe tiếng khách, bắt tay chú Sầu giật lên giật xuống : « Mình nìn cồng hỉ à. » Thím Sầu chau mày bẻ lại : « Cồng hỉ, ông lý không biết tiếng tàu. Hỉ là vui mừng kẻ mà. »

Ông lý dậm ra luống cuống :

— Vâng, vâng, cồng hỉ, cồng hỉ. Thôi thế chúc chú thím phát sùi, phát sùi !

— « Phát sồi ! » Thím Sầu chữa lại, dần từng tiếng một, vẻ nghiêm nghị như ông thầy giảng sách.

Ông lý càng luống cuống ;

— Ờ, ờ, phát sồi ! Phát sồi ! Xin lỗi chú thím, tôi quên lú đi mất.

Ra đường, ông nghe văng vẳng có tiếng : tâu nhà ma cái nị. Ông không nguyên rửa lại họ, vì ông đã vô tình nguyên rửa họ chán ra rồi. Ông chỉ tự trách : « Mình ra cái « đếch » gì. Cồng hỉ, hỉ là mừng thì ai không biết mà mình lại nói chếch ra khi được. Mình rửa người ta là con khi à. Chẳng qua chỉ tại cái nhà bà khóa bà ấy ám ảnh... Lại phát sùi nữa, cái gì là cái phát sùi, lúi sùi, mình rửa người ta lúi sùi. Tiếng khách với tiếng khiếc ! Mình rõ chẳng ra cái « đếch » gì ! »

Nỗi bực tức đã làm ông nảy ra hai tiếng « đếch » trong ngày mồng một.

— Ha ! Ha ! Chú lý ! Chú lý !

Lũ trẻ nhà ông khóa Thôn, trưởng họ ông lý, đứng cồng võ tay reo. Chúng mừng vì chắc măm thế nào cũng được tiền mừng tuổi.

Ông lý tỉnh hồn nhiên, quên ngay được nỗi bực dọc. Ông đứng giữa lũ trẻ, chia tiền: « Cháu Tích bày quán này, cháu Thái bày quán này, cháu Mẫn là con gái thì chín quán này, cháu Thịnh bày quán này (mỗi quán là một trình) » Bà khán âm thanh bé trong tay chạy ra:

— Còn thằng cu này nữa, chú đã mừng thì phải mừng cho đủ chứ.

Ông lý cười:

— Thằng cu này chưa biết ăn quả, chưa biết đánh bạc thì ba quan thôi.

Đoạn ông lên nhà thờ lễ tồ. Vừa lễ, ông vừa nói chuyện với ông khán đứng cạnh:

— Bác mua ở đâu mà được cái hương ngát thế?

— Tôi mua ở chợ Nam hôm hai mươi chín tết. Có hai hào rưỡi một trăm.

— Ồ, rẻ nhỉ. Tôi mua ba hào mà vợ phải hăng xấu quá, chẳng ngát tí nào. Chỉ tại nhà tôi cả tin cái con mẹ bán hương nó nói thánh nói tướng.

Truyện đến đây thì lễ vừa xong, kể cả mấy cái vái.

Hai người ngồi uống nước ăn trầu tiếp chuyện nhau được một lát. Ông lý đứng dậy sắp sửa cáo thoái. Ông khán vội mời:

— Năm nay tôi chung chạ được cái đùi bò thui khô thật lắm. Chú ở lại đánh chén với tôi. Năm mới xin chú đừng từ chối.

Ông lý nhận lời và nghĩ bụng: « Chuột rúc có khác, hết may nọ đến may kia. »

Rượu nồng, tái ngon, ông lý ngồi nhấm tì tì, say lúc nào không biết. Tái vẫn còn, rượu chưa hết, bỏ giờ cuộc thi hoài, ông lý cố làm thêm dăm chén nữa. Ông say khướt dăm ra nói nhảm. Người ông đã thấy nặng trĩu xuống giường. Đồ đạc chung quanh đã thấy lơ mơ dưới con mắt đục ngầu của ông. Ông đứng lên không vững, ông đi siêu bên nọ, sọ bên kia. Bà khán cười:

— Chú lý say khướt mừng tôi ra rồi!

Ông gân cổ cãi:

— Tôi say ư? Bao giờ... thiên hạ... say cả thì... họa chẳng tôi mới chịu say... Bác thử .. đem rượu nữa ra đây... xem... xem.. tôi có, có, có nốc hết cả cả chai khô... ông nào. Say! Người ta thế... thế này mà bảo người ta say!

Giọng ông lè nhè. Người ông sặc sụa mùi rượu. Hình như hơi men không thoát kịp ra đằng mũi, đằng mũi, phải thoát cả ra các thớ thịt, các chân lông. Ông thất thểu ra cổng, quên cả uống nước, quên cả ăn giầu, hút thuốc.

Bà khán đứng trên thềm mỉm cười, gọi dứt lại:

Này chú lý! Ô chú đề lại à? Say quên cả ô lại còn bảo là không say.

— À... ừ nhỉ! Dễ thương mà say thực.

Một thằng cháu chạy theo đưa ô cho ông lý cắp nách. Bây giờ ông không còn là ông lý nữa rồi. Ông chỉ là một thằng điên, một cây thịt ngã nghiêng theo đà với ít cảm giác thăng bằng không biết xuất tự đâu. Thỉnh thoảng ông lại kêu tướng lên như người rao mỗ:

— Này! Nhà nào có ao chuôm thì liệu mà cất đi, không có thì, thì tở ngã xuống thì thì... mặc kệ các người đấy. Tở, tở không đền đâu!

Lần nào ông cũng có một câu pha trò ấy. Người lớn trẻ con theo sau cười rồ. Thế mà chuột rúc có khác, ông cũng lần về được tới quán giang, không xảy ra tai nạn gì.

Bọn đàn em vẫn còn miệt mài trong đám bạc. Chúng thấy ông bèn nháy nhau mời vào ngồi xóc cái. Một thằng nói kháy:

— Cụ lý làm gì sẵn tiền mà xóc với xiếc!

— Chúng mình đừng có hợm. Khỏi, khỏi tiền đây!

Vừa nói ông vừa lôi ở túi ra một gói xu, hào và một cái hộp thuốc trong có năm tờ

giấy một đồng :

-- Chúng mình hãy vét hết chỗ này hay là tờ, tờ vét hết của chúng mình cũng chưa biết chừng. Ông cười ha hả, cầm bát xóc một hồi. Ông nói huyền thuyên, quên cả vợ, có khi quên cả xóc. Không bao lâu, đồng tiền trong lòng ông hết sạch. Chúng bảo nhau tản nát dần, sau cùng còn trơ một mình với mấy thằng ranh con ngồi đánh trịnh một. Ông cau quăng cả bát đĩa ra đường, đứng dậy thất thểu ra về. Ông nằm vật trên giường ngủ say như chết. Lúc tỉnh dậy đã xế chiều. Ông sực nhớ chưa đi lễ đâu cả. Ông tìm đến ô không thấy, ông hoảng hốt kêu :

— Thôi chết tôi rồi ! Không biết tôi bỏ quên ở đâu ? Ông nhớ mang máng như bỏ

quên nhà ông khán. Ông hót hơ hót hải chạy sầm sầm bước vội ra cổng. Giữa đường, ông bắt gặp một anh xã nhép che ô đi lại phía ông. Ông nhận ra chiếc ô của ông, vì cán ô có dấu riêng, vai lại có miếng mụn chính tay ông vá lấy. Ông mừng rỡ kêu lên :

— Cái ô của tôi đây rồi ! Sao anh lại...

Anh xã vội trả lời :

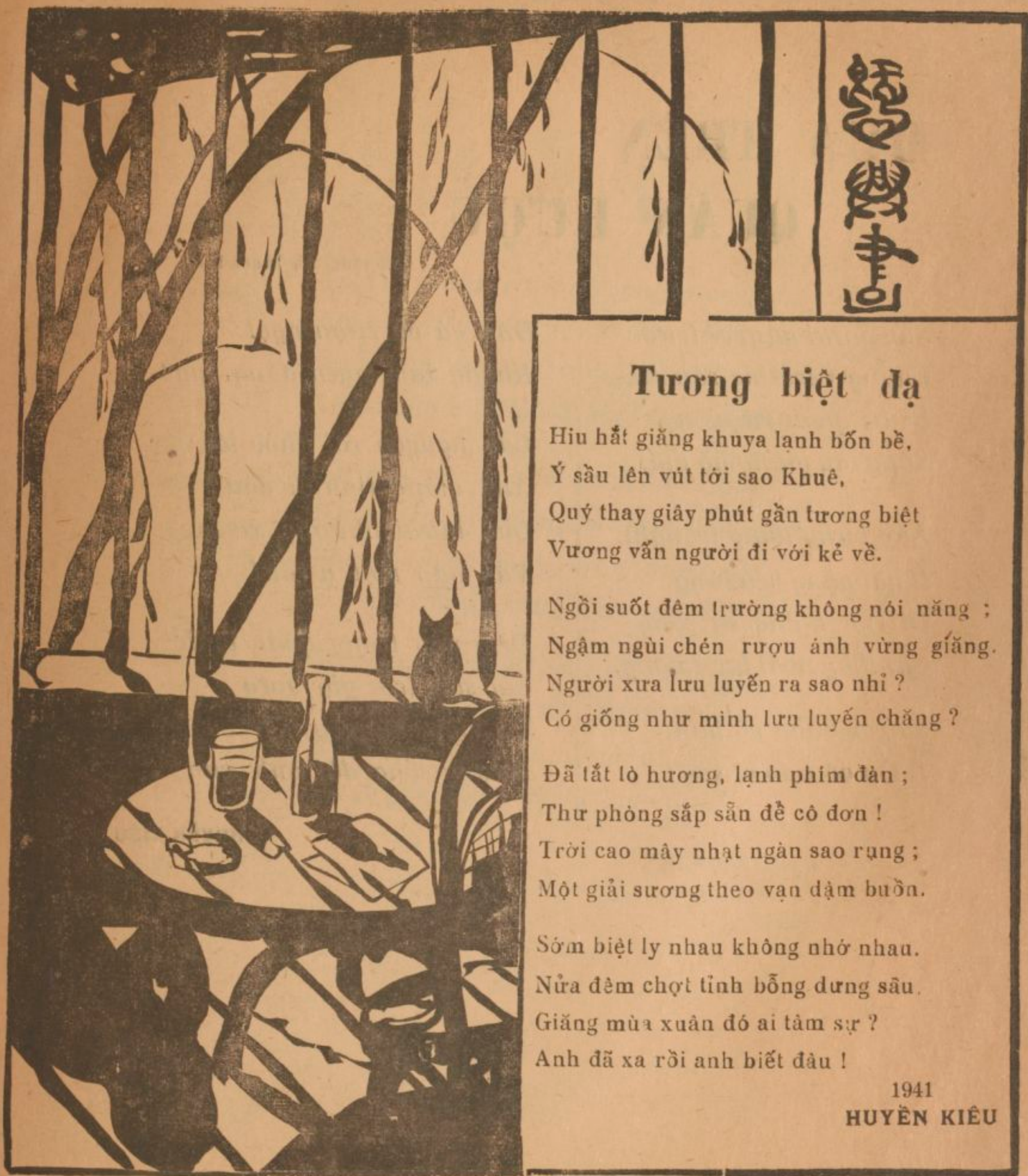
— Thưa cụ, cụ bỏ quên ở quán, con bắt được, định đem lại giả cụ đấy. Không có con thì cụ mất ô.

— Ôi chào ! Thế thì may quá !

Và ông nhĩ bụng :

— Chuột rúc có khác !

TRẦN TIÊU



Tương biệt dạ

Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề,
Ý sâu lên vút tới sao Khuê,
Quý thay giây phút gần tương biệt
Vương vẫn người đi với kẻ về.

Ngồi suốt đêm trường không nói năng ;
Ngâm ngùi chén rượu ánh vầng giăng.
Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ ?
Có giống như mình lưu luyến chẳng ?

Đã tắt lò hương, lạnh phím đàn ;
Thư phòng sắp sẵn để cô đơn !
Trời cao mây nhạt ngàn sao rụng ;
Một giải sương theo vạn dặm buồn.

Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau.
Nửa đêm chợt tỉnh bỗng dưng sâu.
Giăng mùa xuân đó ai tâm sự ?
Anh đã xa rồi anh biết đâu !

1941
HUYỀN KIỀU

MƯA TRÊN QUÁN RƯỢU

Kính tặng anh Thạch Lam

Sáu mươi năm về trước
Chàng Verlaine râu ria,
Lẻ từ quán rượu nọ
Sang lầu giang hồ kia,

Lửa bừng nung trí nghĩ,
U uất nặng bên lòng.
Đi tìm nghĩa sự sống
Chỉ thấy hoài hư không.

Say vì buồn vô hạn,
Buồn vô hạn vì say!

Đàn bà và rượu ngọt
Không làm quên đắng cay!

Cầu nguyện rồi khóc lóc,
Anh mang linh đi đâu?
Qua mười phương xa lạ,
Vẫn gặp một u sầu!

Đêm nay trong quán lạnh
Sùi sụt, trời gió mưa
Có một chàng trai trẻ,
Đương sống đời anh xưa!

HUYỀN KIỀU

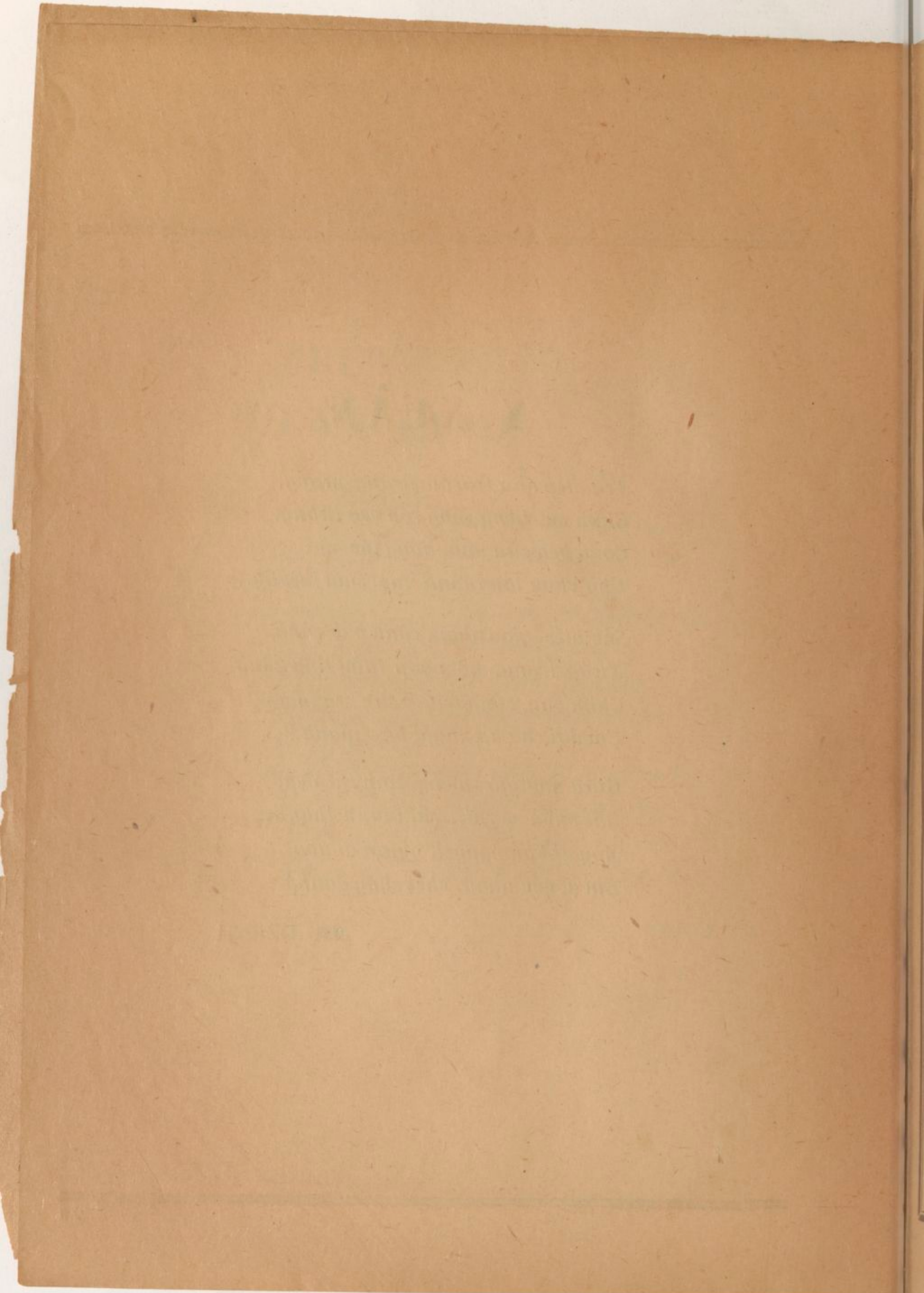
Ý XUÂN

*Trời đẹp như trời mới trảng gương,
Chim ca, tiếng sáng rộn ven tường,
Có ai bên cửa ngời hong tóc
Cho chảy lan thành một suối hương...*

*Sắc biếc giao nhau, cảnh bắt cảnh,
Nước trong, hồ ngợp thủy tinh xanh.
Chim bay, cánh trêu trong xuân ý
Em đợi chờ ai, khuất bức màn?*

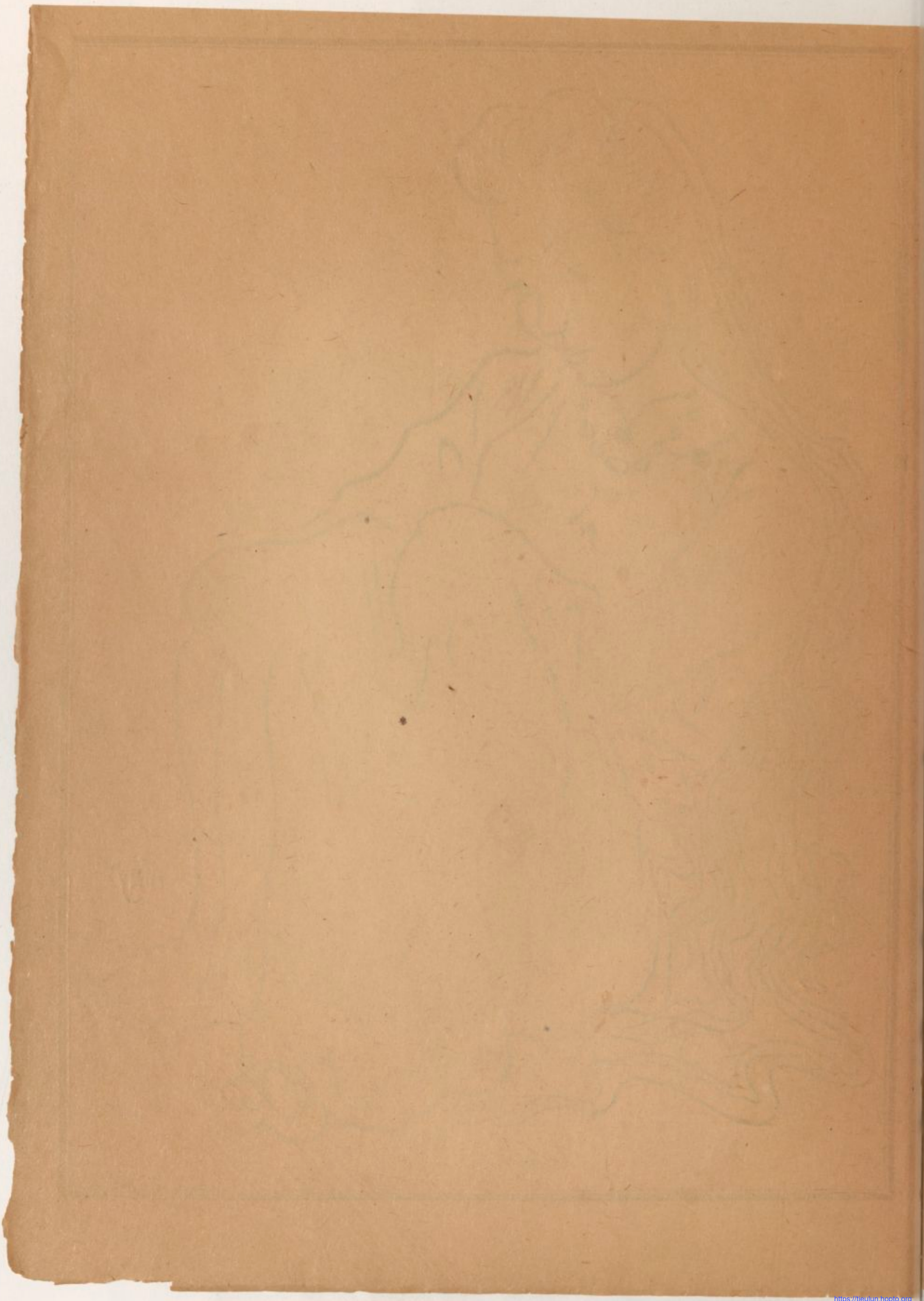
*Giữa một giờ thiêng, tình rất đẹp,
Rất buồn và rất... rất thanh thanh,
Mây ai bán nguyệt, người ai nhỏ,
Em ạ, yêu nhau, chết cũng đành!*

HỒ DZÊNH





AÍMŷ



LÀM CHA

TRUYỆN NGẮN của BÙI HIỀN

Tác giả « Năm Vạ » là một trong số ít những nhà văn đã khiến được nhiều người chú ý ngay từ bước đầu. Tập truyện ngắn đầu tiên của ông là một công trình đầy đủ và rắn giời, trong ấy linh động một lối văn khi danh thép khi dịu dàng. Nét bút không tỉ mỉ nhưng gợi được bao nhiêu hình ảnh nổi rõ. Trong tập « Năm vạ » có những truyện đoản nhiên có thể coi là kiệt tác trong thể văn khó khăn này. Thiên truyện dưới đây ngoài những đặc tính của ông mà ta thấy đậm thắm hơn và sai khiến bằng một lối hành văn có mực thước, ta lại được chứng kiến một điều mới ít có trong văn ta hiện thời. Nhưng tình cảm của một người cha có đứa con đầu lòng : sự giản dị ở đây có những vẻ đẹp dồi dào mà bạn đọc sẽ thưởng thừa.

THƯỜNG khi, giữa câu chuyện êm êm, Thu ngừng lại. Nàng gọi sẽ : « Anh ! » và nhắc bàn tay chồng đặt lên bụng mình. Thảo hơi nghiêng đầu nghe ngóng. Bàn tay chàng chum chúm để theo đường tròn căng của bụng vợ. Chàng cảm thấy rõ một cục lồi chạy chạy dưới da người đàn bà rồi lặn đi đâu mất. Hai vợ chồng im chuyện, mỉm cười nhìn nhau.

Hồi lâu, Thảo nói : « Thằng cha bạo tợn nhỉ. » Chàng hơi có chút kiêu ngạo cảm thấy một mầm sống của mình đang nảy nở một cách xem chừng tốt tươi mạnh mẽ, trong lòng che chở và êm ái của người vợ yêu. Thu đáp : « Thằng này rồi tha hồ mà nghịch. » Những cựa quậy của bào thai làm nàng hơi khó chịu, như thể có cái gì xáo lộn trong ruột gan, có khi làm nàng đau nữa. Nhưng cùng một lúc, một niềm êm dịu ngọt ngào dâng lên trong nàng, theo với

cái tình mẹ vừa trời dậy lần đầu.

Hai người lại im lặng. Hai tâm hồn cùng rung động trong một ý nghĩ xinh tươi. Đứa con đầu lòng ! Đôi vợ chồng son, ái tình còn mới như tờ giấy trắng, còn thơm mùi rượu ngọt và bánh cưới, đang đợi, không bồn chồn, không nóng nảy, một trẻ ti hon có cặp má hồng tươi như lòng vui của họ, và lời bập bẹ sẽ nói của họ những tình yêu đương.

Đôi khi, Thao áp tai lên bụng vợ, chàng nghe quả tim đứa bé đập, đập, tíu tíu như một cái đồng hồ tay. Chàng tưởng tượng ra dáng điệu co quắp của nó trong lòng mẹ. Chàng đã bắt đầu có cảm tình với cái mẫu người nho nhỏ, gần chàng lắm lắm mà vẫn còn xa chàng bao nhiêu ! Làn da căng của bụng người mẹ ngăn hẳn chàng với mảnh hình hài mà chàng nghe được nhịp sống và sờ thấy những cử động.

Thu đi qua thời thai nghén bình

thường; nàng năng cử động, biết cưỡng cái uể oải tự nhiên của người đàn bà mang nặng, để chăm sóc việc gia đình.

Một buổi trưa, sau bữa cơm, Thu nói với chồng : « Anh đưa em vào nhà thương. Có lẽ em đã đến kỳ » Hối ra, Thảo mới biết Thu bắt đầu chuyển đau từ sáng. Về bình tĩnh của vợ khiến chàng đã không ngờ tới điều gì.

Đến chiều, Thảo đi làm về ghé vào nhà thương, thấy vợ đứng nắm hai tay vào cọc mùng, tóc rối trước trán, da mặt hơi xanh. Chàng biết nàng đang chịu một nỗi đau mãnh liệt. Vốn can đảm, nàng không kêu khóc, không rên rỉ, nhưng ngón tay nàng bấu chặt cọc sắt, trán nàng toát mồ hôi lấm tấm, và Thảo nghe tiếng thở hồn hển mà nàng cố nén. Vàng lời cô đỡ, Thu không nằm, gương đi lại để cho sự sinh nở dễ dàng. Chân không, nàng bước vờ vờ từ góc này sang góc kia, có vẻ ngờ ngác, gần giống như một kẻ điên. Bỗng nàng gầy đôi người, vịn lên thành giường, Thảo vội vàng tới đỡ ngang mình vợ, nói những lời khuyến khích : « Em can đảm nhé ! Em có muốn làm vui lòng anh không ? »

Thu gật đầu và còn cố mỉm một nụ cười để an lòng chồng.

Bà dì Thảo và người chị của Thu tức trực trong phòng. Bà dì có vẻ bình thản. Mụ nhà quê ấy đã dự xem nhiều đám đẻ. Con gái, con dâu, cháu gọi bác, gọi dì, cháu bên nội ngoại, hễ sắp đến kỳ sinh nở lại nghĩ đến bà. Bà ở đợi nơi nhà con cháu, chăm sóc cho đứa bé lọt lòng ; khoảng chừng vài mươi hôm một tháng, có người khác mời, bà lại xách nón ra đi,

nói : : « À, ra cái dân an-nam mình hay đẻ thực ! »

Khoảng nửa đêm, Thảo bị đánh thức dậy. Còn lơ mơ chưa tỉnh hẳn, chàng nghe tiếng bà dì nói tự ngoài cửa : « Sinh con trai rồi. »

Chàng vội nhảy ra khỏi giường, khoác áo đi vào nhà thương.

Đêm phòng thủ buồn tênh. Phố tối om, điểm từng chạng xa một cái nón ánh sáng úp chụp xuống mặt đường. Khi chàng đi vào trong vòng sáng, đôi vai vàng rực lên và chàng tỉnh hơn một chút. Những bóng trắng trắng nằm dài hai bên lối đi của nhà thương : đó là những người bệnh nhẹ nằm ngoài trời lấy gió. Thảo cố tìm xem trong mình có những cảm giác gì. Nhưng thần trí chàng, bị rút dậy giữa giấc ngủ êm tĩnh, chưa thật tỉnh táo hẳn, và cảm giác cũng như còn mơ màng chưa dậy lên. Chàng chỉ thấy hơi khó chịu vì cái nhức nhối làm nặng đầu, như chàng thường có khi thức khuya.

Ngồi nhà hộ sinh sáng choang đèn ; ánh sáng làm cho tỉnh hẳn.

Thảo thấy vợ nằm duỗi thẳng trên giường, vẻ tỉnh táo và khỏe mạnh. Chàng nắm tay Thu ; nàng mỉm cười đưa mắt về phía cái nôi. Thảo vạch cánh mùng : giữa những tã và gối trắng tươm, nổi một cái mặt tròn vành đỏ hồng to bằng nắm tay ! Chị Thu nói : « Nó sinh lúc hai giờ kém mười lăm. Cân được ba lô sáu. »

Một niềm kiêu căng dẫn bộ ngực vạm vỡ của chàng. Ba lô sáu, một đứa con so ! Thực là một sự thành công tốt đẹp. A . đứa bé đã xừng làm con cha mẹ nó. Thảo thì ham chuộng thể thao, và Thu vốn là con gái đồng quê, hồng hào mạnh mẽ.

Thằng bé nằm im, hai mắt nhắm trông như hai sợi chỉ đen. Tóc thưa, đen, dài và mềm dán trít vào da đầu, ngọn quăn lên. Chàng hỏi :

— Thu sinh có dễ không ?

Chị Thu đáp :

— Cũng dễ. Mà tài chịu đau lắm. Có đỡ khen Thu giỏi, có khi đau quặn mà chỉ một tiếng « chị ơi ! ».

Bà di tiếp :

— Có lần nó nằm lấy cộc mùng bảo tôi : « Di ơi di, tôi bẻ cái cộc đi đây. » Ấy thế mà một hồi sau trèo lên giường ngủ quách.

Thu mỉm cười, nhắm mắt làm ngủ.

Vừa nghe chuyện, Thảo vừa ngấm đũa trẻ thơ. Chàng hơi ngạc nhiên vì không nhận thấy một cảm tưởng, một rung động gì mới lạ cả. Chàng tự nhủ thầm : « Đứa bé nằm đó là con mình, con Thu, là máu mủ của mình », nhưng vô hiệu. Chàng chỉ cảm thấy trong lòng chàng quặn quai một nỗi băn khoăn mà rồi chàng tìm duyên cớ : không đành lòng vì cái lạnh lùng vô lý của mình, chàng đã cố sức tìm lấy một chút thiện cảm, và sự gắng sức đó chỉ tỏ làm cho bức dọc Phải rồi, chàng chưa cảm thấy, bằng tim, mối liên lạc giữa chàng với thằng bé, cũng *nhảm* như những đứa sơ sinh khác mà chàng đã có dịp thấy. Nó chưa có một nét gì riêng : cũng bộ má tròn phì phị, đôi mắt xung húp, làn da đỏ hồng, và cái vẻ mẫn nguyện, gần như đề ghét, của kẻ no nê.

Ngày thứ hai của thằng bé, Thảo vào thăm bỗng ngạc nhiên. Mặt nó đã nhỏ đi. Bà mẹ vợ được tin vừa xuống tỉnh chiều

hôm qua, giảng : « Nó bớt u sữa, cứ bé dần. » Những nét của thằng bé tinh tấn hơn, làn cong vành má dần ra, mũi nổi rõ, đôi mắt bớt sưng. Màu da trở sang hồng hồng. Nó bắt đầu dễ trông và dễ thương.

Giữa đồ vải trắng, mặt nó như một đoá hoa lớn. Hơi thở phập phồng rất nhật nâng mạnh áo hàng Kim cương mịn màng, làm óng ánh những dọc tơ. Thỉnh thoảng nó giật mình rất mạnh, hai tay giơ lên không trong một dáng điệu tuồng ngón xòe rộng. Bà nhạc Thảo lấy chần dày đắp lên người nó : « Ở trong bụng mẹ, nó nắm chặt ; bây giờ ra ngoài, cử động trong không khí thung dung chưa quen, nó hay giật thột. »

Cô đỡ vừa tắm cho nó hồi nãy, đứng nhìn, nói :

— Con so như thằng này khá. được ba lô rưỡi.

Thảo hỏi :

Thế mà ai bảo ba lô sáu ?

Chàng vội lấy tấm *fiche* treo trên giường, thấy ghi trong đề 3kg 460. Ra chị Thu nghe lầm. Thế là tự nhiên thằng bé sút mất hơn trăm gam. Chàng nghĩ : « Thôi cứ kể là ba lô rưỡi, cho chẵn. » Chàng mỉm cười bất chợt thấy sự tính toán con nít của mình để ăn gian cho con.

Cô đỡ nói :

— À, thầy đặt tên cháu chưa ? Trên phòng giấy hỏi để làm giấy tư ra tri bộ.

Làm vẻ bối rối, chàng đáp : « Để cho nghĩ đã chứ. » Thực ra chàng đã soạn sẵn hai ba tên rồi. Hay nhiều tên hơn nữa : chàng có cả một chuỗi tên, mà chàng cho hoặc đẹp và nhã, hoặc hùng,

để gọi những nhân vật trong tiểu thuyết chàng định viết. Chàng sẽ mượn ở đó một tên cho thằng bé. Chẳng hạn : Tuấn, Phi, Linh.

Hồi lâu, chàng nói, như cách bàn với cô đỡ :

— Tôi gọi nó là thằng Tuấn đấy ?

Chàng quay lại mẹ vợ :

— Mẹ có ưng không ?

Bà cụ đáp — vốn là người đàn bà nhà quê khôn ngoan khéo léo, bà quen dè dặt, rào đón :

Tôi thì thế nào cũng xong. Cốt hai cụ bên nhà ưng thuận là được.

Thảo nói với cô đỡ, để giữa cuộc bàn cãi chắc hẳn làm phiền rầy :

— Cô cứ khai hộ cho tôi tên Tuấn, Hoàng-công-Tuấn.

Thằng bé ngủ rất yên. Nhưng có lúc, nó dềch miệng mở hoác một khoảng trống màu bầm bầm trong đó lo le cái đầu lười ; đồng thời tất cả mặt nó nhăn nhó, thịt dùn quanh hai mắt sưng vồng, đã đỏ tía lên. Người ta tưởng nó sắp bật khóc dữ dội. Nhưng nét mặt thơ tự nhiên lại dần ra, trở lại bình thường, và nó lại nằm ngủ yên. Mẹ Thu ghé xuống nói nựng :

— Ờ hơ ! Các bà mẹ vừa mắng cho. Xấu !

Bà hỏi Thảo :

— Anh trông xem nó giống ai ?

Thu nói :

— Con mắt và cái miệng giống của anh.

Thảo không thấy giống ; nhưng chàng sẵn lòng không tin ở sự xét đoán của mình, và ưa cho Thu nói đúng. Bởi một ý muốn còn mơ hồ về sự nổi giời, chàng thích tìm thấy lại nơi đưa con hình ảnh

của chàng. Tuy vậy, chàng cũng nói :

— Anh không thấy giống.

Thằng bé tỉnh thức, vuôn vai cần thận tay giờ duỗi có vẻ lăm. Thảo ngây thơ kêu một tiếng khen phục. Chàng không ngờ thấy cái cử động người lớn ấy ở một đứa bé mới có hai ngày sống. Chàng nghĩ thầm : « Ừ, mà hôm qua nó biết hắt hơi nữa kia đấy ! »

Mở mắt ra bị chói, thằng bé hấp hay rất buồn cười. Chị Thu bỏ mũ xuống để làm nhẹ bớt ánh sáng. Thảo bèn vén cánh mũ mà nhìn : chàng bắt đầu chú ý đến con. Thằng bé trương mắt lên : nhưng mi còn dày quá, cứng lại, nên con mắt chỉ mở được ít và lấy hình tam giác ; Thảo liền tưởng đến một người bạn nữ khán hộ mắt một mí, nghĩ thầm : « Như thế thì không được đẹp. » Chàng tự hỏi : « Nó có thấy gì không nhỉ ? » Chắc cảm giác thằng bé còn khờ dại, mơ hồ, cũng như những cử động nó vẫn non nớt, chỉ phác nửa chừng, cả đến khóc cười, sự biểu diễn cũng chưa được hoàn toàn, nên mới có những cái mếu bị treo lửng.

Mẹ Thảo ở ngoài nhà quê, được giấy thép báo, vào tỉnh thăm cháu. Thằng bé ở nhà thương được một tuần, bà cho đưa về nhà. Bà bồng thằng bé một cách gượng nhẹ khéo léo, sai mua hoa chuối Thu ăn cho nhiều sữa, cấm nằng nặc nghiêng : « Mới sinh xong, trong người cái gì cũng lỏng lẻo, cử động mạnh hoặc nằm nghiêng có thể làm lệch lạc đi. Hồi chúng tôi ở cũ, cứ phải nằm sắp mà ăn kia đấy. »

Mẹ Thu nói lời :

— Bà nói phải. Bây giờ họ bỏ đi nhiều,

chúng ta ngày xưa biết kiêng hơn, bà nhỉ.

Bà dì nâng giải thẳng bé lên :

— Hai bà xem, con nít thế này thì dễ nuôi : có một vach dọc nơi giải.

Thảo bật cười. Nhưng chàng thấy lòng yên và vững. Chàng tin ở sự thông hiểu của ba người đàn bà đã có hai mươi năm kinh nghiệm về sự nuôi con.

Một chị bạn nhà quê, nghe tin Thu đẻ, xuống tỉnh hồi sớm. Chị ta tức tốc đi mua vải, về nhà Thu ngồi xồm trên giường, dọn ở mùng ra nào kéo, nào kim chỉ, cắt cắt, may may, trông bộ xằng xái. Đôi khi Thảo liếc nhìn và mỉm cười cảm động nghĩ đến những tình bè bạn đàn bà, xinh nhỏ hay hay, lời lời mà bền bỉ, kết bằng những sự biểu xén vặt, những ý ân cần tũn mủn như tình họ.

Thằng bé nhỏ đi trông thấy. Khôn mặt dài hơn, đường môi vẽ rõ và Thảo bắt đầu nhận thấy miệng nó giống của mình. Hai mắt bớt sưng, to ra, đã có vẻ ngơ ngác của kẻ bỡ ngỡ nhìn đời. Thảo thường bắt chợt mình ngồi ngắm nó rất lâu. Cái con bọ đỏ hồng ngo ngoe ấy thế mà biết gây thiện cảm. Trong lòng chàng nảy nở một niềm triu niệm còn nhẹ nhàng nhưng rộng rãi. Chàng biết trước sẽ yêu thương nó, bằng một tình riêng biệt. Đó không phải tình yêu thương như ta thường có với bất cứ trẻ nào bởi chúng xinh xắn dễ thương ; chàng nghe rõ lòng cha thức dậy dần dần, đã sẵn sàng nhân

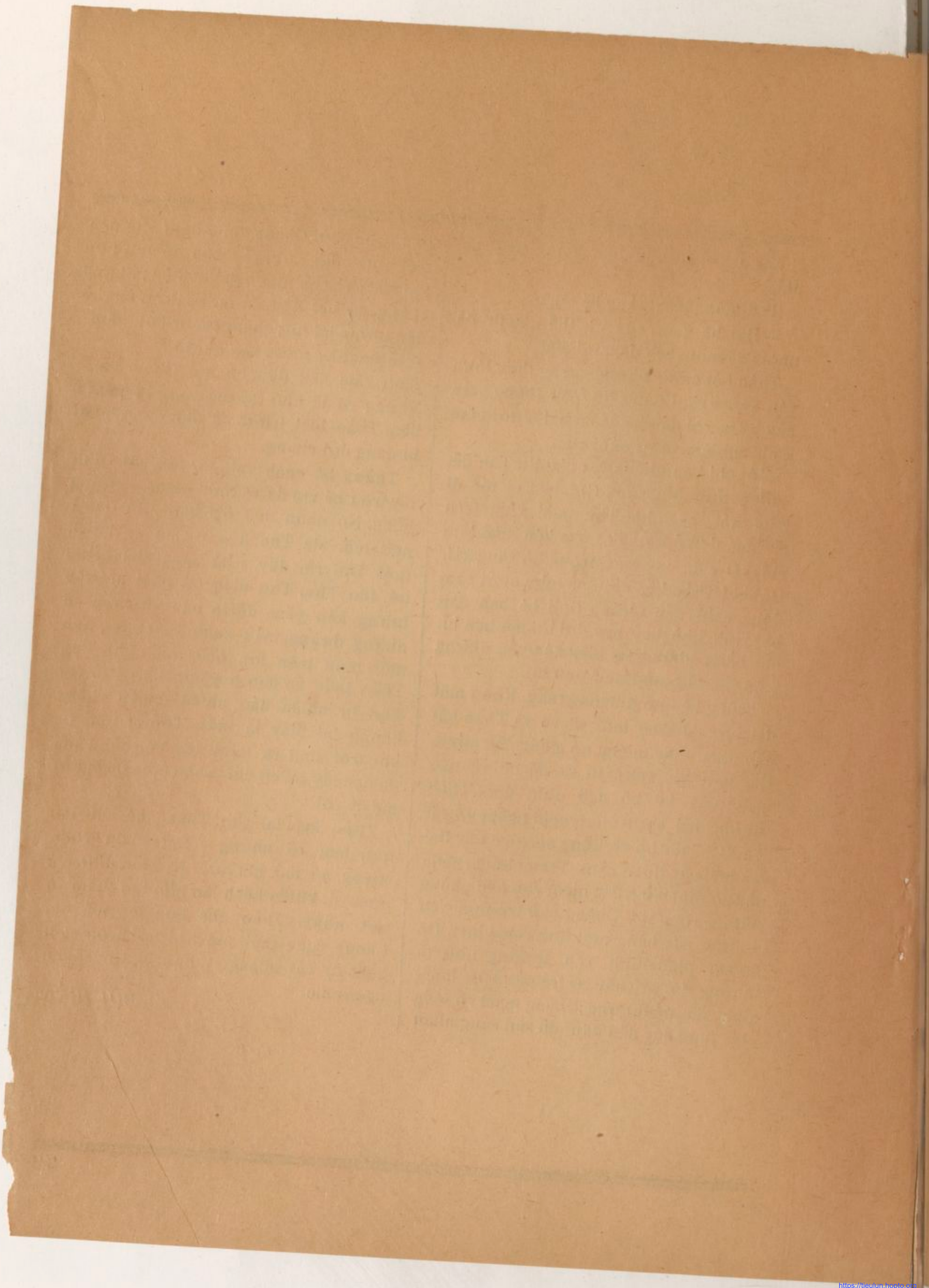
từ và che chở. Chàng chưa nghĩ hẳn đến việc nuôi dạy con, rèn cho nó một tính khí và gây cho một nghề nghiệp ; nhưng chàng đã bắt đầu có mối ân cần mơ hồ đến tương lai nó ; chàng đã tự hỏi thầm : « Nó sau này rồi ra sao nhỉ ? »

Tình cảm đến dần, có hơi chậm chạp. Nhưng có lẽ nhờ thế mà nó sẽ thêm sâu bền. Thảo biết trước cả một niềm hoan hỉ đang đợi chàng.

Thằng bé vuôn vai, giơ lên hai cánh tay tròn bé xiu da rất mịn màng và trắng hồng. Nó nhăn mặt bật khóc, đổ tia cả mắt lên. Mẹ Thu bảo : « Cho nó bú đi thôi. Đói rồi đấy. » Bà nâng cháu, trao nó cho Thu. Thu dịch lui ngồi tựa vào tường, kéo yếm để lộ bầu vú căng có những đường máu xanh và ở giữa, nhô một mụn tròn lớn màu sẫm. Lần đầu Thảo thấy vợ cho con bú. Nhưng cử chỉ Thu tự nhiên bao nhiêu, khiến chàng không hề thấy lạ mắt. Tưởng như từ khi trời sinh ra mình làm con gái, nàng đã học lấy cái cử chỉ muôn đời của người mẹ ấy rồi.

Thảo xấp lại gần. Thằng bé háu tấu nức, làm rõ những tiếng chúp chíp. Miệng nó mở hết sức để trùm được cả núm vú, khiến hếch làn môi hơi thắm và ướt nhầy. Thảo ghé hôn lên má nó. Chàng nghe mùi sữa hơi hơi ngòn ngọt xuất từ cái miệng tí hon và tự yếm áo người mẹ.

BÙI HIỀN



D Ụ N G

Tay tiên gió táp mưa sa,
NGUYỄN DU

*Đàn rưng rưng lệ, phách dồn mưa,
Tiếng hát tàn rơi hận thuở xưa...
Bụi nhuộm Thiên Thai, nhòa hừng rượi;
Đời sau say giúp mấy cho vừa !
Cỏ đơn, men đắng sầu trắng bến ;
Đất trich Tầm-Dương quanh tiền đưa...
Nhịp đồ càng mau nghe riu riu,
Té rời tay ngọc lúc buông thưa .*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

••

NGOÀI BA MƯƠI TUỔI

Tuổi ba mươi lại đã dư một vài
TẢN ĐÀ

*Nằm say, nhựa tỏa cánh xiêu xiêu ;
Giường thấp, nghe trời xuống tịch liêu.
Sự nghiệp nào đâu ? Trưa, nắng xế,
Hoa phai thề ước, lá tàn yêu.
Ngoài ba mươi tuổi, duyên còn, hết ?
Một ván cờ thua, ngả bóng chiều.
Ai khóc đời ai trên bắc lụi ?
Đây mùa thu sớm lửa dần thiêu.*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

BÀI CA MAN RỢ

LÒNG đã khác, ta trở về đô-thị,
Bỏ thiên-nhiên huyền bí của ta xưa.
Bóng ta đi chum khắp lối hoang sơ,
Và chân bước nghe chuyển rung đời xuôi
Lá cỏ sắc vương đầy trên tóc rối,
Ta khoác vai manh áo đầm hương rừng,
Rồi ta đi, khi núi bốc trên lưng,
Mắt hung ác và hình dung cổ quái.

Trông thấy ta cả cõi đời kinh hãi,
Giòng sông con nép cạnh núi biên-thùy,
Đường châu-thành quần quai dưới chân
đi,

Sao động hết loài cỏ hoa đồng nội.
Người và vật nhìn ta không dám nói,
Chân lảng xa, từng cặp mắt e dè.
Ta ngần ngợ nhìn theo bóng ngựa xe,
Nhìn theo mãi, đến khi đời lảnh cả.
Và ta thấy hiệu nguyên lòng sơn dã,
Cảnh sắc này bỗng nhuộm máu tã
dương!

Ta xót thương, ta căn giận, hung cuồng,
Ta gầm thét, rung mây trời thế-sự!
Rồi dữ tợn, ta vùng đi khắp xứ,
Năm hai vai từng những khách qua
đường;

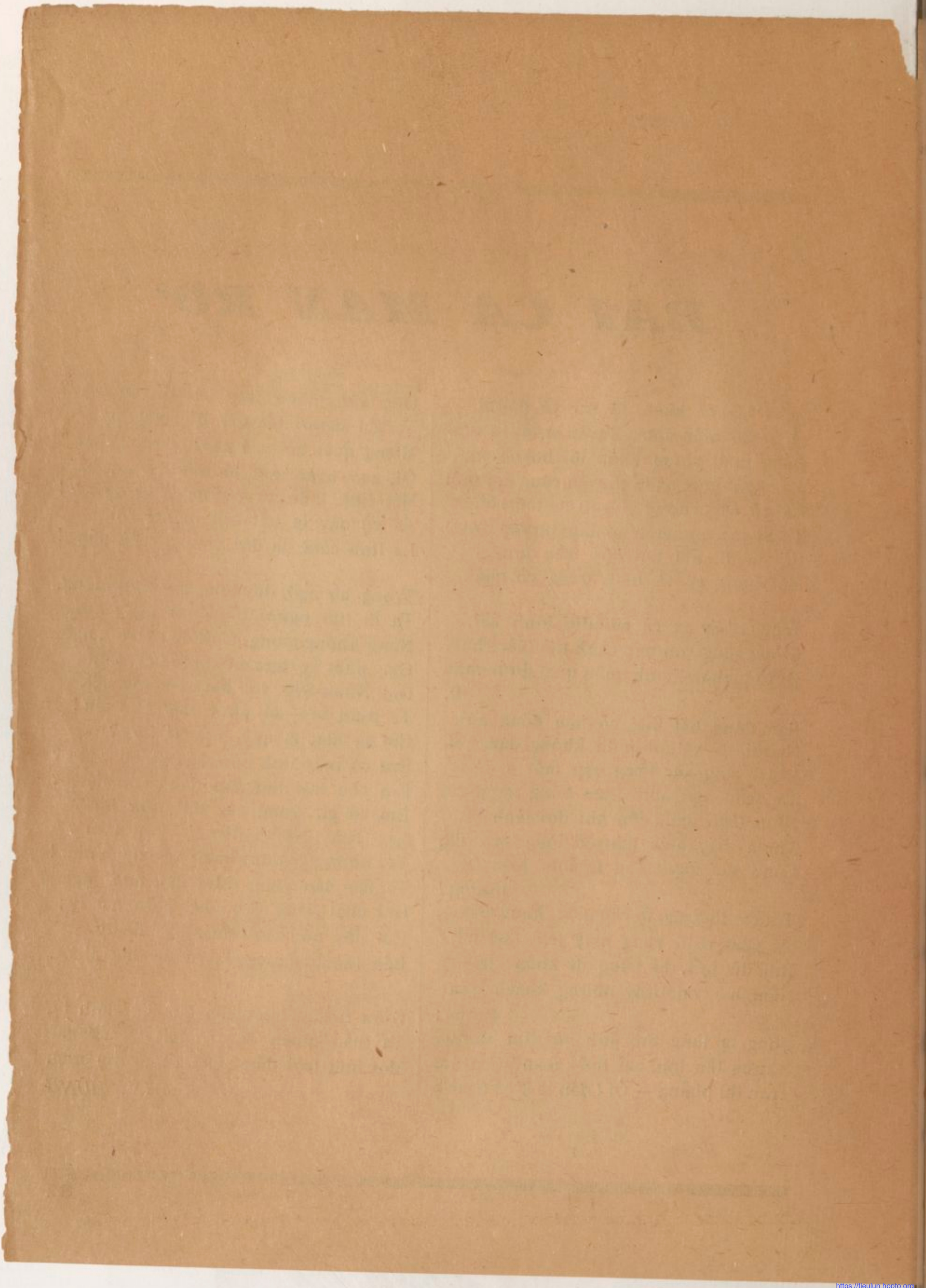
Lòng lạ lùng tìm ảnh với tìm hương,
Nhưng lẫn lộn, chỉ thấy màu xiêm áo.
Trán thì phẳng — Ôi! đâu là kiêu ngạo?

Đâu hồn nhiên trên nét vẽ râu mày?
Ta ghi người tắt thở ở trong tay,
Miệng quát hỏi: có phải người là bạn?
Ôi, ngơ ngác một lũ người vong bản,
Mất tinh thần từ những thuở xa xôi!
Ta về đây lạ hết các người rồi,
Lạ tình cảm, lạ đời chung, cách sống!

Trong bờ ngõ, duy lòng còn chút mộng,
Ta đi tìm người thiếu nữ ngày xưa.
Nàng không mong, ta đi đến không ngờ,
Giây phút ấy thực mắt nhìn tận mắt,
Ôm Nhan-Sắc với hai bàn tay sắt,
Ta nhìn ai — ôi khéo mắt ta nhìn!
Em là ma, là quỷ, hay là tiên?
Em có mấy linh hồn, bao nhiêu mộng?
Em còn trái tim nào đang xúc động?
Em có gì, trong xác thịt như hoa?
Lạc Thiên-Nhiên đến cả bọn Đàn Bà
Vội những vẽ dung nhan kiêu diễm nhất!
Ta lão đảo vùng đứng lên cười ngất,
Ghi chặt nàng cho chết giữa mê ly;
Rồi đầy xéo lên sông núi đô-kỳ,
Bên thành quách, ta ra tay tàn phá...

Giữa hoang loạn của lâu dài, đình tạ,
Ta thần nhiên đi, trở lại núi rừng.
Một mặt trời đầm máu xuống sau lưng.

ĐÌNH HÙNG



NHẬN XÉT NHỎ

ĐÒ NGANG

(Ý nghĩ vơ vẩn của một người đứng bên sông)

của THANH TỊNH

CÓ khách tạm nào đứng trên bờ sông không ? Đò ngang đã ghé lại đây.

Đò ngang thường đi đôi với khách tạm. Vì trọn đời con đò ngang đã tự hiến mình để đỡ những bước tạm của khách đường xa. Đò ngang như cái thoi nối hai bờ, chắp đường lại và kéo dài lữ khách dài thêm.

Không ngờ đò ngang đã nhận được cái việc thiêng liêng chờ mộng đời và nuôi tri khách.

Vì không đò ngang thì đường đứt quãng, khách đoạn tình và khách bộ hành đành lạc hướng tâm tư. Và bờ sông bên kia đã hóa ra thế giới mộng huyền và trên ấy dấu chân người còn ngại ngần chưa dám động.

Đến sông gặp cầu khách không mừng bằng gặp chuyển đò ngang. Vì con đò sẽ trôi và khách được nghỉ chân chốc lát. Cầu cũng như đò, nhưng còn trải mình để giục khách bước qua sông.

Đến sông là khách muốn tìm ngay bóng đò. Đò cặp bến khách vui. Đò quay chèo khách giận. Vì khách mừng đi nhằm dịp tốt. Hay tự trách mình sao không chịu mau chân.

Nhưng đường xá rộng và dài thăm thẳm. Nào khách có đo lường được dặm và tình được sức người dẫu.

Đo lòng người cần thời gian. Đo dặm đường cần gió bụi. Trễ chuyển này, khách ngong ngóng đợi chuyển đò sau. Bến đò vốn tự xưa là trường nhậm nại, và lớp dạy người kết bạn với ý tưởng lạc quan.

Nếu đến bến thấy ngay đò, khách mừng thầm gặp được ngày may mắn. Phải lúc đò quay lái, khách vội vàng cho là một dịp tốt để dừng chân. Nếu bên kia sông con đò mới trùng triều rời bến khách gắng vui mừng để mua lấy ý đẹp có người niềm nở đón đưa duyên.



Thử lần thần so sánh mà chơi :

Con đò ngang giữa giòng sông có nhiều quyền hơn con đò dọc. « Đò dọc phải tranh đò ngang ». Đó là luật lệ âm thầm của muôn sông muôn bến.

Đò dọc phải tránh đò ngang vì lẽ đò dọc chờ mộng viễn phương, đò ngang chờ hồn biệt xứ.

Hồn viễn phương quen lênh đênh nên đã kết thân với đời chậm chạp. Hồn biệt xứ chỉ sống được trong giây phút điên cuồng nên mới làm bạn với xa xôi.

Nhưng dẫu phải nhường nhịn một hồi, con đò dọc vẫn khoe khoang đã lướt nhẹ mình qua nhiều sông bến ! Con đò ngang không chịu kém, cũng khoe

mình biết được lắm khách của giòng sông. Nếu tình cờ trên chuyến dò ngang có người đẹp thì hẳn câu chuyện lòng đã tìm được cảnh đẹp để bày ra. Cây dò, bến đó, và bến cũ, và dò xưa, sông lai láng chắc biển tình cũng lai láng. Đi trên đường, người ta còn sợ đường khác cướp mất người thân. Chứ giữa giòng sông, con dò ngang chỉ biết đưa người về một dặm.



Não nùng nhất là tiếng gọi dò trong đêm tối. Tiếng nghe như rên rĩ như than vãn, lẫn cùng cảnh bờ vờ, chen vào sâu không hạn. Tiếng gọi càng lúc càng nhanh rồi từ uể oải đến lạnh lùng, rồi lịm dần dần trong đêm lặng.

Tiếng gọi dò cao hơn tiếng mõ điểm khắc canh, đục hơn tiếng trống chiều dồn gió.

Tiếng cất lên cao đồng dục và oai nghiêm như thầy phù thủy đuổi tà và hạ xuống thấp rồi rạc, não nề như lời con nhà nghèo van nợ.

Tiếng ấy đêm hạ nghe rất khô, đêm đông nghe chảy dài và trơn ướt. Cũng tiếng ấy đêm trăng lại nghe thánh thót, đêm tối trời nghe vội vàng như nước chảy đọng hồ thu.

Và giữa canh khuya, người ở hai bên bờ, ai đã lỡ nghe tiếng gọi dò, họ vẫn mãi mãi còn nghe tiếng ấy thoáng gọi buồn như trước.

Rồi trọn đêm ấy, qua canh gió, qua giòng mưa, dư âm vẫn giúp khách phương trời gọi dò trong tim người lối xóm.

Người ở bên sông vốn là kẻ hay sầu. Nên trước tiếng gọi dò đêm, liền tưởng

tượng ra nhiều cảnh thảm.

— Ừ biết đâu không vì cách chuyển dò, người con đứng bên này cầm thang thuốc hồi sinh, và bên kia người mẹ già đang chờ con và hết thở.

— Và biết đâu, vì cách nhau một chuyến dò, hai người cùng hẹn hò và cùng không gặp mặt. Rồi đời họ rẽ ra dần như con dò rẽ nước. Hai bên cố gắng nuốt buồn và thầm trách lẫn nhau. Hai sóng nước rẽ xa dần, rồi mập mờ rồi tắt hẳn. Con dò làm nên tội ác đã lẫn và biến dần trong thăm thẳm của trời xa.

Người ấy nghĩ mãi, nghĩ mãi để cùng thao thức với kẻ đợi dò thao thức.

Tiếng gọi dò lạc trên giòng sông một ít và đọng trong trí người bên bờ rộng rãi và nặng nề hơn.

Rồi sau một hồi im bật, tiếng ấy lại thét lên như giọng căm hờn của người thất vọng.

— Bớ... dò !

Và cũng may bên kia sông có tiếng người đáp lại :

— Chèo !

Hai người cùng một lần thở dài sung sướng. Tiếng chèo vỗ trên mặt nước và cùng vang lên một lần trong tâm trí người hai phương.

Đò ghé bến. Khách vội vàng bước lên.

Kẻ nằm trong chăn ấm, tuy ở một nơi cũng tự nhiên thấy nhẹ nhàng như người làm xong bồn phận.

Thế mà trên giòng sông vắng, giữa những giọt mưa đêm, khách lạc bước của trời sông, dám tưởng mình đi một mình.

THANH TỊNH

BƯỚC ĐẦU CỦA HỘI HỌA VIỆT NAM HIỆN-ĐẠI

của TÔ NGỌC VÂN

TRƯỜNG Mỹ-thuật, năm đầu tiên sáng lập, ở khu vườn Dufeur, cũng trong phạm vi của trường Mỹ-thuật bây giờ. Đó là một sườn lớn, lợp kẽm trước kia chứa sừng cuốc, của sở Lục-lộ, năm 1925, vừa là tư thất của ông đốc Tardieu, vừa là chỗ họp của những người mới được tuyển. Giữa cái ô đầu tiên của Mỹ-thuật Việt-Nam hiện đại ấy có bức tranh vĩ đại của ông Tardieu, hiện giờ dán ở giảng đường trường Cao-dẳng, hồi ấy chưa mờ đi vì rêu mốc như ngày nay, lúc nào cũng rực lên cái ánh sáng vàng đỏ của màu cam chín. Trước mặt, một cái thang dài đứng lêu nghêu, tới tận đỉnh tranh, và kêu rảng rặc mỗi khi ông Tardieu nặng nề bước lên để vẽ vào bức họa. Cái thang ấy, ngày ngày ở cao nhìn xuống chúng tôi tùm nham dưới chân nó, như vừa thiện cảm, vừa tinh nghịch thóc mách. Suốt buổi nó ngấm cái dầu rồi bù rất mỹ-thuật và muốn có chặt tụt của Lê-Phồ, lúc nào cũng trịnh-trọng trên vòng cổ cồng cừng gầy gò, chung quanh thắt cà-vạt đen dài. Nó ranh mãnh chứng kiến cái chuyện chẳng may của chàng Nguyễn-phan-Chánh, cứ một ngày lại y như thế xảy ra hai lần, sáng và chiều. Số là chàng có cái ô bạc màu mỗi buổi đi

theo chàng mà chàng nhất định giữ bên mình không rời trong khi ngồi vẽ. Ông Tardieu hôm đầu thấy thế không sợ mich lòng chàng, đem cái ô cài vào mình thang, nhưng... buổi sau, sau nữa, và buổi nào cũng thế, công việc giữ ô cạnh mình là của chàng Phan Chánh, công việc cài cái ô vào thang là của ông Đốc Tardieu. Còn công việc cái thang lêu nghêu của chúng tôi là mỗi lần ô đặt lên mình nó lại kêu « cắc ! », nện xuống như chế nhạo, đếm thêm một lần.

Ngồi góc kia là Mai-trung-Thứ, môi ươn ra, hai mắt lồi bật như muốn chạy lên mình người khỏa thân đứng kiêu mà chàng đang kiên tâm chép họa hình thể. Ngồi góc này là Lê-văn-Đệ cũng mãi miết, cũng kiên tâm, và thỉnh thoảng thích chí cái gì không ai rõ, cười phì ra một hơi, như chiếc pháo si bất ngờ lên tiếng...



Nếu trường Mỹ-Thuật không có ! bao nhiêu lòng nhiệt thành ham yêu mỹ-thuật đã đem phung phí trong một nghệ thuật bất chính rồi còn gì ! Ông trời ở nghệ thuật ấy là ông Trần-Phênh, họa sĩ mà trước kia chúng tôi rất phục tài và coi như cái đích tuyệt cao khó tới. Nghệ-thuật của ông cốt ở sự khéo tay, quen tay;

cái tài là bịa những màu xanh đỏ bôi lên hình thể đã chép theo đúng những bức ảnh, không cần đến sự rung cảm của nghệ sĩ.

Kỳ thi thứ nhất vào trường Mỹ-thuật, ông Phênh đến dự. Chúng tôi thêm thường nhìn ông, nghĩ rằng địa vị ông không phải để làm học trò trường Mỹ-thuật, mà để vào giấy đấy. Trong phòng thi bài vẽ « người khỏa thân » người ta trở mắt theo nhịp tay ông lướt trên trang vẽ, đưa lên lần lượt lấy một đồng gài ở kẽ tai, những bút chì to nhỏ bé tí, những cuộn giấy đánh bóng đủ tầm, đủ khổ, khéo léo như người thợ cạo lấy rây tai cho khách hàng, ông sẽ vờn tĩa những lông mi hay những nét răn trên môi bức trang ông truyền thần « người mẫu ».

Kết quả kỳ thi làm mọi người kinh ngạc : ông Phênh bị đánh hỏng và hết thiêng, với cả nghệ thuật của ông.

Vui vẻ, mê yêu, tin tưởng, chúng tôi vào cửa trường Mỹ-thuật để tới thăm cung của « ĐEP » mà chẳng bao lâu đã thoáng thấy quyến rũ làm sao ! Có trai gái nào say đắm sắc đẹp người bằng chúng tôi mê cái « ĐEP » ?

Trong thế giới những tâm hồn đam mê ấy, người ta nói đến danh họa Tàu, Nhật hay Âu-Tây thế kỷ này và thế kỷ trước, người ta tách bạch tính nết, biệt tài của họ, y như những người đã quen biết nhau lắm, đã hiểu nhau quá rồi, tuy người ta mới đọc về họ hay nhìn những bức ảnh chụp có màu hay không về tác phẩm của họ ! Những ai đã hiểu rồi mới yêu ! Ở tác phẩm ấy, có một vẻ gì gây ra thiện cảm, một không khí gì trong đó những học sinh trường Mỹ-thuật của

chúng ta thấy dễ chịu thoải mái.

Đừng hỏi họ vì sao. Họ sẽ chỉ có thể bắt chước Montaigne mà trả lời : « vì là Hokusai, Manet, Cézanne, Vangoh... vì là chúng tôi... »

Sự dụng chạm của trường Mỹ-thuật với công chúng bắt đầu ở cuộc triển lãm thứ nhất vào khoảng 1928-1929, tại ngay trường Mỹ-thuật. Có tranh « thiếu nữ rũ tóc » mặt buồn của Lê-Phổ, tranh « thiếu phụ ngồi trên sập » hai mắt ươn ướt như sắp khóc của Mai-trung-Thứ. Có tranh « ông già » nhẹ nhàng của cô Lê-thị-Lựu, những tranh nặng nề nâu tối cảnh nhà quê của Nguyễn-phan-Chánh. Tranh lụa chưa ra đời. Đó chỉ là tranh sơn mặt sần sần và gồ ghề. Đầu nhọn và bóng lộn như ảnh mà công chúng thích. Các báo bình phẩm dè dặt. Người ta chê màu thuốc của Lê-Phổ và Phan-Chánh như « đất bùn ». Họ có ngờ rằng đó lại là một nhời khen không ? Một tờ báo hằng ngày mỉa tranh của Mai-trung-Thứ « đậm » quá. Chỉ tại tác giả vẽ một thiếu phụ mặc quần lĩnh bóng với áo cánh, không có áo dài phủ ngoài...

Trong làng Hội-Họa, khuynh hướng chung lúc ấy là sự nặn nọt hình thiếu nữ cho có vẻ mơ màng, ngây thơ, đa sầu. Dấu vết thời đại chẳng ? Ai vẽ mắt ướt, sắp khóc tài bằng Mai-trung-Thứ ? Tất cả thiếu-nữ của Lê-Phổ, mắt đều mờ, không ánh linh động.

Người ta muốn tác phẩm của mình có vẻ Tàu, Nhật ; người ta đóng lên tranh những dấu son chiu chít viết lên những hàng chữ Hán giải giòng, vẽ ra những hòn đá cái cây, giáng điệu mà chỉ thấy ở tranh

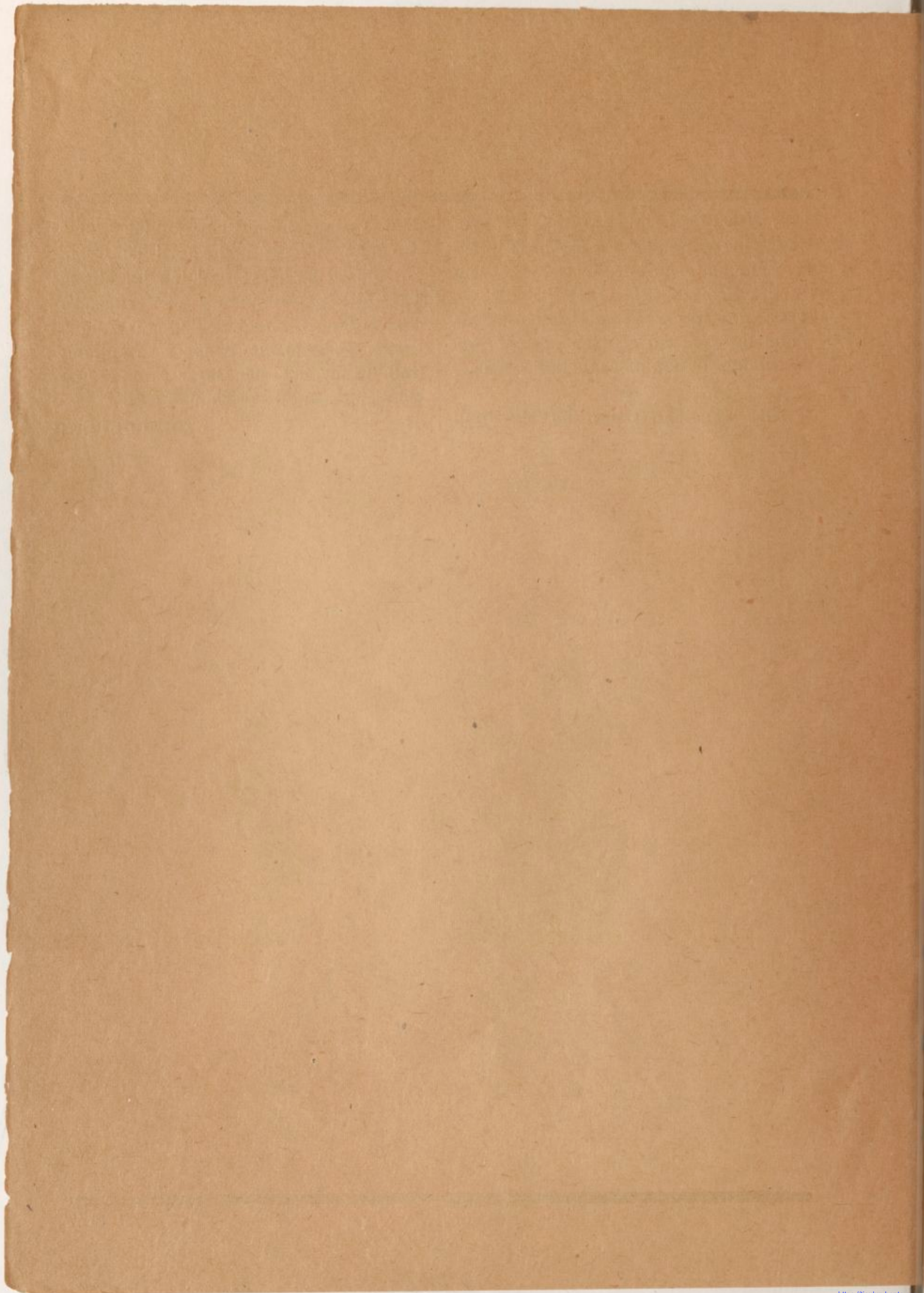
Tàu. « Tàu thực ! » là một tiếng khen bức tranh mà họa-sĩ tác giả mở lòng nhận lấy. Cảnh buồn cười đó đã bày ra một tâm trạng kiêu cách, trọng những lễ lối hơn là sự cảm xúc chân thật, dường như tác phẩm hội họa chỉ có dáng dấp bề ngoài mà không ẩn nấp một tâm hồn ở trong !



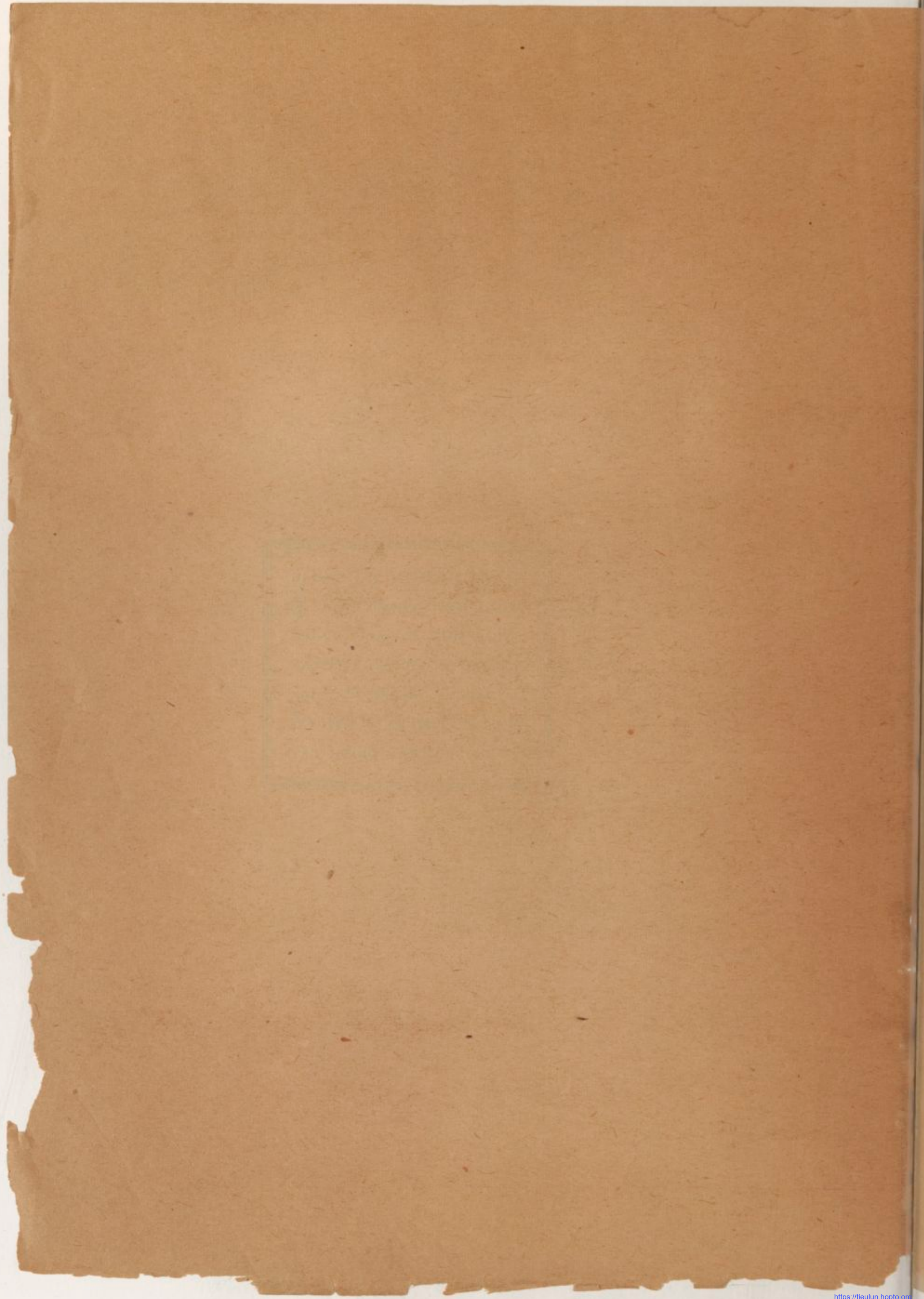
1931... Đấu xảo thuộc địa bên Pháp

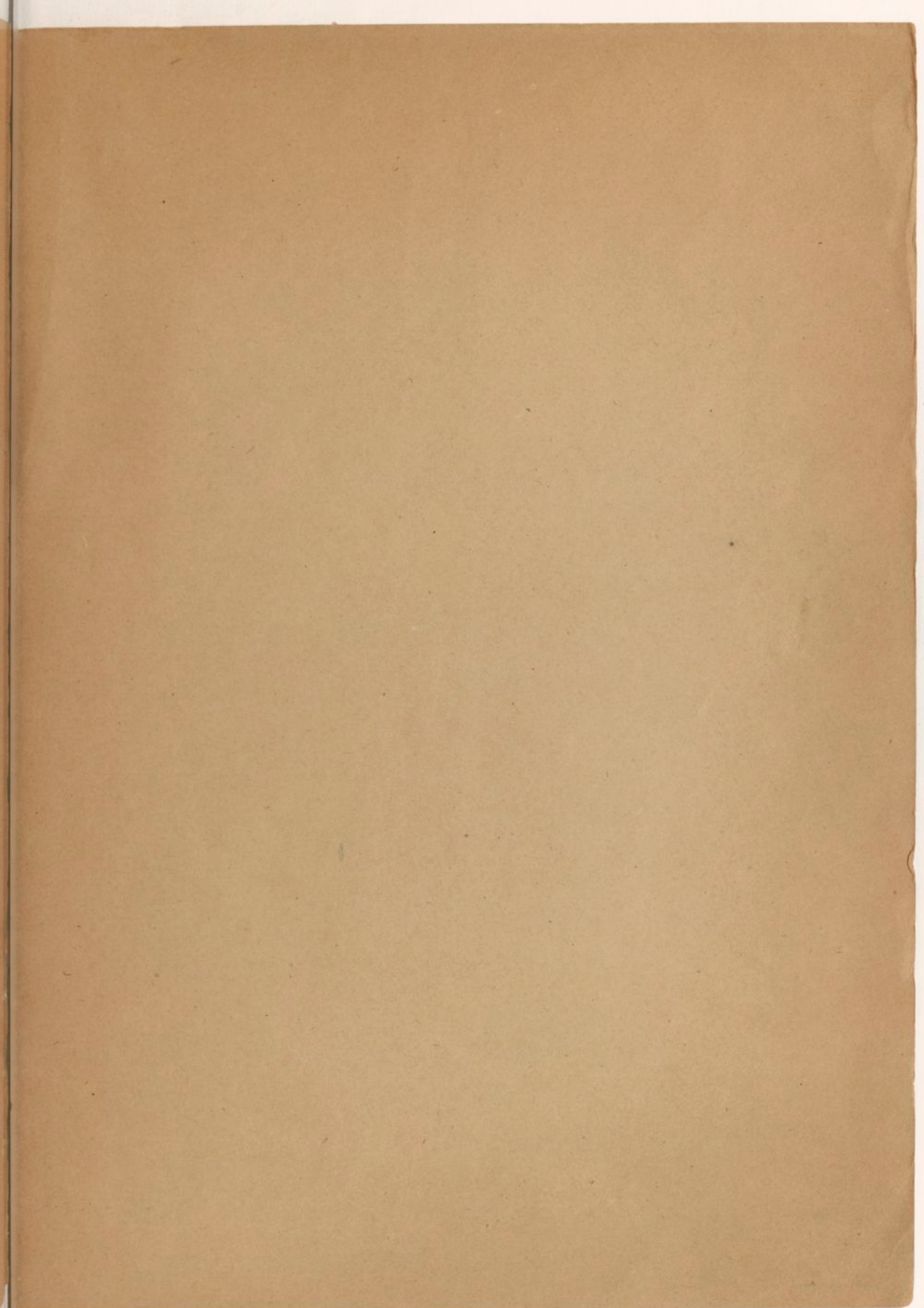
đã đưa công chúng Pháp lần đầu « gặp » tác phẩm hội họa Việt-Nam ! Tôi muốn nói những bức tranh vẽ lên lụa không Tây, không Tàu, không Nhật của anh chàng Phan-Chánh khư khư giữ ở ngày trước, cái anh chàng đã gây ra phong trào tranh lụa đặc biệt An-nam mà chính anh và tất cả ai không ngờ.

TÔ-NGỌC-VÂN



GIAI PHẨM IN TẠI NHÀ IN
NGÀY NAY, XONG NGÀY 20
AVRIL 1943. NGOÀI SỐ SÁCH
THƯỜNG CÓ IN RIÊNG 1200 BẢN
CÓ NỀN VÀ 72 BẢN GIẤY DÓ.
BÌA : MỘT BỨC TRANH CỜ
DO TÔ-NGỌC-VÂN TRÌNH BÀY





Tirage 3072 exemplaires
Imprimerie Ngây - Noy
Hanoi le 29/4/43



Giá : 2 § 80